N° 39 Septembre 1920

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TUỒNG LÔI-XÍCH (1)

TUỒNG PHÁP DỊCH RA QUỐC-NGỮ

Le Cid de PIERRE CORNEILLE traduit en annamite

ACTE III

Scène Première

D. RODRIGUE ELVIRE

ELVIRE

Rodrigue, qu'as-tu fait ? où viens-tu, misérable ?

D. RODRIGUE

Suivre le triste cours de mon sort déplorable.

ELVIRE

Où prends-tu cette audace et ce nouvel orgueil
De paraître en des lieux que tu remplis de deuil ?
Quoi ? viens-tu jusqu'ici braver l'ombre du Comte ?
Ne l'as-tu pas tué ?

D. RODRIGUE

Sa vie était ma honte ;
Mon honneur, de ma main, a voulu cet effort.

ELVIRE

Mais chercher ton asile en la maison du mort !
Jamais un meurtrier eu fit-il son refuge ?

HỒI THỨ BA

Kịch thứ nhất

Đ. LỘ-ĐỊCH, YẾN-NƯƠNG

YẾN-NƯƠNG

Lộ-địch, anh mới làm gì thế ? Anh là người hèn-mạt, anh đến đây làm chi ?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ta đến đây cho trót cái số-phận thảm-thương.

YẾN-NƯƠNG

Anh làm cho nhà này tang-tóc, sao anh còn dám cả gan ngông-ngáo mà đem mặt đến đây nữa ? Ồ hay ? Có lẽ anh đến tận đây mà ngạo-mạn vong-linh Bá-tước hay sao ? Không phải anh đã giết Bá-tước sao ?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Bá-tước sống là nhục cho ta ; danh-dự bắt ta phải ra tay.

YẾN-NƯƠNG

Nhưng anh đã giết người anh lại đến trốn ở nhà người, mới kỳ chứ ! Có đời thủa nào kẻ giết người lại ẩn-trốn như thế không ?

(1) Xem hai hồi đầu, N. P. n° 38.

D. RODRIGUE

Et je n'y viens aussi que m'offrir à mon juge.
Ne me regarde plus d'un visage étonné,
Je cherche le trépas après l'avoir donné.
Mon juge est mon amour, mon juge est ma Chimène.
Je mérite la mort de mériter sa haine.
Et j'en viens recevoir, comme un bien souverain,
Et l'arrêt de sa bouche, et le coup de sa main.

ELVIRE

Fuis plutôt de ses yeux, fuis de sa violence,
A ses premiers transports dérobe ta présence;
Va, ne t'expose point aux premiers mouvements
Que poussera l'ardeur de ses ressentiments.

D. RODRIGUE

Non, non, ce cher objet à qui j'ai pu déplaire
Ne peut pour mon supplice avoir trop de colère.
Et j'évite cent morts qui me vont accabler,
Si pour mourir plus tôt, je puis la redoubler.

ELVIRE

Chimène est au Palais, de pleurs toute baignée.
Et n'en reviendra point que bien accompagnée.
Rodrigue, fais de grâce, ôte-moi de souci ;
Que ne dira-t-on point si l'on te voit ici ?
Veux-tu qu'un médisant, pour comble à sa misère,
L'accuse d'y souffrir l'assassin de son père ?
Elle va revenir, elle vient, je la vois :
Du moins pour son honneur, Rodrigue, cache-toi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ta đến đây là để nộp mình cho quan xử-án ta mà thôi. Mi đừng lấy con mắt kinh-ngạc mà nhìn ta như thế. Ta đã giết người, nay ta đến cho người giết ta đây. Quan xử án ta là tình-nhân ta, quan xử-án ta là Chi-miên ái-nương của ta. Ta đã làm cho ái-nương oán-giận, thời chết đi cũng là đáng. Nay ta đến đây để nguyện xin ái-nương miệng phán cho một câu, tay đâm cho một nhát, thế là thỏa lòng ta vô-cùng.

YẾN-NƯƠNG

Anh chạy đi đừng để cho tiểu-thư trông thấy, đừng để cho tiểu-thư tức-giận, tiểu-thư còn đương bồi-hồi bồi-hồi, anh đừng nên ra mặt làm chi. Anh đi đi, đừng để cho tiểu-thư đương xót-xa đau-đớn mà thành ra cử-động quá điều.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Không, không, ta đã làm mất lòng ái-nương, ái-nương giận đến bao nhiêu, cũng chưa đang với tội. Nếu ta có thể làm cho nàng tức-giận bội phần lên để ta đây được chết ngay, thời ta còn tránh được trăm nghìn cái chết về sau này.

YẾN-NƯƠNG

Tiểu-thư còn vào cung vua than khóc, trở về chắc có người đưa. Anh Lộ-địch ơi, tôi xin anh, anh đừng để cho tôi lo phiền ; thiên-hạ trông thấy anh ở đây thời họ nói thế nào? Anh muốn cho có kẻ ác miệng lại buộc cho tiểu-thư là dong-túng kẻ giết cha, làm cho tiểu-thư thêm sầu-khổ hay sao ? Tiểu-thư sắp về, đương về kia, tôi trông thấy rồi. Anh Lộ-địch ơi, xin anh ít ra cũng giữ lấy danh-giá cho tiểu-thư, anh trốn đi.

Scène II

D. SANCHE, CHIMÈNE, ELVIRE

D. SANCHE

Oui, Madame, il vous faut de sanglantes victimes.
Votre colère est juste, et vos pleurs légitimes.
Et je n'entreprends pas, à force de parler,
Ni de vous adoucir, ni de vous consoler ;
Mais, si de vous servir je puis être capable,
Employez mon épée à punir le coupable,
Employez mon amour à venger cette mort,
Sous vos commandements mon bras sera trop fort.

CHIMÈNE

Malheureuse !

D. SANCHE

De grâce, acceptez mon service.

CHIMÈNE

J'offenserais le Roi, qui m'a promis justice,

D. SANCHE

Vous savez qu'elle marche avec tant de langueur
Qu'assez souvent le crime échappe à sa longueur :
Son cours, lent et douteux, fait trop perdre de larmes,
Souffrez qu'un cavalier vous venge par les armes :
La voie en est plus sûre et plus prompte à punir.

CHIMÈNE

C'est le dernier remède, et, s'il y faut venir,
Et que de mes malheurs cette pitié vous dure,
Vous serez libre alors de venger mon injure.

Kịch thứ II

Đ. SAN-SƠ, CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

Đ. SAN-SƠ

Phải, thưa nàng, nàng phải uống máu rửa hờn mới được. Nàng tức giận là phải, nàng than khóc là đáng. Tôi không dám nói dài lời, để mong cho nàng an-ủi. Nhưng vì nàng xét tôi có thể giúp, xin cứ dùng thanh gươm này, mà trị đứa có tội, xin cứ cậy ái-tình tôi mà trả cái thù này. Nàng mà phán-bảo thời tay này sẽ có dư sức mạnh.

CHI-MIÊN

Khốn-nạn cho tôi !

Đ. SAN-SƠ

Xin nàng làm ơn, nhận cho tôi giúp.

CHI-MIÊN

Tôi sợ mất lòng Hoàng-thượng, ngài đã hứa xử công-bằng.

Đ. SAN-SƠ

Nàng cũng biết Triều-đình xét án hay chậm-trễ, thường khi vì lâu quá, kẻ tội được thoát nạn : đã chậm-trễ lại hồ-đồ, dợi cho xong cũng phí nhiều nước mắt. Xin nàng chịu để cho một tay võ-sĩ lấy khí-giới mà trả thù nàng : cách trị tội đó vừa chắc và vừa mau hơn.

CHI-MIÊN

Đó là kế cùng ; nếu phải dùng đến kế ấy và nếu chàng vẫn còn bụng thương tôi, thời bấy giờ sẽ xin chàng cứ việc làm.

D. SANCHE

C'est l'unique bonheur où mon âme prétend,
Et, pouvant l'espérer, je m'en vais trop content.

Scène III

CHIMÈNE. ELVIRE

CHIMÈNE

Enfin je me vois libre et je puis sans contrainte
De mes vives douleurs te faire voir l'atteinte,
Je puis donner passage à mes tristes soupirs,
Je puis t'ouvrir mon âme et tous mes déplaisirs.
Mon père est mort, Elvire, et la première épée
Dont s'est armé Rodrigue a sa trame coupée.
Pleurez, pleurez, mes yeux, et fondez-vous en [eau,
La moitié de ma vie a mis l'autre au tombeau,
Et m'oblige à venger, après ce coup funeste,
Celle que je n'ai plus sur celle qui me reste.

ELVIRE

Reposez-vous Madame.

CHIMÈNE

Ah ! que mal à propos
Dans un malheur si grand tu parles de repos !
Par où sera jamais ma douleur apaisée,
Si je ne puis haïr la main qui l'a causée ?
Et que dois-je espérer qu'un tourment éternel,
Si je poursuis un crime, aimant le criminel ?

ELVIRE

Il vous prive d'un père, et vous l'aimez encore!

CHIMÈNE

C'est peu de dire aimer, Elvire, je l'adore !
Ma passion s'oppose à mon ressentiment :
Dedans mon ennemi je trouve mon amant,

Đ. SAN-SƠ

Lòng tôi chỉ mong - mỏi được cái hạnh-phúc đó, nay tôi có thể hi-vọng được, bước chân ra về, lấy làm vui-vẻ trong lòng quá.

Kịch thứ III

CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

CHI-MIÊN

Thôi thế là thoát, được thong-dong kể nỗi thảm-sầu cho mi hay, được ngồi mà than khóc cho thỏa lòng, giãi-tỏ tấm lòng đau-đớn cho mi biết. Yến-nương ôi, cha ta thế là chết rồi, Lô-địch mới cầm gươm lần thứ nhất, lưỡi gươm đã bị gẫy hẳn làm đôi. Khóc đi, khóc đi, mắt ta ôi, giọt lệ chứa-chan tầm-tã ! Thế là một nửa đời ta đã chôn nửa đời kia xuống mồ rồi, và vì án khốc-hại này bắt ta phải lấy nửa đời còn lại mà trả thù cho nửa đời mất đi.

YẾN-NƯƠNG

Xin cô nghỉ-ngơi cho xuôi lòng

CHI-MIÊN

Ôi ! Đương lúc cực-khổ thế này, mi khuyên ta nghỉ-ngơi, có trái ngược hay không ! Nếu cái tay đã làm cho ta đau khổ mà ta không nhẫn - tâm ghét được thời nỗi đau-khổ ta biết đến bao giờ cho nguôi ! Ta muốn trị tội mà ta lại thương-yêu kẻ phạm tội, thì còn mong - mỏi gì nữa, chỉ có chung-thân sầu-thảm mà thôi !

YẾN-NƯƠNG

Hắn giết cha cô mà cô còn thương yêu hắn sao ?

CHI-MIÊN

Yến-nương ôi, ta có thương-yêu hắn mà thôi đâu, ta say mê hắn nữa ! Cái dục - tình ta nó phản-đối với

Et je sens qu'en dépit de toute ma colère,
Rodrigue dans mon cœur combat encor mon [père.
Il l'attaque, il le presse, il cède, il se défend,
Tantôt fort, tantôt faible, et tantôt triomphant;
Mais, en cedur combat de colère et de flamme,
Il déchire mon cœur sans partager mon âme.
Et, quoi que mon amour ait sur moi du [pouvoir,
Je ne consulte point pour suivre mon devoir,
Je cours sans balancer où mon honneur m'o-blige.
Rodrigue m'est bien cher, son intérêt m'afflige,
Mon cœur prend son parti, mais, malgré son effort,
Je sais ce qae je suis, et que mon père est mort.

ELVIRE

Pensez-vous le poursuivre ?

CHIMÈNE

Ah ! cruelle pensée,
Et cruelle poursuite où je me vois forcée !
Je demande sa tête, et crains de l'obtenir :
Ma mort suivra la sienne, et je le veux punir.

ELVIRE

Quittez, quittez, Madame, un dessein si tragique.
Ne vous imposez point de loi si tyrannique.

CHIMÈNE

Quoi ! mon père étant mort, et presque entre mes bras,
Son sang criera vengeance, et je ne l'aurai pas?
Mon cœur, honteusement surpris par d'autres charmes,
Croira ne lui devoir que d'impuissantes larmes?
Et je pourrai souffrir qu'un amour suborneur
Sous un lâche silence étouffe mon honneur ?

lòng oán-hận ta : chàng ngoài là người cừu-địch, trong là kẻ tình-nhân ; tuy ta vẫn hết sức căm giận mà hình như ta thấy trong lòng ta Lộ-địch vẫn còn quyết-đấu với cha ta. Hắn công-kích, hắn đàn-áp, hắn chịu lui về, hắn chống cự lại, khi thời mạnh, khi thời yếu, khi thời thắng đoạt cả. Nhưng trong cuộc chiến-đấu kịch-liệt của sự căm-giận với cái dục-tình ấy, hắn chỉ làm cho ta đứt ruột mà không siêu được lòng ta : tuy ái-tình ta mạnh thật, mà nghĩa-vụ ta phải làm, danh-dự đã buộc làm, ta không có do-dự. Ta yêu qui Lộ-địch, ta ái-ngại cho chàng ; lòng ta có thiên-vị thật, nhưng dù lòng ta miễn-cưỡng thế nào ta cũng không quên ta là ai, ta cũng không quên cha ta đã bị chết.

YẾN-NƯƠNG

Cô có định xin hành-tội chàng không?

CHI-MIÊN

Ôi ! Nghĩ đến mà đau-đớn thay ! Xin hành-tội cũng cực lòng mà ta không thể không xin được. Ta xin vua lấy đầu chàng mà ta lại sợ vua cho thật; chàng chết thời ta cũng chết theo, mà ta lại muốn trị tội chàng.

YẾN-NƯƠNG

Thôi, thưa cô, cô mưu làm chi sự thảm-hại như thế : cô chẳng nên buộc mình phải theo cái luật-pháp khốc-hại ấy làm chi.

CHI-MIÊN

Ôi ! Cha ta chết, giữa trong tay ta, máu oan kêu phải trả thù, mà ta lại làm ngơ hay sao ? Lòng ta dốn đến nỗi vì say mê nỗi khác mà chỉ biết than khóc xuông hay sao ? Ta lại chịu cho cái dục-tình cám-dỗ nó vùi-rập mất danh-dự ta hay sao ?

ELVIRE

Madame, croyez-moi, vous serez excusable
D'avoir moins de chaleur contre un objet aimable ;
Contre un amant si cher vous avez assez fait :
Vous avez vu le Roi, n'en pressez point d'effet,
Ne vous obstinez point en cette humeur étrange.

CHIMÈRE

Il y va de ma gloire, il faut que je me venge,
Et, de quoi que vous flatte un désir amoureux,
Toute excuse est honteuse aux esprits généreux.

ELVIRE

Mais vous aimez Rodrigue, il ne vous peut déplaire.

CHIMÈNE

Je l'avoue.

ELVIRE

Après tout, que pensez-vous donc faire ?

CHIMÈNE

Pour conserver ma gloire et finir mon ennui,
Le poursuivre, le perdre, et mourir après lui.

Scène IV

D. RODRIGUE, CHIMÈNE, ELVIRE

D. RODRIGUE

Et bien? sans vous donner la peine de poursuivre,
Assurez-vous l'honneur de m'empêcher de vivre.

CHIMÈNE

Elvire, où sommes-nous, et qu'est-ce que je vois ?
Rodrigue en ma maison ! Rodrigue devant moi !

YẾN-NƯƠNG

Thưa cô, con tưởng đối với một người yêu, dẫu kém chút nóng-giận, cũng là sự khả-nguyên. Đối với kẻ tình-nhân yêu-qui, cô làm thế tưởng cũng đủ rồi : cô đã kêu Hoàng-thượng, chẳng nên giục vội chi. Xin cô đừng ảo-não mãi làm chi.

CHI-MIÊN

Việc là việc danh-dự, ta phải trả thù xong. Dù dục-tình muốn cám-dỗ thế nào, người khảng-khái chịu thôi là hèn lắm.

YẾN-NƯƠNG

Nhưng cô thương-yêu Lộ-địch, chàng không thể làm cho cô tức-giận được.

CHI-MIÊN

Ta xin thú thật có thế.

YẾN-NƯƠNG

Thôi thì cô định làm thế nào ?

CHI-MIÊN

Cho được trọn danh-dự, cho được hết phiền-não, ta xin hành-tội chàng, chàng chết rồi, ta chết theo.

Kịch thứ IV

Đ. LỘ-ĐỊCH, CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

Đ. LỘ-ĐỊCH

Thôi, nàng đừng phiền xin hành-tội tôi làm chi. Xin nàng giữ lấy danh-dự giết tôi đi cho xong.

CHI-MIÊN

Yến-nương ơi ! Chỗ này là chỗ nào ? Ta trông thấy gì kia ? Trời ôi, Lộ-địch ở nhà ta ! Lộ-địch đứng trước ta !

D. RODRIGUE

N'épargnez point mon sang, goûtez sans résistance
La douceur de ma perte et de votre vengeance.

CHIMÈNE

Hélas!

D. RODRIGUE

Ecoute-moi.

CHIMÈNE

Je me meurs

D. RODRIGUE

Un moment.

CHIMÈNE

Va, laisse-moi mourir.

D. RODRIGUE

Quatre mots seulement,
Après ne me réponds qu avec cette épée.

CHIMÈNE

Quoi! du sang de mon père encor toute trempée!

D. RODRIGUE

Ma Chimène!

CHIMÈNE

Ote-moi cet objet odieux,
Qui reproche ton crime et ta vie à mes yeux.

D RODRIGUE

Regarde le plutôt pour exciter ta haine,
Pour croître ta colère, et pour hâter ma peine.

CHIMÈNE

Il est teint de mon sang.

D. RODRIGUE

Plonge-le dans le mien,
Et fais-lui perdre ainsi la teinture du tien.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Xin nàng đừng để tôi sống làm gì, nàng giết tôi đi cho cam lòng hiếu-tử, cho hả dạ báo-thù!

CHI-MIÊN

Than-ôi!

Đ. LỘ-ĐỊCH

Mình ôi, mình nghe lời tôi.

CHI-MIÊN

Tôi chết mất.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Xin khoan cho một lát.

CHI-MIÊN

Anh đi đi, để cho tôi chết.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Xin để cho nói một vài câu, xong rồi lấy gươm mà trả lời.

CHI-MIÊN

Trời ôi, gươm còn đẫm những máu cha tôi!

Đ. LỘ-ĐỊCH

Chi-miên ái-nương ôi!

CHI-MIÊN

Anh bỏ thanh gươm ghê-thảm kia đi, tôi trông thấy mà giận vì tội anh, giận cho đời anh.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Xin cứ nhìn cho giục thêm lòng tức giận, để cho tôi mau được chịu tội.

CHI-MIÊN

Gươm còn đầy những máu tôi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Xin đâm vào máu tôi, để cho sạch máu mình.

CHIMÈNE

Ah ! quelle cruauté, qui tout en un jour tue
Le père par le fer, la fille par la vue !
Ote-moi cet objet, je ne le puis souffrir.
Tu veux que je t'écoute, et tu me fais mourir !

D. RODRIGUE

Je fais ce que tu veux, mais sans quitter l'envie
De finir par tes mains ma déplorable vie :
Car enfin n'attends pas de mon affection
Un lâche repentir d'une bonne action.
L'irréparable effet d'une chaleur trop prompte
Déshonorait mon père, et me couvrait de honte ;
Tu sais comme un souffet touche un homme de cœur.
J'avais part à l'affront, j'en ai cherché l'auteur,
Je l'ai vu, j'ai vengé mon honneur et mon père,
Je le ferais encor, si j'avais à le faire.
Ce n'est pas qu'en effet contre mon père et moi
Ma flamme assez longtemps n'ait combattu pour toi :
Juge de son pouvoir ! Dans une telle offense
J'ai pu délibérer si j'en prendrais vengeance ;
Réduit à te déplaire, ou souffrir un affront,
J'ai pensé qu'à son tour mon bras était trop prompt,
Je me suis accusé de trop de violence,
Et ta beauté sans doute emportait la balance,
A moins que d'opposer à tes plus forts appas
Qu'un homme sans honneur ne te méritait pas,
Que, malgré cette part que j'avais en ton âme,
Qui m'aima généreux me haïrait infâme,
Qu'écouter ton amour, obéir à sa voix,

CHI-MIÊN

Trời ơi ! độc - ác chưa, trong một ngày giết cha bằng lưỡi gươm, giết con bằng mắt nhìn ! Anh bỏ cái này đi, tôi không sao nhìn được. Anh muốn tôi nghe anh, mà anh làm tôi chết.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Nàng muốn vậy tôi xin vâng, nhưng tôi vẫn khăng-khăng cầu-nguyện được tay nàng giết cho xong cái đời thảm-hại này. Vì nàng đừng tưởng rằng tôi yêu nàng mà đến đem lòng hèn-mạt hối-hận một việc nghĩa tôi đã làm. Bởi ai nóng-nẩy quá-đáng mà làm cho cha tôi phải bị nhục, tôi đây phải nhơ-nhuốc ; nàng cũng biết rằng một cái tát đối với người khẳng-khái là quan-hệ biết dường nào. Tôi có phần trong sự nhục ấy, tôi phải tìm cho được người làm nhục, tìm đã được, tôi phải trả thù cho danh-dự tôi, trả thù cho phụ-thân tôi. Vì phải làm thế nữa, tôi cũng lại làm. Không phải rằng cái ái-tình của tôi với nàng nó không chống-cưỡng mãi, nó không phản - đối cha tôi với tôi : nàng xét đó thời biết nó mạnh là dường nào ! Trong việc lăng-nhục này, tôi đã suy-tính mãi, xem có nên trả thù không ; một là mất lòng nàng, hai là phải mang nhục, tôi nghĩ rằng tay tôi cũng lại nóng nẩy quá, tôi tự trách tôi là bạo - động : vì không nghĩ lại rằng người đã mất danh-dự thời không xứng-đáng với nàng, nghĩ lại rằng tuy bụng nàng cũng có một chút tình với tôi thật nhưng thương yêu tôi vì khẳng-khái tất ghét-bỏ tôi vì ô-nhục, nghĩ lại rằng nếu cứ nhắm mắt mà theo cái ái-tình với nàng thời tức là tự làm cho mình không xứng đáng nữa, tức là làm phi mất cái bụng nàng đã kén chọn, vì tôi không lấy bấy nhiêu lẽ mà phản-đối lại với cái nhan-sắc tuyệt-trần của nàng, thời có lẽ nhan-sắc nàng được phần hơn vậy.

C'était m'en rendre indigne, et diffamer ton choix.
Je te le dis encor, et, quoi que j'en soupire,
Jusqu'au dernier soupir je veux bien le redire,
Je t'ai fait une offense, et j'ai dû m'y porter,
Pour effacer ma honte et pour te mériter.
Mais, quitte envers l'honneur et quitte envers mon père,
C'est maintenant à toi que je viens satisfaire,
C'est pour t'offrir mon sang qu'en ce lieu tu me vois;
J'ai fait ce que j'ai dû, je fais ce que je dois.
Je sais qu'un père mort t'arme contre mon crime,
Je ne t'ai pas voulu dérober ta victime :
Immole avec courage au sang qu'il a perdu
Celui qui met sa gloire à l'avoir répandu.

CHIMENE

Ah ! Rodrigue, il est vrai, quoi que ton ennemie,
Je ne puis te blâmer d'avoir fui l'infamie.
Et, de quelque façon qu'éclatent mes douleurs,
Je ne t'accuse point, je pleure mes malheurs.
Je sais ce que l'honneur, après un tel outrage,
Demandait à l'ardeur d'un généreux courage:
Tu n'as fait le devoir que d'un homme de bien ;
Mais aussi, le faisant, tu m'as appris le mien,
Ta funeste valeur m'instruit par ta victoire.
Elle a vengé ton père et soutenu ta gloire,
Même soin me regarde, et j'ai, pour m'affliger,
Ma gloire à soutenir et mon père à venger.
Hélas ! ton intérêt ici me désespère.
Si quelqu'autre malheur m'avait ravi mon père,
Mon âme aurait trouvé dans le bien de te voir
L'unique allègement qu'elle eût pu recevoir,
Et contre ma douleur j'aurais senti des charmes,
Quand une main si chère eût essuyé mes larmes,

Tôi xin nói lại cho nàng rõ, tuy nói thì cực lòng mà kỳ cho đến lúc tắt nghỉ tôi cũng xin nói lại cho nàng rõ rằng tôi làm sự đó là phạm lỗi với nàng, nhưng cái thế tôi phải làm như thế để rửa nhục cho tôi và để được xứng-đáng lòng nàng. Nhưng nay tôi đã trả nợ danh-dự, trả nợ phụ-thân rồi, tôi đến đây để phục tội với nàng, tôi đến chốn này để đem mình hi-sinh cho nàng. Việc trước phải làm tôi đã làm, phận nay phải chịu tôi xin chịu. Tôi biết rằng nàng vì phụ-thân bị hại mà phải ra tay trị tôi, tôi không muốn trốn-tránh làm chi : xin nàng ra sức can-đảm mà giết cái kẻ nó đã tự-cao giết được người ta để làm hi-sinh cho oan-hồn người bị chết.

CHI-MIÊN

Ôi ! Lộ-quân, tôi nay tuy là cừu-địch với chàng mà thật tôi không thể trách chàng đã tránh sự ô-nhục : dù tôi đau xót thế nào, tôi không có buộc tội cho chàng, tôi than-khóc nỗi khổ của tôi mà thôi. Tôi biết rằng sau một sự nhục như thế thời danh-dự buộc cho người có lòng nhiệt-thành khẳng-khái phải thế nào: chàng làm thế chẳng qua là làm nghĩa-vụ kẻ trượng-phu mà thôi ; nhưng chàng làm nghĩa-vụ của chàng tức là chàng chỉ nghĩa-vụ cho tôi ; cái tài-cán khốc-hại của chàng nó làm cho chàng được việc, tức là nó mở mắt cho tôi biết đường. Tài-cán ấy đã trả thù cho thân-phụ chàng, đã gìn-giữ cho danh-giá chàng, nay việc đó lại đến phần tôi, và khốn cho tôi, tôi cũng có danh-giá phải gìn-giữ, tôi cũng có phụ-thân phải trả thù. Than ôi ! nói đến sự chàng đây mà tôi cực-khổ thay ! Vì cha tôi chết về nạn khác, thời tôi được trông thấy chàng bây giờ còn sự giải-phiền nào bằng nữa, được cái tay yêu-qui kia chùi nước mắt cho thời lòng đau đớn cũng được an-ủi

Mais il me faut te perdre après l'avoir perdu,
Cet effort sur ma flamme à mon honneur est dû,
Et cet affreux devoir, dont l'ordre m'assassine,
Me force à travailler moi-même à ta ruine.
Car enfin n'attends pas de mon affection
De lâches sentiments pour ta punition :
De quoi qu'en ta faveur notre amour m'entretienne,
Ma générosité doit répondre à la tienne :
Tu t'es en m'offensant montré digne de moi,
Je me dois par ta mort montrer digne de toi.

D. RODRIGUE

Ne diffère donc plus ce que l'honneur t'ordonne.
Il demande ma tête, et je te l'abandonne,
Fais-en un sacrifice à ce noble intérêt.
Le coup m'en sera doux aussi bien que l'arrêt.
Attendre après mon crime une lente justice,
C'est reculer ta gloire autant que mon supplice.
Je mourrai trop heureux, mourant d'un coup si beau.

CHIMÈNE

Va, je suis ta partie, et non pas ton bourreau
Si tu m'offres ta tête, est-ce à moi de la prendre ?
Je la dois attaquer, mais tu dois la défendre :
C'est d'un autre que toi qu'il me faut l'obtenir,
Et je dois te poursuivre, et non pas te punir.

D. RODRIGUE

De quoi qu'en ma faveur notre amour t'entretienne,
Ta générosité doit répondre à la mienne,
Et pour venger un père emprunter d'autres bras,
Ma Chimène, crois-moi, c'est n'y répondre pas.
Ma main seule du mien a su venger l'offense,

nhiều phần, nhưng tôi đã mất cha tôi, tôi lại mất cả chàng ; tôi phải ra tay vùi rập mối tình-duyên để trả nghĩa cho danh-dự, cái nghĩa-vụ cực-khổ ấy nghĩ đến mà đứt ruột ra, nó bắt buộc tôi phải tự tay làm hại chàng. Vì chàng cũng đừng tưởng rằng tôi yêu chàng mà đến đem lòng hèn-mạt tiếc phải ra tay trị tội chàng đâu ; dù cái ái-tình đôi ta nó khiến cho tôi thiên-vị chàng dường nào nữa, lòng khẳng-khái tôi cũng phải ngang với lòng chàng mới được : chàng làm nhục tôi để cho xứng-đáng với tôi, tôi cũng phải làm hại chàng cho được xứng-đáng với chàng.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Vậy thời danh-dự đã truyền như vậy, xin đừng trì-hoãn làm chi. Danh-dự bắt nàng phải lấy đầu tôi, tôi xin đem đầu lại nộp trước nàng. Xin nàng ra tay hi-sinh, cho thỏa tấm lòng cao-thượng. Nàng phán tội tôi xin chịu, nàng ra tay tôi cam-tâm. Tội tôi đã đáng, đợi cho xử xong, không khỏi chậm-trễ, chậm cho danh nàng, chậm cho tội tôi. Chết vì tay người yêu, tôi chết cũng được sướng.

CHI-MIÊN

Thôi thưa chàng, tôi là người cáo-tố, không phải là người hành-tội. Chàng đem đầu cho tôi, có phải tay tôi được lấy chăng ? Nghĩa tôi phải xin đầu chàng, nhưng nghĩa chàng phải chống-chế lấy : tôi xin là để được ở tay người khác, không phải ở tay chàng, vì phận tôi chỉ biết cáo-tố, không tri tội được chàng.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ái-tình đôi ta dù có làm cho nàng vì-nể tôi thế nào mặc dầu, lòng nàng cũng nên khẳng-khái như lòng tôi mới phải. Xin ái-nương nghe tôi, mượn tay kẻ khác để báo thù cho cha, chưa phải là báo thù. Tôi đã tự tay báo-thù

Ta main seule du tien doit prendre la vengeance.

CHIMÈNE

Cruel, à quel propos sur ce point t'obstiner ?
Tu t'es vengé sans aide, et tu m'en veux donner!
Je suivrai ton exemple, et j'ai trop de courage
Pour souffrir qu'avec toi ma gloire se partage.
Mon père et mon honneur ne veulent rien devoir
Aux traits de ton amour ni de ton désespoir.

D. RODRIGUE

Rigoureux point d'honneur ! Hélas ! quoi que je fasse,
Ne pourrai-je à la fin obtenir cette grâce ?
Au nom d'un père mort, ou de notre amitié,
Punis-moi par vengeance, ou du moins par pitié ;
Ton malheureux amant aura bien moins de peine
A mourir par ta main qu'à vivre avec ta haine.

CHIMÈNE

Va, je ne te hais point.

D. RODRIGUE

Tu le dois.

CHIMÈNE

Je ne puis.

D. RODRIGUE

Crains-tu si peu le blâme et si peu les faux bruits
Quand on saura mon crime, et que ta flamme dure
Que ne publieront point l'envie et l'imposture?
Force-les au silence et, sans plus discourir,
Sauve ta renommée en me faisant mourir.

cho cha tôi, nàng cũng phải tự tay báo thù cho cha nàng.

CHI-MIÊN

Ôi ! ác-nghiệp thay ! cớ sao mà chàng cứ khăng-khăng như vậy ? Chàng báo thù không ai giúp, chàng lại muốn giúp tôi báo-thù sao ? Tôi cũng làm như chàng, và tôi cũng có đủ sức can-đảm không chịu chia danh-tiếng với chàng. Cha tôi, danh-dự tôi, không muốn phải nhờ đến ái-tình hay là lòng uất-phẫn của chàng

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ôi ! nghiêm-khắc thay là cái lòng ham danh-dự ! Than ôi ! thế ra làm thế nào tôi cũng không mong được cái ơn-huệ ấy hay sao ? Xin nàng vì phụ-thân bị chết, hay vì tình-nghĩa đôi ta, không trị tội để báo thù cũng trị tội vì thương tôi ; kẻ tình-nhân khốn-nạn của nàng thà chết đi bởi tay nàng còn không khổ bằng sống lại mà nàng ghét.

CHI-MIÊN

Thôi, tôi không có ghét chàng đâu.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Nàng ghét mới phải nghĩa.

CHI-MIÊN

Tôi không thể sao được.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Thế ra nàng không sợ thiên-hạ chê-cười, không sợ tiếng đồn ánh-ỏi, hay sao ? Đến khi người ta biết rằng tôi phạm tội như thế, mà nàng vẫn mang lòng thương, thời kẻ ghét-ghen, người sàm-báng, họ phao-truyền lên thế nào ? Nàng nên làm cho bịt miệng những kẻ ấy, và chẳng nên biện-bạch dài lời, xin cứ giết tôi đi cho toàn danh-tiếng.

CHIMÈNE

Elle éclate bien mieux en te laissant la vie,
Et je veux que la voix de la plus noire envie
Elève au Ciel ma gloire et plaigne mes ennuis,
Sachant que je t'adore, et que je te poursuis.
Va-t'-en, ne montre plus à ma douleur extrême
Ce qu'il faut que je perde, encore que je l'aime.
Dans l'ombre de la nuit cache bien ton départ.
Si l'on te voit sortir, mon honneur court hasard.
La seule occasion qu'aura la médisance,
C'est de savoir qu'ici j'ai souffert ta présence;
Ne lui donne point lieu d'attaquer ma vertu.

D. RODRIGUE

Que je meure.

CHIMÈNE

Va-t'en.

D. RODRIGUE

A quoi te résous-tu ?

CHIMÈNE

Malgré des feux si beaux qui troublent ma colère,
Je ferai mon possible à bien venger mon père :
Mais, malgré la rigueur d'un si cruel devoir,
Mon unique souhait est de ne rien pouvoir.

D. RODRIGUE

O miracle d'amour !

CHIMÈNE

O comble de misères !

D. RODRIGUE

Que de maux et de pleurs nous coûteront nos pères !

CHIMÈNE

Rodrigue, qui l'eût cru !

D. RODRIGUE

Chimène, qui l'eût dit !

CHI-MIÊN

Càng để cho chàng sống, danh tiếng lại càng hơn, và tôi muốn cho kẻ rất mực ghét-ghen xấu-bụng cũng phải ngợi-khen tôi mà lại ái-ngại cho tôi, biết rằng tôi yêu chàng mà tôi vẫn tố-cáo chàng. Xin chàng lui gót, đừng để cho lòng tôi cực-khổ trông thấy người yêu mà đành phải chịu bỏ. Chàng có ra xin chàng lẻn ra buổi tối. Nếu người ta trông thấy chàng đi ra, thời danh-dự tôi nguy mất. Thiên-hạ có biết tôi dung-túng chàng ở đây, mới có cớ mà phao lời bỉ-báng ; chàng đừng để cho người ta phạm đến danh-giá tôi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Xin cho tôi chết.

CHI-MIÊN

Chàng ra đi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Vậy thời nàng định thế nào ?

CHI-MIÊN

Dẫu lửa tình có làm cho rối lòng oán-hận, tôi cũng sẽ hết sức trả thù cho cha tôi ; song, dù nghĩa-vụ nghiêm-khốc là dường nao, tôi cũng chỉ ước-ao cho việc không thành được mà thôi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ôi ! ái-tình là sự lạ thay !

CHIMÈNE

Ôi ! cực-khổ nào bằng cực-khổ này !

Đ. LỘ-ĐỊCH

Vì nỗi cha đôi ta sầu-khổ biết bao !

CHIMÈNE

Lộ-lang ôi ! Ai ngỡ thế này !

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ái-nương hỡi ! ai ngờ như vậy !

CHIMÈNE

Que notre heur fut si proche et sitôt se perdit !

D. RODRIGUE

Et que si près du port, contre toute apparence,
Un orage si prompt brisât notre espérance ?

CHIMÈNE

Ah ! mortelles douleurs !

D. RODRIGUE

Ah ! regrets superflus ?

CHIMÈNE

Va-t'en encor un coup, je ne t'écoute plus.

D. RODRIGUE

Adieu, je vais traîner une mourante vie,
Tant que par ta poursuite elle me soit ravie.

CHIMÈNE

Si j'en obtiens l'effet, je t'engage ma foi
De ne respirer pas un moment après toi.
Adieu, sors, et surtout garde bien qu'on te voie.

ELVIRE

Madame, quelques maux que le Ciel nous envoie...

CHIMÈNE

Ne m'importune plus, laisse-moi soupirer,
Je cherche le silence et la nuit pour pleurer.

Scène V

D. DIÈGUE

Jamais nous ne goûtons de parfaite allégresse,
Nos plus heureux succès sont mêlés de tristesse,
Toujours quelques soucis en ces événements,
Troublent la pureté de nos contentements.
Au milieu du bonheur mon âme en sent l'atteinte :

CHI-MIÊN

Ai ngỡ rằng hạnh-phúc đã gần tới mà chóng mất như thế !

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ai ngờ đã gần ngày đến bến bỗng đâu nổi cơn gió bão, làm cho tiêu lòng hi-vọng !

CHI-MIÊN

Than ôi, ruột tằm đòi đoạn !

Đ. LỘ-ĐỊCH

Than ôi, thương-tiếc biết sao !

CHI-MIÊN

Tôi van chàng ra đi, tôi không nghe nói nữa.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Vậy tôi xin từ-biệt ; nàng còn khống-tố cho tôi chết, thời tôi sống cũng là sống thừa.

CHI-MIÊN

Nếu tôi khống-tố mà được, thời tôi thề-nguyện với chàng, không có sống sau chàng một khoảnh-khắc. Tôi cũng từ-biệt chàng, chàng ra đi, giữ khéo người ta trông thấy.

YẾN-NƯƠNG

Thưa cô, dù Trời bắt chịu khổ dường nào...

CHI-MIÊN

Đừng nói lôi-thôi nữa, mi để cho ta thở than, ta tìm nơi đêm khuya vắng-vẻ để than khóc cho thỏa lòng.

Kịch thứ V

Đ. ĐỊCH-YẾT

Người ta ở đời không bao giờ được vui sướng hoàn-toàn, đương khi đắc-thắng vẫn có nỗi buồn-rầu, bao giờ cũng có sự lo-lắng làm cho lạc mất cái thú vui. Giữa lúc khoái-lạc như thế

Je nage dans la joie, et je tremble de crainte ;
J'ai vu mort l'ennemi qui m'avait outragé,
Et je ne saurais voir la main qui m'a vengé.
En vain je m'y travaille, et d'un soin inutile,
Tout cassé que je suis, je cours toute la ville,
Ce peu que mes vieux ans m'ont laissé de vigueur,
Se consume sans fruit à chercher ce vainqueur.
A toute heure, en tous lieux, dans une nuit si sombre,
Je pense l'embrasser et n'embrasse qu'une ombre,
Et mon amour, déçu par cet objet trompeur,
Se forme des soupçons qui redoublent ma peur.
Je ne découvre point de marques de sa fuite,
Je crains du Comte mort les amis et la suite ;
Leur nombre m'épouvante et confond ma raison.
Rodrigue ne vit plus, ou respire en prison.
Justes Cieux ! me trompé-je encore à l'apparence,
Ou si je vois enfin mon unique espérance ?
C'est lui, n'en doutons plus, mes vœux sont exaucés,
Ma crainte est dissipée et mes ennuis cessés.

Scène VI

D. DIÈGUE, D. RODRIGUE

D. DIÈGUE

Rodrigue, enfin le Ciel permet que je te voie !

D. RODRIGUE

Hélas !

D. DIÈGUE

Ne mêle point de soupirs à ma joie,
Laisse-moi prendre haleine afin de te louer.
Ma valeur n'a point lieu de te désavouer.
Tu l'as bien imitée, et ton illustre audace,
Fait bien revivre en toi les héros de ma race,
C'est d'eux que tu descends, c'est de moi que tu viens,

này mà lòng tôi lại áy-náy: tôi vui-vẻ thật, mà tôi vẫn lo sợ ; kẻ cừu-địch làm nhục tôi, tôi đã trông thấy chết, mà tôi không được trông thấy tay đã báo thù cho tôi, Tôi cố tìm mà không thấy, không quản thân già mình yếu chạy khắp trong tỉnh-thành cũng chẳng thấy đâu, tuổi già còn được chút sức thừa, kiệt-lực cũng không tìm thấy tay thiện-thắng. Đêm tối như thế, giờ nào cũng đi, nơi nào cũng đến, tưởng hôn được người, thành ra hôn bóng. Lòng yêu-dấu mong gặp người mà không được, lại càng thêm nghi-ngờ lo-sợ. Không tìm thấy vết hắn chạy trốn, e Bá-tước chết còn có gia-nhân bè-bạn nhiều người, nghĩ mà rùng mình rối trí. Lộ-địch bây giờ không chết thời cũng bị giam rồi. . . . Trời đất ôi ! có phải mắt tôi mờ hoặc, hay là tôi đã trông thấy con qui tôi kia rồi ? Thôi chính phải hắn, không còn ngờ nữa, thế là lòng tôi cầu-nguyện đã thành, hết lo-sợ, hết phiền-não.

Kịch thứ VI

Đ. ĐỊCH-YẾT Đ. LỘ-ĐỊCH

Đ. ĐỊCH-YẾT

Lộ-địch con ơi, bây giờ Trời mới cho cha được trông thấy con !

Đ. LỘ-ĐỊCH

Than ôi !

Đ. ĐỊCH-YẾT

Cha đương vui mừng, con đừng than-thở, để cho cha thư-thả mà ngợi khen con. Cha thế này, con thế ấy, thật không phải là không đáng, tài-cán cha con đã khéo bắt chước, can-đảm con thật đã nên hiển-hách, đủ làm khởi-sắc cho tổ-tôn oanh-

Ton premier coup d'épée égale tous les miens,
Et d'une belle ardeur ta jeunesse animée,
Par cette grande épreuve atteint ma renommée,
Appui de ma vieillesse, et comble de mon heur,
Touche ces cheveux blancs à qui tu rends l'honneur,
Viens baiser cette joue, et reconnais la place
Où fut empreint l'affront que ton courage efface.

D. RODRIGUE

L'honneur vous en est dû, je ne pouvais pas moins
Etant sorti de vous et nourri par vos soins :
Je m'en tiens trop heureux, et mon âme est ravie
Que mon coup d'essai plaise à qui je dois la vie ;
Mais parmi vos plaisirs ne soyez point jaloux
Si je m'ose à mon tour satisfaire après vous.
Souffrez qu'en liberté mon désespoir éclate.
Assez et trop longtemps votre discours le flatte :
Je ne me repens point de vous avoir servi,
Mais rendez-moi le bien que ce coup m'a ravi.
Mon bras, pour vous venger armé contre ma flamme,
Par ce coup glorieux m'a privé de mon âme.
Ne me dites plus rien, pour vous j'ai tout perdu,
Ce que je vous devais, je vous l'ai bien rendu.

D. DIÈGUE

Porte, porte plus haut le fruit de ta victoire.
Je t'ai donné la vie et tu me rends ma gloire,
Et d'autant que l'honneur m'est plus cher que le jour,
D'autant plus maintenant je te dois de retour.
Mais d'un cœur magnanime éloigne ces faiblesses,
Nous n'avons qu'un honneur, il est tant de maîtresses

liệt giống nhà. Con là cháu chắt tổ tôn ấy, con là giòng-giống của cha này. Con mới ra tay thử kiếm, đã bằng cả ông cha, tuổi con trẻ mà khí con hăng, mới ra thử tài quyết-đấu, đã nên danh tiếng bằng cha. Con là người cha trông cậy trong khi tuổi già, con làm vui làm sướng cho cha, con chuộc lại danh-dự cho cha, để tay vào đầu bạc này, lại đây mà hôn má này, cho biết cái vết ô-nhục, nhờ tay con can-đảm đã soá được sạch.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Danh-dự này là về cha ; con đã được cha sinh-thành, cha dưỡng-dục, con không thể làm kém được. Được như vậy, con lấy làm hân-hạnh lắm, lòng con khoan-khoái rằng con mới ra tay thí-nghiệm đã được đẹp lòng phụ-thân. Song, nay cha đã thỏa dạ, xin cha cũng đừng giận con rãi lòng. Xin cha để cho con thong-dong mà than-thở nỗi sầu. Nghe lời cha an-ủi, thế đã là nhiều rồi. Không phải rằng con hối-hận vì đã hết lòng phụng-sự cha, nhưng vì phụng-sự cha mà con mất cái của báu, xin cha trả lại cho con. Cho được báo-thù cho cha, còn phải ruồng-bỏ chút tình ; con làm nên được cái thủ-đoạn vẻ-vang kia, con phải chịu mất mối tình-duyên ân-ái này. Xin cha đừng nói chi nữa, vì cha con phải mọi nỗi thiệt-thòi ; thế là con nợ cha, con đã trả vuông tròn.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Con đã có tài thiện-thắng, con nên phải biết tự-cao. Cha đã cho con được sống, con lại trả cha lấy vinh. Cha lấy danh-dự làm quí hơn sinh-mệnh bao nhiêu, bây giờ cha phải đền công lại con bấy nhiêu. Nhưng mà người trượng-phu chí lớn, không nên để lòng vào những sự nhỏ-hèn ấy. Ở đời danh-dự có một, mà tình-nhân thiếu

L'amour n'est qu'un plaisir, l'honneur est un devoir.

D. RODRIGUE

Ah ! que me dites-vous ?

D. DIEGUE

Ce que tu dois savoir.

D. RODRIGUE

Mon honneur offensé sur moi-même se venge.
Et vous m'osez pousser à la honte du change !
L'infamie est pareille et suit également
Le guerrier sans courage et le perfide amant.
A ma fidélité ne faites point d'injure,
Souffrez moi généreux sans me rendre parjure:
Mes liens sont trop forts pour être ainsi rompus,
Ma foi m'engage encor, si je n'espère plus,
Et, ne pouvant quitter ni posséder Chimène,
Le trépas que je cherche est ma plus douce peine.

D. DIÈGUE

Il n'est pas temps encor de chercher le trépas,
Ton Prince et ton pays ont besoin de ton bras.
La flotte qu'on craignait, dans ce grand fleuve entrée,
Croit surprendre la ville et piller la contrée :
Les Mores vont descendre, et le flux et la nuit
Dans une heure à nos murs les amène sans bruit.
La Cour est en désordre, et le peuple en alarmes ;
On n'entend que des cris, on ne voit que des larmes.
Dansce malheur public mon bonheur a permis
Que j'aie trouvé chez moi cinq cents de mes amis,
Qui sachant mon affront, poussés d'un même zèle
Se venaient tous offrir à venger ma querelle :
Tu les as prévenus, mais leurs vaillantes mains
Se tremperont bien mieux au sang des Africains.

chi : ái-tình chẳng qua là sự hành-lạc, danh-dự mới thật là việc nghĩa-vụ.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Trời ôi ! Cha nói thế là nghĩa sao ?

Đ. ĐỊCH-YẾT

Nghĩa sao con phải biết.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Danh-dự con bị nhục, con ân-hận một mình, vậy mà cha lại xui con đem lòng thay đổi để mang lấy tiếng hèn ! Kẻ võ-sĩ bất-dũng, người tình-nhân hai lòng, cái xấu cũng như nhau, thưa cha, lòng con trung-tín, xin cha đừng ngờ. Xin cha để cho con giữ lấy lòng khẳng-khái, đừng ra người bội-bạc : khối tình con sắt-đá, không thể phá cho tan ; dẫu không còn hi-vọng, lòng tin vẫn hãy còn. Nay bỏ nàng cũng không được, lấy nàng cũng không xong, con chỉ còn chết cho khỏi khổ.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Con hãy khoan-khoan, chớ nên chết vội ; trên vua dưới nước, hiệu còn cần đến tay con. Thuyền giặc vẫn nơm-nớp, đã vào cửa sông rồi, định thình-lình đến đánh thành, để tàn-phá cho được dễ. Quân Mô sắp xuống đây, đêm tối nước triều lên, chỉ một giờ áp-đảo tới bờ thành không ai biết. Triều-đình bối-rối, nhân-dân nôn-nao ; chỉ nghe tiếng người kêu, chỉ thấy mặt người khóc. Giữa lúc công-nạn, may gặp sự lành, về nhà ta đã thấy năm trăm đảng-nhân, được tin ta bị nhục, cùng một lòng công-phẫn, lại xin hiến công để trả thù. Con đã làm xong trước họ, nhưng mà những tay dũng-cảm ấy, nên cho ra tầm máu giặc Phi-châu. — Con nên ra mà thống-lĩnh lấy bọn

Va marcher à leur tête où l'honneur te demande ;
C'est toi que veut pour chef leur généreuse bande.
De ces vieux ennemis va soutenir l'abord :
Là, si tu veux mourir, trouve une belle mort,
Prends-en l'occasion, puisqu'elle t'est offerte,
Fais devoir à ton Roi son salut à ta perte.
Mais reviens-en plutôt les palmes sur le front,
Ne borne pas ta gloire à venger un affront ;
Porte-la plus avant, force par ta vaillance
Ce Monarque au pardon, et Chimène au silence.
Si tu l'aimes, apprends que revenir vainqueur,
C'est l'unique moyen de regagner son cœur.
Mais le temps est trop cher pour le perdre en paroles,
Je t'arrête en discours, et je veux que tu voles.
Viens, suis-moi, va combattre, et montrer à ton Roi
Que ce qu'il perd au Comte il le recouvre en toi.

Fin du Troisième acte.

ACTE IV

Scène Première

CHIMÈNE ELVIRE

CHIMÈNE

N'est-ce point un faux bruit ? le sais-tu bien, Elvire ?

ELVIRE

Vous ne croiriez jamais comme chacun l'admire,
Et porte jusqu'au Ciel d'une commune voix
De ce jeune héros les glorieux exploits.
Les Mores devant lui n'ont paru qu'à leur honte.
Leur abord fut bien prompt, leur fuite encor plus prompte.
Trois heures de combat laissent à nos guerriers
Une victoire entière, et deux rois prisonniers :

họ, danh-dự chỉ đâu con đi đấy ; bọn nghĩa-binh ấy muốn suy con làm thống-tướng. Con ra mà xung-đột với giống giặc thâm-cừu kia ; ra đấy con có muốn chết, hẳng nên chết cho can-đảm ; nay được sẵn dịp, con nên thừa cơ ; con nên lấy ơn với nhà vua, chết để cứu cho vua toàn-mệnh. Nhưng cha muốn cho con đánh được mà khải-hoàn mới hơn, đừng nên để cả vinh-dự vào một việc rửa hờn, nên đặt cao hơn lên, nên ra sức can-đảm, khiến quân-vương rộng lòng tha-thứ, Chi-miên phải mất đường kêu. Ví con còn thương-yêu nàng, thời con phải biết bây giờ muốn giữ lấy lòng nàng, duy chỉ còn một cách : là chuyến này đi thắng-trận mà khải-hoàn. Nhưng mà thời-giờ này quí-báu, không nên nói nhiều lời ; ta muốn con đi mau, ta lại nói cho chậm. Con lại đây, con theo ta, con ra đánh giặc, để tỏ cho vua biết rằng dù vua mất Bá-tước có thiệt-thòi, được con đây đủ đền-bồi.

Hết hồi thứ ba

HỒI THỨ IV

Kịch thứ I

CHI-MIÊN YẾN-NƯƠNG

CHI-MIÊN

Tin thực hay tin hư, mi có biết rõ không, Yến-nương ?

YẾN-NƯƠNG

Cô không biết thiên-hạ cảm-phục chàng biết bao, đồng-thanh khen-ngợi người thiếu-niên anh-hùng, làm công-trạng hiển-hách. Quân Mô địch với chàng, chỉ đủ rõ cái hèn. Tiến lên mau thật, lui về lại mau hơn. Chiến-đấu có ba giờ, quân ta được toàn-thắng, lại bắt được hai vua giặc làm

La valeur de leur chef ne trouvait point d'obstacles.

CHIMÈNE

Et la main de Rodrigue a fait tous ces miracles?

ELVIRE

De ses nobles efforts ces deux rois sont le prix;
Sa main les a vaincus, et sa main les a pris.

CHIMÈNE

De qui peux-tu savoir ces nouvelles étranges?

ELVIRE

Du peuple, qui partout fait sonner ses louanges,
Le nomme de sa joie et l'objet et l'auteur,
Son ange tutélaire, et son libérateur.

CHIMÈNE

Et le Roi, de quel œil voit-il tant de vaillance?

ELVIRE

Rodrigue n'ose encor paraître en sa présence,
Mais Don Diègue, ravi, lui présente enchaînés.
Au nom de ce vainqueur, ces captifs couronnés.
Et demande pour grâce à ce généreux Prince
Qu'il daigne voir la main qui sauve la province.

CHIMÈNE

Mais n'est-il point blessé?

ELVIRE

Je n'en ai rien appris.
Vous changez de couleur! reprenez vos esprits.

CHIMÈNE

Reprenons donc aussi ma colère affaiblie.
Pour avoir soin de lui, faut-il que je m'oublie?
On le vante, on le loue, et mon cœur y consent!
Mon honneur est muet, mon devoir impuissant!
Silence, mon amour, laisse agir ma colère:

chiến-tù: đủ biết tướng cầm quân là giỏi, không gì ngăn-trở nổi.

CHI-MIÊN

Vậy mà một tay Lộ-địch làm được những kỳ-công ấy sao?

YẾN-NƯƠNG

Hai vua giặc ấy là đại-giá của công-phu chàng; một tay chàng đã đánh thua, một tay chàng lại bắt được.

CHI-MIÊN

Những tin kỳ lạ ấy, mi nghe được ở ai?

YẾN-NƯƠNG

Trong dân-gian, đâu đâu cũng ngợi-khen chàng, rằng nhờ chàng dân được hoan-hỉ, dân nay mừng-rỡ lại chàng, gọi chàng là thần ủng-hộ, là tướng giải-vây.

CHI-MIÊN

Còn Hoàng-thượng, ngài xét công-trạng ấy thế nào?

YẾN-NƯƠNG

Lộ-địch chưa dám ra mặt quân-vương, nhưng Địch-yết thay mặt chàng hớn-hở dẫn hai vua giặc bị bắt dâng trình Bệ-hạ, xin Bệ-hạ ra ơn cho kẻ cứu-quốc được vào bệ kiến.

CHI-MIÊN

Nhưng chàng có bị thương không?

YẾN-NƯƠNG

Con không thấy nói. Xem cô biến sắc, xin cô tỉnh lại!

CHI-MIÊN

Lòng giận ta xem đã nguôi, ta cũng phải phục-hồi lại. Vì ta chăm hỏi chàng, có lẽ quên mình sao? Thiên-hạ khen chàng, ngợi chàng, mà lòng ta cam chịu! danh-dự ta câm-tắc, nghĩa-vụ ta vô-lực! Thôi ái-tình nên im tiếng,

S'il a vaincu deux rois, il a tué mon père.
Ces tristes vêtements où je lis mon malheur
Sont les premiers effets qu'ait produits sa valeur,
Et, quoi qu'on dic ailleurs d'un cœur si magnanime,
Ici tous les objets me parlent de son crime.

Vous qui rendez la force à mes ressentiments,
Voiles, crepes, habits, lugubres ornements,
Pompe que me prescrit sa première victoire,
Contre ma passion soutenez bien ma gloire,
Et, lors que mon amour prendra trop de pouvoir,
Pariez à mon esprit de mon triste devoir,
Attaquez sans rien craindre une main triomphante.

ELVIRE

Modérez ces transports, voici venir l Infante.

Scène II

L INFANTE, CHIMÈNE, LÉONOR, ELVIRE

L'INFANTE

Je ne viens pas ici consoler tes douleurs,
Je viens plutôt mêler mes soupirs à tes pleurs.

CHIMÈNE

Prenez bien plutôt part à la commune joie,
Et goûtez le bonheur que le Ciel vous envoie.
Madame, autre que moi n'a droit de soupirer :
Le péril dont Rrodrigue a su nous retirer,
Et le salut public que vous rendent ses armes,
A moi seule aujourd'hui souffrent encor les larmes.
Il a sauvé la ville, il a servi son Roi,
Et son bras va eureux n'est funeste qu'à moi.

L'INFANTE

Ma Chimène, il est vrai qu'il a fait des merveilles.

CHIMÈNE

Déjà ce bruit fâcheux a frappé mes oreilles.
Et je l'entends partout publier hautement,

cho lòng giận phải ra tay. Chàng dẫu đánh thua hai vua giặc, mà chàng đã giết oan một cha tôi. Chàng mới ra tay khoe tài giỏi, khiến ta sầu-khổ mặc áo tang. Dù đâu khen chàng dạ cả, ta nhìn đây chỉ nhớ tội chàng. Nào khăn, nào áo, nào sô, nào gai, nào những tang-phục sầu-thảm, bởi chàng thử tài thiện-thắng mà ta phải bận phải mang, ngươi phải giúp sức cho lòng oán-hận ta, ngươi nên phù cho danh-dự thắng được dục-tình, hễ trông thấy ái-tình quá mạnh, phải nhắc cho nghĩa-vụ chớ quên, dù chàng là tay thiện-thắng cũng chớ nên thấy thế nhụt lòng.

YẾN-NƯƠNG

Xin cô hãy nguôi cơn giận, kìa kìa công-chúa lại chơi.

Kịch thứ II

CÔNG-CHÚA, CHI-MIÊN, LIỄU-NƯƠNG YẾN-NƯƠNG

CÔNG-CHÚA

Chi đến đây không phải để an-ủi lòng em, chỉ muốn cùng em than-thở.

CHI-MIÊN

Bà nên tham-dự cuộc vui chung, mà hưởng phúc Trời ban-tứ. Thưa bà, tôi tưởng bây giờ trừ tôi không ai nên than-thở. Lộ-địch đã ra tay chiến-đấu, cứu dân khỏi nguy-nan, giữ toàn được mệnh nước, duy có tôi ngày nay, là riêng nỗi sụt-sùi. Chàng cứu thành được khỏi nạn, thờ vua đã hết trung, chàng thật là người tài-cán, chỉ riêng hại một mình tôi.

CÔNG-CHÚA

Chàng quả đã lập công hiển-hách, Chi-miên em nói thật không sai.

CHI-MIÊN

Tôi nghe được tin ấy, thật cũng đã rườm tai ; dâu dâu cũng ca-tụng

Aussi brave guerrier que malheureux amant.

L'INFANTE

Qu'a de fâcheux pour toi ce discours populaire?
Ce jeune Mars qu'il loue a su jadis te plaire,
Il possédait ton âme, il vivait sous tes lois,
Et vanter sa valeur, c'est honorer ton choix.

CHIMÈNE

Chacun peut la vanter avec quelque justice,
Mais pour moi sa louange est un nouveau supplice :
On aigrit ma douleur en l'élevant si haut,
Je vois ce que je perds, quand je vois ce qu'il vaut.
Ah ! cruels déplaisirs à l'esprit d'une amante !
Plus j'apprends son mérite, et plus mon feu s'augmente.
Cependant mon devoir est toujours le plus fort,
Et malgré mon amour, va poursuivre sa mort.

L'INFANTE

Hier ce devoir te mit en une haute estime,
L'effort que tu te fis parut si magnanime,
Si digne d'un grand cœur, que chacun à la Cour
Admirait ton courage et plaignait ton amour.
Mais croiras-tu l'avis d'une amitié fidèle ?

CHIMÈNE

Ne vous obéir pas me rendrait criminelle.

L'INFANTE

Ce qui fut juste alors ne l'est plus aujourd'hui.
Rodrigue maintenant est notre unique appui.
L'espérance et l'amour d'un peuple qui l'adore,
Le soutien de Castille et la terreur du More ;
Le Roi même est d'accord de cette vérité,
Que ton père en lui seul se voit ressuscité,
Et, si tu veux enfin qu'en deux mots je m'explique
Tu poursuis en sa mort la ruine publique.

chàng đánh giặc thật có tài, mà tình-duyên không may-mắn.

CÔNG-CHÚA

Nghe lời dân ca-tụng, việc chi em rườm tai? Chàng võ-tướng trẻ tuổi kia, ngày nay dân khen-ngợi, trước kia em mến-yêu ; em mê chàng, chàng cũng mê em, vậy người ta khen chàng có tài-cán là khen em khéo chọn người.

CHI-MIÊN

Ai khen chàng thì có lẽ, tôi nghe khen lại thêm khổ : người ta càng tâng-bốc chàng, lòng tôi càng đau-đớn thêm, càng biết chàng tài-cán, càng thêm tiếc mất chàng. Ôi! cực-khổ thay kẻ hữu-tình! càng biết công-cán chàng lửa tình càng thêm giục. Song nghĩa-vụ vẫn mạnh hơn, người yêu cũng trị tội.

CÔNG-CHÚA

Em làm việc nghĩa-vụ, bữa qua ai cũng phục, khen em người can-đảm, cảm em chí-khí cao ; cử-triều đều ngợi-khen là quả-quyết mà phân-nàn nỗi tình-duyên. Nhưng nay chị thực bụng khuyên em, em sẵn lòng nghe chăng ?

CHI-MIÊN

Bà dạy không nghe lời, thật đáng cam chịu tội.

CÔNG-CHÚA

Bấy giờ thế là phải, bây giờ không nên nữa. Lộ-địch ngày nay là người cả quốc-gia ỷ-cậy, suốt một dân mến yêu, làm thành-quách cho đất Cát-ti, gây khủng-họa cho loài Mô-tặc. Chính Hoàng-thượng cũng đã từng công-nhận, chàng bây giờ là Bá-tước phục-sinh. Thôi thì chị nói tóm lại một câu, em đòi chàng phục tội tử-hình, là em mưu cho quốc-gia thất-

Quoi ! pour venger un père est-il jamais permis
De livrer sa patrie aux mains des ennemis ?
Contre nous ta poursuite est-elle légitime,
Et pour être punis, avons-nous part au crime ?
Ce n'est pas qu'après tout tu doives épouser
Celui qu'un père mort t'obligeait d'accuser,
Je te voudrais moi-même en arracher l'envie :
Ôte-lui ton amour, mais laisse-nous sa vie.

CHIMÈNE

Ah ! ce n'est pas à moi d'avoir tant de bonté,
Le devoir qui m'aigrit n'a rien de limité.
Quoique pour ce vainqueur mon amour s'intéresse,
Quoiqu'un peuple l'adore et qu'un Roi le caresse,
Qu'il soit environné des plus vaillants guerriers,
J'irai sous mes cyprès accabler ses lauriers.

L'INFANTE

C'est générosité, quand, pour venger un père,
Notre devoir attaque une tête si chère ;
Mais c'en est une encor d'un plus illustre rang,
Quand on donne au public les intérêts du sang.
Non, crois-moi, c'est assez que d'éteindre ta flamme :
Il sera trop puni s'il n'est plus dans ton âme.
Que le bien du pays t'impose cette loi ;
Aussi bien, que crois-tu que t'accorde le Roi ?

CHIMÈNE

Il peut me refuser, mais je ne puis me taire.

L'INFANTE

Pense bien, ma Chimène, à ce que tu veux faire.
Adieu, tu pourras seule y penser à loisir.

CHIMÈNE

Après mon père mort je n'ai point à choisir.

bại đó. Vậy ra muốn báo thù một người cha mà dám bỏ nước cho quân giặc hay sao? đối với chúng ta đây, xử thế đã đáng chưa? chúng ta tội-tình gì, mà phải cam chịu tội? Không phải rằng khuyên em nên lấy chàng đâu, vì phụ-thân em đã vì chàng bị chết, phận sự em phải khống-tố tội chàng ; dẫu em có ý ấy, chị đây cũng cố ngăn. Nhưng em nên bỏ bụng yêu chàng mà để cho chàng sống.

CHI-MIÊN

Ôi ! lòng nhân-từ ấy, tôi đây đâu dám. Việc nghĩa-vụ xót-xa, không thể nào hạn-chế. Lòng tôi dù yêu chàng đến mấy, chàng dù được dân mến-phục, được vua vỗ-về, dù quanh mình đầy những quân tài tướng giỏi, tôi cũng sẽ lấy sô-gai này mà làm cho lấp vẻ huy-chương kia.

CÔNG-CHÚA

Vì nghĩa-vụ báo thù cho cha, dám ra tay trị người yêu-quí, cũng thật là khẳng-khái đáng khen. Nhưng còn cách khẳng-khái cao-thượng hơn nữa, là vì công-chúng quên tình máu-mủ. Không, em nghe chị, em vùi-rập lửa tình, thế cũng là đủ, chàng không được em chung-ái, còn chịu tội nào bằng. Em nên vì việc nước, cam lòng chịu. Vả lại, em đã chắc Hoàng-thượng ưng lời chưa ?

CHI-MIÊN

Hoàng-thượng dẫu không ưng, mà phận tội không thể nín.

CÔNG-CHÚA

Chi-miên hỡi em, em nên nghĩ kỹ rồi hẵng làm. Thôi chị từ-biệt, để em ngồi một mình, thong-dong mà nghĩ-ngợi.

CHI-MIÊN

Cha tôi đã chết, còn lưỡng-lự chi.

Scène III

D. FERNAND, D. DIÈGUE, D. ARIAS, D. RODRIGUE, D. SANCHE

D. FERNAND

Généreux héritier d'une illustre famille
Qui fut toujours la gloire et l'appui de Castille,
Race de tant d'aieux en valeur signalés
Que l'essai de la tienne a sitôt égalés,
Pour te récompenser ma force est trop petite,
Et j'ai moins de pouvoir que tu n'as de mérite.
Le pays délivré d'un si rude ennemi,
Mon sceptre dans ma main par la tienne affermi,
Et les Mores défaits avant qu'en ces alarmes
J'eusse pu donner ordre à repousser leurs armes,
Ne sont point des exploits qui laissent à ton Roi
Le moyen ni l'espoir de s'acquitter vers toi.
Mais deux rois tes captifs seront ta récompense.
Ils t'ont nommé tous deux leur Cid en ma présence ;
Puisque Cid en leur langue est autant que Seigneur,
Je ne t'envierai pas ce beau titre d'honneur.
Sois désormais le Cid, qu'à ce grand nom tout cède,
Qu'il comble d'épouvante et Grenade et Tolède,
Et qu'il marque à tous ceux qui vivent sous mes lois
Et ce que tu me vaux, et ce que je te dois.

D. RODRIGUE

Que votre Majesté, Sire, épargne ma honte.
D'un si faible service elle fait trop de conte,
Et me force à rougir devant un si grand Roi
De mériter si peu l'honneur que j'en reçois.
Je sais trop que je dois au bien de votre empire
Et le sang qui m'anime et l'air que je respire ;
Et, quand je les perdrai pour un si digne objet,
Je ferai seulement le devoir d'un sujet.

D. FERNAND

Tous ceux que ce devoir à mon service engage
Ne s'en acquittent pas avec même courage,

Kịch thứ III

Đ. PHIỆT-NĂNG, Đ. ĐỊCH-YẾT, Đ. A-LIỆT
Đ. LỘ-ĐỊCH, Đ. SAN-SƠ

Đ. PHIỆT-NĂNG

Lộ-địch, ngươi đã xứng-đáng con giòng cháu giống, đời đời làm vững-vàng vang-vẻ cho đất Cát-ti, giòng-giống ngươi thiếu gì những tổ-tôn hiển-hách, mà ngươi nay mới thử tài đã tỏ sánh tầy, muốn thưởng công cho ngươi, sức ta thật nhỏ quá, công-lao ngươi nhiều, mà quyền-lực ta ít. Nước nhà thoát-khỏi quân giặc mạnh, ngôi ta nhờ người thêm vững-vàng, ta chưa kịp hạ-lệnh tập binh, ngươi đã ra phá tan Mô-tặc, đó là những công-lao to lớn, ta mong sao đền-trả cho phu. Nhưng hai vua ngươi bắt được, đó là thưởng công ngươi. Nó xưng ngươi là « Lôi-Xích », ở ngay giữa trước mặt ta ; « Lôi-Xích » trong tiếng nó, nghĩa là ông Chúa-tể, thật là tên danh-dự, ta đây không dám ghen.

Vậy từ nay ngươi nên giữ cho xứng-đáng tên Lôi-Xích, khiến ai ai nghe tên ấy, từ Gơ-nát đến Tô-lạc, cũng phải run khiếp sợ, cho những kẻ thần-dân dưới quyền ta đều biết ngươi tài-cán thế nào, ta ơn ngươi biết bao.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Nghe lời Bệ-hạ, luống những thẹn-thùng. Công-trạng tôi có mấy, Bệ-hạ quá khen-lao, khiến tôi những hổ-thẹn, đứng trước đấng Đại-vương, vì danh-dự ban cho to, mà công tôi chưa xứng-đáng. Nhờ công-đức Hoàng-Triều mà kẻ hạ-thần đây mới được cơm no áo ấm ; cho được trả nợ áo-cơm, dẫu đến quên cả sinh-mệnh, chẳng qua cũng là phận-sự kẻ thần-dân.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Vẫn biết phận-sự kẻ thần-tử, phải ra sức giúp quân-vương, nhưng không

Et, lorsque la valeur ne va point dans l'excès,
Elle ne produit point de si rares succès.
Souffre donc qu'on te loue, et de cette victoire
Apprends-moi plus au long la véritable histoire.

D. RODRIGUE

Sire, vous avez su qu'en ce danger pressant
Qui jeta dans la ville un effroi si puissant,
Une troupe d'amis chez mon père assemblée
Sollicita mon âme encor toute troublée...
Mais, Sire, pardonnez à ma témérité,
Si j'osai l'employer sans votre autorité :
Le péril approchait, leur brigade était prête,
Me montrant à la Cour, je hasardais ma tête,
Et, s'il fallait la perdre, il m'était bien plus doux
De sortir de la vie en combattant pour vous.

D. FERNAND

J'excuse ta chaleur à venger ton offense,
Et l'Etat défendu me parle en ta défense :
Crois que dorénavant Chimène a beau parler,
Je ne l'écoute plus que pour la consoler.
Mais poursuis.

D. RODRIGUE

Sous moi donc cette troupe s'avance,
Et porte sur le front une mâle assurance.
Nous partîmes cinq cents, mais, par un prompt renfort,
Nous nous vîmes trois mille en arrivant au port,
Tant à nous voir marcher avec un tel visage
Les plus épouvantés reprenaient de courage.
J'en cache les deux tiers aussitôt qu'arrivés,
Dans le fond des vaisseaux qui lors furent trouvés ;
Le reste, dont le nombre augmentait à toute heure,
Brûlant d'impatience autour de moi demeure,
Se couche contre terre, et, sans faire aucun bruit,
Passe une bonne part d'une si belle nuit.

phải kể làm tôi, ai ai cũng dũng-cảm được như ngươi ; vì tài-cán không lỗi-lạc phi-thường, không làm nên công-trạng hiển-hách như thế. Vậy ngươi nên để người ta khen ngợi, và kể lại ta nghe việc đầu đuôi thế nào.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ chắc đã rõ đương giữa lúc nguy-hiểm cần-cấp, dân trong thành bối-rối hãi-hùng, vừa có bọn đẳng-nhân, tại nhà cha tôi họp, bấy giờ tôi tâm-sự đương phân-vân, họ cố nài nên phải ra thống-lĩnh... Nhưng, muôn tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ thứ cho kẻ hạ-thần cả gan, chưa được phép dám ra tay khinh-động. Sự nguy đã đến, quân-lính sẵn-sàng, và bấy giờ vì đem đầu bệ-kiến, chắc tính-mệnh không toàn, nên đã đành rằng phải chết, thà chết việc cần-vương còn hơn.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Ngươi nóng-nẩy mà rửa nhục, ta đây cũng sẵn lòng dung. Và Nhà-nước đã nhờ ngươi hộ-vệ, cũng đẹp lòng chống-chế cho ngươi. Ngươi nên biết rằng từ nay dẫu Chi-miên hết sức kêu van, ta cũng chỉ dủ lòng an-ủi mà thôi. Nhưng ngươi kể nốt đi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Vậy tôi ra đốc-suất, quân lính tiến theo, khí dũng hăng-hăng, oai hùng lẫm-liệt, khi đi có năm trăm người, nhưng nhờ quân ngoài tiếp-ứng, đến bến số tới ba nghìn, vì những trông chúng tôi chảy hùng-dũng, dẫu kẻ nhát gan cũng vững lòng. Lập-tức tới nơi, chia quân làm ba, sẵn có những tàu bè đậu bến, cho hai phần ẩn-phục vào trong. Còn một phần thì mỗi giờ lại một đông thêm, nóng-nẩy chỉ chực ra đánh, tập-hợp quanh tôi, nằm rạp xuống đất, không hề động đậy, đợi một phần đêm. Tôi lại truyền cho quân hộ-thành, cũng phải theo

Par mon commandement la garde en fait de même,
Et se tenant cachée, aide à mon stratagème,
Et je feins hardiment d'avoir reçu de vous
L'ordre qu'on me voit suivre et que je donne à tous.
Cette obscure clarté qui tombe des étoiles
Enfin avec le flux nous fait voir trente voiles;
L'onde s'enfle dessous, et d'un commun effort
Les Mores et la mer montent jusques au port.
On les laisse passer, tout leur paraît tranquille,
Point de soldats au port, point aux murs de la ville:
Notre profond silence abusant leurs esprits,
Ils n'osent plus douter de nous avoir surpris.
Ils abordent sans peur, ils aucrent, ils descendent
Et courent se livrer aux mains qui les attendent.
Nous nous levons alors, et tous en même temps
Poussons jusques au ciel mille cris éclatants.
Les nôtres, à ces cris, de nos vaisseaux répondent,
Ils paraissent armés, les Mores se confondent,
L'épouvante les prend à demi descendus,
Avant que de combattre ils s'estiment perdus.
Ils couraient au pillage, et rencontrent la guerre;
Nous les pressons sur l'eau, nous les pressons sur terre,
Et nous faisons courir des ruisseaux de leur sang
Avant qu'aucun résiste ou reprenne son rang.
Mais bientôt, malgré nous, leurs princes les rallient,
Leur courage renaît et leurs terreurs s'oublient.
La honte de mourir sans avoir combattu
Arrête leur désordre et leur rend leur vertu.
Contre nous de pied ferme ils tirent leurs alfanges,
De notre sang au leur font d'horribles mélanges,
Et la terre, et leur flotte, et le port,
Sont des champs de carnage où triomphe la mort.
O combien d'actions, combien d'exploits célèbres
Sont demeurés sans gloire au milieu des ténèbres,
Où chacun, seul témoin des grands coups qu'il donnait,
Ne pouvait discerner où le sort inclinait!
J'allais de tous côtés encourager les nôtres,
Faire avancer les uns et soutenir les autres,

làm vậy, đứng ẩn-nấp một nơi, giúp cho mưu đã định. Tôi lại đánh liều giả-danh đã đắc-chỉ Bệ-hạ, sai ra để đốc-suất mọi người. — Đêm sao nhấp-nhánh, bóng sáng tờ mờ, sau mới trông thấy ba mươi chiếc buồm theo nước triều lên. Sóng dâng cuồn-cuộn, Mô-tặc với thủy-triều đua nhau mà lên bến. Cứ để cho tiến vào, bốn bề đều phẳng-lặng, ngoài bến không thấy quân, bờ thành không có lính. Thấy chúng tôi bình-tĩnh như không, mà chúng nó mơ-hoảng không ngờ, chắc rằng lập mưu tập-kích, thế đã thành rồi, cứ việc áp bến, không có hãi-hùng; bỏ neo lên bộ, bước thẳng chạy vào, như đem mình dâng tận tay chúng tôi đương đợi. Bấy giờ chúng tôi mới đứng cả dạy, đồng-thanh hô-hào, vang trời dạy đất. quân chúng tôi nấp trong tầu, nghe tiếng kêu đều hưởng-ứng, chạy ồ ra, khí-giới sẵn. Giặc Mô trông thấy hốt-hoảng, chưa lên hết đã tán-loạn, chưa kịp đánh đã biết thua. Chúng nó chắc xông vào để tàn-phá, thành ra bước đến gặp chiến-tranh. Chúng tôi đàn-áp dưới nước, chúng tôi công-kích trên cạn, chưa đứa nào kịp bầy hàng chống lại, máu-me đã lênh-láng khắp mọi nơi. Nhưng không mấy nỗi vua quan nó kéo lại, quân lính nó hoàn-hồn, chúng nó quên sợ mà hăng lên. Xấu-hổ rằng chưa đánh đã bị chết, bèn chỉnh đội để ra tay. Mã-tấu rút ra, xông vào chém phạt, máu thịt hai bên, đồ lộn ngấu-nghí. Mặt đất dưới sông, trong thuyền trên bến, thành những trường chém giết, xác người chết như rạ. — Ôi! trong lúc đêm tối mịt-mù, người nào đánh người ấy biết, chẳng hay may rủi thế nào, biết bao nhiêu võ-công hiển-hách, mà thành những sự-trạng vô-danh! Tôi chạy mọi nơi, thúc giục quân nhà, đốc kẻ này tiến, giúp kẻ kia giữ, thu xếp

Ranger ceux qui venaient, les pousser à leur tour,
Et ne l'ai pu savoir jusques au point du jour.
Mais enfin sa clarté montre notre avantage,
Le More voit sa perte et perd soudain courage,
Et, voyant un renfort qui nous vient secourir,
L'ardeur de vaincre cède à la peur de mourir,
Ils gagnent leurs vaisseaux, ils en coupent les câbles,
Poussent jusques aux cieux des cris épouvantables,
Font retraite en tumulte et sans considérer
Si leurs rois avec eux peuvent se retirer.
Pour souffrir ce devoir, leur frayeur est trop forte,
Le flux les apporta, le reflux les emporte,
Ce pendant que leurs rois, engagés parmi nous,
Et quelque peu des leurs, tous percés de nos coups,
Disputent vaillamment et vendent bien leur vie.
A se rendre moi-même en vain je les convie ;
Le cimeterre au poing, ils ne m'écoutent pas ;
Mais, voyant à leurs pieds tomber tous leurs soldats
Et que, seuls désormais, en vain ils se défendent,
Ils demandent le chef : je me nomme, ils se rendent ;
Je vous les envoyai tous deux en même temps,
Et le combat cessa faute de combattants.
C'est de cette façon que pour votre service...

Scène IV

D. FERNAND, D. DIÈGUE, D. RODRIGUE
D. ARIAS, D. ALONSE, D. SANCHE.

D. ALONSE

Sire, Chimène vient vous demander justice.

D. FERNAND

La fâcheuse nouvelle, et l'importun devoir !
Va, je ne la veux pas obliger à te voir,
Pour tous remerciements il faut que je te chasse,
Mais, avant de sortir, viens, que ton Roi t'embrasse.

(*Don Rodrigue rentre*)

D. DIÈGUE

Chimène le poursuit et voudrait le sauver.

những người về, giục-giã cho tiến lên, mãi đến tang-tảng sáng, chưa biết rõ thắng-phụ. Nhưng đến sáng ngày ra, mới biết bên ta được. Quân Mô thấy thất-bại, vụt chốc thành táng-đảm; trông quân ta có cứu-viện, đành sợ chết mà bỏ trận. Xô nhau xuống thuyền, cắt đứt giây neo, kêu hò gầm thét, dạy đất vang trời, hỗn-độn mà chạy, chẳng đoái chẳng trông, không nghĩ đến vua có thoát hay không ; chúng nó đã đến thế, là sợ-hãi quá chừng, thành ra nước triều lên mang lại, nước triều xuống đem đi, mà vua chúng nó thời còn giao - chiến với chúng tôi, còn được ít quân bị đâm nát cả, đành bán đất cái sinh - mệnh mà ra sức chống - cự lại. Tôi đã thân-hành đến chiêu hàng, nó vẫn múa đao không thèm nghe. Nhưng trông thấy quân lính chết hết cả, còn lại một mình không cự nổi, bấy giờ nó mới hỏi, ai là tướng quân ta : tôi lên tiếng, nó xin hàng. Tôi đã sai đem cả hai đứa, đồng-thời nộp Bệ-hạ. Thế là cuộc chiến-đấu xong, vì quân chiến-địch hết. Ấy đầu đuôi vì việc cần-vương...

Kịch thứ IV

Đ. PHIỆT-NĂNG, Đ. ĐỊCH-YẾT, Đ. LỘ-ĐỊCH, Đ. A-LIỆT, Đ.A-LONG, Đ. SAN-SƠ.

Đ. A-LONG

Tâu Bệ-hạ, nàng Chi-miên đến kêu oan dưới thềm.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Lôi-thôi chửa, rầy-rà thay! Thôi, ta chẳng muốn bắt hắn ráp mặt ngươi. Ta cảm ơn ngươi mà phải cho ngươi lui về, nhưng trước khi ra về hãng lại đây Vua hôn cái đã.

(*Lộ-Địch đi vào*)

Đ. ĐỊCH-YẾT

Chi-miên xin xử tội hắn, mà kỳ-thực muốn cứu hắn.

D. FERNAND

On m'a dit qu'elle l'aime, et je vais l'éprouver,
Montrer un œil plus triste.

Scène V

D. FERNAND, D. DIÈGUE, D. ARIAS, D. SANCHE, D. ALONSE, CHIMÈNE, ELVIRE

D. FERNAND

Enfin soyez contente,
Chimène, le succès répond à votre attente :
Si de nos ennemis Rodrigue a le dessus,
Il est mort à nos yeux des coups qu'il a reçus,
Rendez grâces au Ciel qui vous en a vengée.
(A Don Diègue)
Voyez comme déjà sa couleur est changée.

D. DIÈGUE

Mais voyez qu'elle pâme, et d'un amour parfait
Dans cette pâmoison, Sire, admirez l'effet :
Sa douleur a trahi les secrets de son âme,
Et ne vous permet plus de douter de sa flamme.

CHIMÈNE

Quoi ? Rodrigue est donc mort ?

D. FERAND

Non, non, il voit le jour,
Et te conserve encor un immuable amour.
Calme cette douleur qui pour lui s'intéresse.

CHIMÈNE

Sire, on pâme de joie ainsi que de tristesse :
Un excès de plaisirs nous rend tous languissants.
Et, quand il surprend l'âme, il accable les sens.

D. FERNAND

Tu veux qu'en ta faveur nous croyions l'impossible,
Chimène ; ta douleur a paru trop visible.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Người ta nói nàng có tình với hắn,
để ta hãy thử xem, ta làm ra mặt buồn.

Kịch thứ V

Đ. PHIỆT-NĂNG, Đ. ĐỊCH-YẾT, Đ. A-LIỆT, Đ. SAN-SƠ, Đ. A-LÔNG, CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

Đ. PHIỆT-NĂNG

Chi-miên, hỡi con, thôi thế là con nên thỏa dạ, con mong sao quả được như vậy. Lộ-địch tuy đánh được quân giặc, mà đã chết bị thương, ngay trước mắt ta đây, con nên tạ ơn Trời đã báo thù cho con.
(Nói với Đông Địch-yết)
Coi hắn đã biến sắc.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Bệ-hạ coi nàng ngất người đi, ngất người thế thật rõ là cái triệu có tình. Nàng đau lòng mà tỏ rõ nỗi u-ẩn trong lòng. Bệ-hạ không còn thể nghi-ngờ nàng có tình hay không nữa.

CHI-MIÊN

Chao ôi ! Vậy ra Lộ-địch chết rồi sao ?

Đ. PHIỆT-NĂNG

Không, không, hắn hãy còn sống, hãy còn một lòng yêu mến con. Con vì hắn mà xót-xa, con nên người cơn thảm, con.

CHI-MIÊN

Tâu Bệ-hạ, người ta khi vui hay khi buồn, thường hay ngất người ra : khi vui quá cũng thành não-nuột, chợt xẩy đến thường sinh bối-rối.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Chi-miên, con ôi, con nói không có lẽ, ta đây tin sao được. Trông con đau-xót, đã rõ mười mươi rồi.

CHIMÈNE

Et bien, Sire, ajoutez ce comble à mon malheur,
Nommez ma pâmoison l'effet de ma douleur ;
Un juste déplaisir à ce point m'a réduite :
Son trépas dérobait sa tête à ma poursuite.
S'il meurt des coups reçus pour le bien du pays,
Ma vengeance est perdue, et mes desseins trahis.
Une si belle fin m'est trop injurieuse,
Je demande sa mort, mais non pas glorieuse,
Non pas dans un éclat qui l'élève si haut,
Non pas au lit d'honneur, mais sur un échafaud.
Qu'il meure pour mon père, et non pour la patrie ;
Que son nom soit taché, sa mémoire flétrie :
Mourir pour le pays n'est pas un triste sort,
C'est s'immortaliser par une belle mort.
J'aime donc sa victoire, et je le puis sans crime :
Elle assure l'Etat, et me rend ma victime,
Mais noble, mais fameuse entre tous les guerriers,
Le chef au lieu de fleurs couronné de lauriers,
Et, pour dire en un mot ce que j'en considère,
Digne d'être immolé aux mânes de mon père.
Hélas ! à quel espoir me laissai-je emporter !
Rodrigue de ma part n'a rien à redouter,
Que pourraient contre lui des larmes qu'on méprise ?
Pour lui tout votre empire est un lieu de franchise :
Là, sous votre pouvoir, tout lui devient permis,
Il triomphe de moi comme des ennemis ;
Dans leur sang répandu la justice étouffée
Aux crimes du vainqueur sert d'un nouveau trophée ;
Nous en croissons la pompe, et le mépris des lois
Nous fait suivre son char au milieu de deux rois.

CHI-MIÊN

Bệ-hạ đã dạy con xin vâng, xin như thế cho trọn nỗi khổ ; vâng thì Bệ-hạ cho con ngã người ra là vì lòng đau-đớn, con cũng xin vâng ; quả con đau-đớn thật, mới ra nông-nổi thế : vì chàng đã chết đi thời con không xin xử tội chàng được. Vì chàng vị nước mà bị thương chết, thì thù con không trả được và mưu con bị hỏng mất, chàng chết vẻ-vang như vậy thời độc cho con quá ; con xin cho chàng chết, nhưng không phải chết vinh-hiển, không phải chết mà được rỡ-ràng cao-quí như vậy, không phải chết trên giường danh-dự mà chết trên đoạn-đầu-đài. Chết để trả oan cho cha tôi, không phải chết để hi-sinh cho quốc-gia ; chết mà danh nhơ-nhuốc, tiếng ô-nhục, chớ chết cho nước không có khổ chi, chết cho nước là chết đẹp chết vinh, là lưu-danh thiên-cổ.

Vậy chàng được thắng trận, tôi đây đẹp lòng, đẹp lòng mà không hối-hận, vì chàng thắng trận là chống giữ được cho quốc-gia mà thù tôi vẫn được toàn-vẹn, không những toàn-vẹn mà kẻ thù lại là người cao-quí hiển-hách trong đám võ-nhân, khi đem ra hành-tội đầu không đeo hoa mà đeo những huy-chương, nói tóm lại thời ý tôi lấy thế mới là xứng-đáng làm hi-sinh cho vong-linh cha tôi.

Nhưng, than ôi ! Tôi thật là mơ-màng võng-tưởng ! Lộ-địch còn phải sợ chi tôi nữa ! Ai còn đoái-hoài đến nước mắt này mà nước mắt này còn làm chi được chàng nữa ! Chàng bây giờ suốt trong bờ-cõi, là một chốn thong-dong : nhờ quyền-phép Bệ-hạ, chàng muốn chi chẳng được, chàng thắng được quân giặc thời chàng đoạt được cả tôi. Máu giặc đã rẩy tắt lửa công-bằng, kẻ thắng càng có tội lại thêm vinh. Chúng tôi đây chỉ làm thêm cho chàng vinh-hiển, và pháp-luật đã đảo-điên chúng tôi cũng phải cùng hai vua giặc theo sau xe khải-hoàn.

D. FERNAND

Ma fille, ces transports ont trop de violence.
Quand on rend la justice, on met tout en balance :
On a tué ton père, il était l'agresseur,
Et la même équité m'ordonne la douceur.
Avant que d'accuser ce que j'en fais paraître,
Consulte bien ton cœur, Rodrigue en est le maître,
Et ta flamme en secret rend grâces à ton Roi
Dont la faveur conserve un tel amant pour toi.

CHIMÈNE

Pour moi mon ennemi ! l'objet de ma colère !
L'auteur de mes malheurs ! l'assassin de mon père !
De ma juste poursuite on fait si peu de cas
Qu'on me croit obliger en ne m'écoutant pas!
Puisque vous refusez la justice à mes larmes,
Sire, permettez-moi de recourir aux armes :
C'est par là seulement qu'il a su m'outrager,
Et c'est aussi par là que je me dois venger.
A tous vos cavaliers je demande sa tête.
Oui, qu'un deux me l'apporte et je suis sa conquête ;
Qu'ils le combattent, Sire, et, le combat fini,
J'épouse le vainqueur, si Rodrigue est puni.
Sous votre autorité souffrez qu'on le publie.

D. FERNAND

Cette vieille coutume, en ces lieux établie,
Sous couleur de punir un injuste attentat,
Des meilleurs combattants affaiblit un Etat.
Souvent de cet abus le succès déplorable
Opprime l'innocent et soutient le coupable.
J'en dispense Rodrigue, il m'est trop précieux
Pour l'exposer aux coups d'un sort capricieux,
Et, quoi qu'ait pu commettre un cœur si magnanime,
Les Mores en fuyant ont emporté son crime.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Con ơi, con nóng-nảy quá đáng. Muốn xử công-bằng, phải cân nhắc cả. Cha con đã bị giết, người giết tức là chàng, mà ta xử cho công-bằng, phải cần nên khoan-thứ. Trước khi trách ta dung-thứ, con hãng tự vấn-tâm : con yêu chàng Lộ-địch, quả có thế không sai, và chắc lòng con trộm dấu, đương cảm-tạ quân-vương, đã biết khéo vì con, giữ-gìn người tình-ái.

CHI-MIÊN

Ôi ! vì tôi mà giữ-gìn người cừu-địch tôi ! người tôi căm-giận ! người làm khổ tôi ! người giết cha tôi ! Tôi kêu oan không ai thêm xét đến, lại tưởng thế là làm ơn cho tôi !

Tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ đã không xét nỗi oan tôi, xin cho tôi dùng quyết-đấu : chàng đã làm nhục tôi cách ấy, tôi xin trả thù chàng như vậy. Tôi xin cả các tay võ-sĩ, giúp tôi để lấy đầu chàng. Người nào lấy được đầu, tôi xin về người ấy. Tâu Bệ-hạ, cho các võ-sĩ ra quyết-đấu với chàng, hễ quyết-đấu xong, mà Lộ-địch thua, thời ai đã đánh được tôi xin lấy làm chồng. Xin Bệ-hạ chuẩn cho tuyên-bố, để ai nấy đều hay.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Tục ấy là tục cổ, đặt ra ở chốn này, giả-danh để trừng-trị kẻ phạm tội, kỳ thực làm hao-mòn nhân-tài nước. Lắm khi thấy lạm dùng quá, hại người vô-cô lợi kẻ tội. Ta tha cho Lộ-địch, không cần phải theo tục, chàng là người qui của ta, không để phải chịu rủi-ro. Chàng là kẻ anh-hào, dẫu xưa có phạm tội, mà nay đánh đuổi được giặc Mô, tội đã cùng giặc chạy rồi.

D. DIÈGUE

Quoi, Sire ! pour lui seul vous renversez des lois
Qu'a vu toute la Cour observer tant de fois !
Que croira votre peuple et que dira l'envie,
Si sous votre défense il ménage sa vie
Et s'en fait un pétexte à ne paraître pas
Où tous les gens d'honneur cherchent un beau trépas ?
De pareilles faveurs terniraient trop sa gloire.
Qu'il goûte sans rougir les fruits de sa victoire,
Le Comte eut de l'audace, il l'en a su punir,
Il l'a fait en brave homme, et le doit maintenir.

D. FERNAND

Puisque vous le voulez, j'accorde qu'il le fasse,
Mais d'un guerrier vaincu mille prendraient la place,
Et le prix que Chimène au vainqueur a promis
De tous mes cavaliers feraient ses ennemis ;
L'opposer seul à tous serait trop d'injustice,
Il suffit qu'une fois il entre dans la lice.
Choisis qui tu voudras, Chimène, et choisis bien ;
Mais, après ce combat, ne demande plus rien.

D. DIÈGUE

N'excusez point par là ceux que son bras étonne,
Laissez un champ ouvert où n'entrera personne.
Après ce que Rodrigue a fait voir aujourd'hui,
Quel courage assez vain s'oserait prendre à lui ?
Qui se hasarderait contre un tel adversaire ?
Qui serait ce vaillant ou bien ce téméraire ?

D. SANCHE

Faites ouvrir le champ, vous voyez l'assaillant :
Je suis ce téméraire ou plutôt ce vaillant.
Accordez cette grâce à l'ardeur qui me presse,

Đ. ĐỊCH-YẾT

Tâu Bệ-hạ, có lẽ đâu Bệ-hạ vì một mình hắn mà phá đổ luật phép nước, Triều-đình vẫn thường theo ! Nếu nhờ Bệ-hạ bảo-hộ, hắn được toàn tính-mệnh, dám lấy nê Bệ-hạ, không chịu ra quyết-đấu, để cho chết vinh-hiển, như những trang danh - dự, thời trong dân-gian sẽ nghĩ sao, kẻ ghen-ghét nói thế nào ? Được ơn-huệ ấy, phi danh tiếng này. Xin để cho hắn hưởng công toàn-thắng, khỏi phải ăn-năn ; Bá-tước đã cả gan, hắn ra tay trừng-trị, rõ là trang dũng-cảm, phải giữ trọn tiếng thơm.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Các người đã muốn, ta đây cũng thuận. Nhưng một người bị thua, chắc nghĩn người vào thay, vả Chi-miên đã huyền thưởng như vậy cho kẻ nào đánh chắc được, bao nhiêu võ-sĩ trong nước đều xin ra địch cả. Đem một mình hắn địch với mọi người, thật không công quá. Nay chỉ định cho một lần giao-chiến, thế cũng là đủ. Chi-miên, cho con thuận ai thì chọn, chọn lấy cho kỹ ; nhưng sau khi chiến-đấu xong, không được xin gì nữa.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Xin Bệ-hạ đừng quyết-định như thế, mà dung những kẻ ghen hắn có tài ; xin rộng mở cuộc chiến - đấu, chắc chửa dễ ai dám vào. Cứ như Lộ-địch ra tay hôm nay, ai còn cả gan dám vào địch ? Ai dám liều mình với một tay như vậy ? Ai là người có dũng-cảm như thế, hay là dám táo-bạo như vậy ?

Đ. SAN-SƠ

Bệ-hạ cứ cho mở cuộc đấu, ắt có người vào địch. Người dám táo - bạo hay là người có dũng-cảm ấy là tôi đây. Cúi xin Tiểu-thư cho lòng hăng-

Madame, vous savez quelle est votre promesse.

D. FERNAND

Chimène, remets-tu ta querelle en sa main ?

CHIMÈNE

Sire, je l'ai promis.

D. FERNAND

Soyez prêt à demain.

D. DIÈGUE

Non, Sire, il ne faut pas différer davantage :
On est toujours trop prêt quand on a du courage.

D. FERNAND

Sortir d'une bataille, et combattre à l'instant!

D. DIÈGUE

Rodrigue a pris haleine en vous la racontant.

D. FERNAND

Du moins, une heure ou deux je veux qu'il se délasse.
Mais, de peur qu'en exemple un tel combat ne passe,
Pour témoigner à tous qu'à regret je promets
Un sanglant procédé qui ne me plut jamais,
De moi ni de ma Cour il n'aura la présence

(*Il parle à Don Arias*)

Vous seul des combattants jugerez la vaillance ;
Ayez soin que tous deux fassent en gens de cœur
Et, le combat fini, m'amenez le vainqueur
Qui qu'il soit, même prix est acquis à sa peine :
Je le veux de ma main présenter à Chimène,
Et que pour récompense il reçoive sa foi.

hái này được cái ơn-huệ ấy. Tiểu-thư còn nhớ, lời hứa thế nào.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Chi-miên, thế con có thuận trao việc cho chàng, không ?

CHI-MIÊN

Muôn tâu Bệ-hạ, con đã hứa rồi.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Hẹn cho ngày mai, ngươi phải sẵn-sàng.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Muôn tâu Bệ-hạ, xin đừng trì-hoãn; đã là người can-đảm, bao giờ cũng sẵn-sàng.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Vừa chiến-đấu chưa xong, lại quyết-đấu tức-thì !

Đ. ĐỊCH-YẾT

Lộ-địch vừa kể truyện Bệ-hạ nghe, thế là đã nghỉ sức rồi.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Ta muốn cho hắn ít ra cũng nghỉ lấy một vài giờ. Nay sợ cuộc quyết-đấu này lại thành gương cho thiên-hạ bắt chước, muốn tỏ rằng ta không ưng cách lưu-huyết ấy và bất-đắc-dĩ phải cho phép mà thôi, vậy ta định ta cùng cả Triều-đình không ai đến chứng-kiến cả.

(*Nói với Đông A-liệt*)

Ta cử một mình ngươi, đề ra mà thị-giám, xem bên nào đánh giỏi ; phải xem xét kỹ cho hai bên, khi giao-chiến ra người khẳng-khái ; bao giờ quyết-đấu xong, ai thắng dẫn về đây. Bất-luận người nào, huyền-thưởng cũng vậy : ta muốn tự tay ta, giới-thiệu cho Chi-miên, để kết duyên với nàng, cho đáng công đáng thưởng.

CHIMÈNE

Quoi, Sire ! m'imposer une si dure loi !

D. FERNAND

Tu t'en plains ; mais ton feu, loin d'avouer ta plainte,
Si Rodrigue est vainqueur, l'accepte sans contrainte
Cesse de murmurer contre un arrêt si doux :
Qui que ce soit des deux, j'en ferai ton époux.

Fin du quatrième Acte

ACTE V

Scène Première

D. RODRIGUE, CHIMÈNE

CHIMÈNE

Quoi ! Rodrigue, en plein jour ! d'où te vient cette audace ?
Va, tu me perds d'honneur, retire-toi, de grâce.

D. RODRIGUE

Je vais mourir, Madame, et vous viens en ce lieu,
Avant le coup mortel, dire un dernier adieu.
Cet immuable amour qui sous vos lois m'engage
N'ose accepter ma mort sans vous en faire faire hommage.

CHIMÈNE

Tu vas mourir ?

D. RODRIGUE

Je cours à ces heureux moments
Qui vont livrer ma vie à vos ressentiments.

CHIMÈNE

Tu vas mourir ? Don Sanche est-il si redoutable
Qu'il donne l'épouvante à ce cœur indomptable ?

CHI-MIÊN

Ôi ! Bệ-hạ bắt con nghiêm-ngặt quá !

Đ. PHIỆT-NĂNG

Mi phàn-nàn, nhưng lửa tình mi vẫn rấm trong lòng, ví Lộ-địch quyết-đấu mà được thắng, không những mi không than-thở, chẳng phải ép mi cũng thuận. Cách xử-đoán êm-thấm như vậy, đừng lầm-rầm oán-hận làm chi : bất-luận người nào đánh được, mi phải kết duyên làm chồng.

Hết hồi thứ tư

HỒI THỨ V

Kịch thứ nhất

Đ. LỘ-ĐỊCH, CHI-MIÊN

CHI-MIÊN

Trời ôi ! Lộ-địch giữa ban ngày ! Sao anh cả gan thế ? Anh đi ra, anh làm hại danh-giá tôi, tôi xin anh lui ra.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Thưa nàng, tôi sắp chết, trước khi ra chịu chết, muốn trở lại chốn này, để cùng nàng từ-biệt, một lần sau cũng nữa. Lòng tôi vẫn đinh-ninh với nàng, nay định đem thân hi-sinh cho ái-tình, trước phải đến dâng cho nàng biết.

CHI-MIÊN

Anh định chết sao ?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Nay được cơ-hội tốt, tôi vội đem hiến mình, cho thỏa lòng nàng oán-hận.

CHI-MIÊN

Anh định chết sao ? Đông San-sơ đáng sợ lắm sao, mà làm cho tay vô-địch như anh phải kinh-hãi ? Ai

Qui t'a rendu si faible, ou qui le rend si fort ?
Rodrigue va combattre, et se croit déjà mort !
Celui qui n'a pas craint les Mores, ni mon père.
Va combattre Don Sanche, et déjà désespère !
Ainsi donc au besoin ton courage s'abat !

D. RODRIGUE

Je cours à mon supplice, et non pas au combat:
Et ma fidèle ardeur sait bien m'ôter l'envie,
Quand vous cherchez ma mort, de défendre ma vie.
J'ai toujours même cœur ; mais je n'ai point de bras
Quand il faut conserver ce qui ne vous plaît pas ;
Et déjà cette nuit m'aurait été mortelle,
Si j'eusse combattu pour ma seule querelle ;
Mais défendant mon roi, son peuple, et mon pays,
A me défendre mal je les aurais trahis.
Mon esprit généreux ne hait pas tant la vie,
Qu'il en veuille sortir par une perfidie.
Maintenant qu'il s'agit de mon seul intérêt,
Vous demandez ma mort, j'en accepte l'arrêt,
Votre ressentiment choisit la main d'un autre ;
Je ne méritais pas de mourir de la vôtre.
On ne me verra point en repousser les coups ;
Je dois plus de respect à qui combat pour vous ;
Et, ravi de penser que c'est de vous qu'ils viennent,
Puisque c'est votre honneur que ses armes soutiennent,
Je vais lui présenter mon estomac ouvert,
Adorant en sa main la vôtre qui me perd.

CHIMÈNE

Si d'un triste devoir la juste violence,
Qui me fait malgré moi poursuivre ta vaillance,
Prescrit à ton amour une si forte loi
Qu'il te rend sans défense à qui combat pour moi,
En cet aveuglement ne perds pas la mémoire
Qu'ainsi que de ta vie il y va de ta gloire,
Et que, dans quelque éclat que Rodrigue ait vécu,
Quand on le saura mort on le croira vaincu.

làm cho anh hèn đến thế, hay là ai khiến cho hắn mạnh như vậy? Lạ thay! Lộ-địch sắp ra quyết-đấu, đã tưởng chết rồi! Tay kia Mô-tặc không sợ, cha tôi không kiêng, nay ra đấu-sức với San-sơ, mà đã thấy ngã lòng rồi! Thế ra lòng can-đảm anh cũng có lúc suy-đồi vậy sao?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Tôi ra để chịu tội, không phải ra để quyết-đấu; lòng tôi hăng-hái mà trung-thành, dẫu muốn ra sức giữ thân, mà nàng đã nguyện tôi chết, không dám cố lấy sống. Bao giờ tôi cũng một lòng, nhưng nàng đã không ưng cho sống thời tôi cũng không có sức mà giữ lấy sống nữa. Ngay như đêm mới rồi, nếu là vì việc riêng mà quyết-đấu, thời thân này dễ chẳng còn đâu; nhưng vì chống giữ cho vua, cho dân, cho nước, nếu không giữ mình thời ra phản-bội. Lòng tôi khẳng-khái, không phải đã chán đời cho đến nỗi muốn làm phần cho xong đời. Nay việc chỉ thiết đến tôi, nàng đã quyết cho tôi chết, tôi xin cam lòng chịu. Nàng đã căm giận mượn tay người khác, vì tôi không đáng chết bởi tay nàng. Vậy tôi cũng chẳng chống-chối làm chi, phải kính trọng người đánh hộ nàng. Tôi vui lòng rằng người ấy đánh tức là nàng đánh, vì đánh để giữ cho danh-dự nàng, vậy tôi xin phơi bụng cho người đâm, tay người là tay nàng, giết tôi tôi cảm-tạ.

CHI-MIÊN

Vì sự nghĩa-vụ sâu-thẳm, bắt buộc tôi phải trị anh, nếu lòng anh quá thương yêu, đến khiến anh từ quyết-đấu, chịu đem mình cho người đánh, thời xin anh dù mê-mẩn cũng đừng quên rằng việc vừa quan-hệ đến thân anh mà cả đến danh anh nữa, và dẫu Lộ-địch lúc sống vẻ-vang thế nào, khi chết người ta cũng ngờ là thua mà chết.

Ton honneur t'est plus cher que je ne te suis chère,
Puisqu'il trempe tes mains dans le sang de mon père
Et te fait renoncer, malgré ta passion,
A l'espoir le plus doux de ma possession :
Je t'en vois cependant faire si peu de compte
Que, sans rendre combat, tu veux qu'on te surmonte!
Quelle inégalité ravale ta vertu ?
Pourquoi ne l'as-tu plus, ou pourquoi l'avais-tu ?
Quoi? n'es-tu génereux que pour me faire outrage ?
S'il ne faut m'offenser, n'as-tu point de courage,
Et traites-tu mon père avec tant de rigueur
Qu'après l'avoir vaincu tu souffres un vainqueur ?
Va, sans vouloir mourir laisse-moi te poursuivre,
Et défends ton honneur, si tu ne veux plus vivre.

D. RODRIGUE

Après la mort du comte et les Mores défaits.
Faudrait-il à ma gloire encor d'autres effets?
Elle peut dédaigner le soin de me défendre,
On sait que mon courage ose tout entreprendre,
Que ma valeur peut tout, et que dessous les cieux
Auprès de mon honneur rien ne m'est précieux.
Non, non, en ce combat, quoi que vous veuillez croire,
Rodrigue peut mourir sans hasarder sa gloire,
Sans qu'on l'ose accuser d'avoir manqué de cœur,
Sans passer pour vaincu, sans souffrir un vainqueur.
On dira seulement : « Il adorait Chimène,
Il n'a pas voulu vivre et mériter sa haine.
Il a cédé lui-même à la rigueur du sort
Qui forçait sa maîtresse à poursuivre sa mort :
Elle voulait sa tête, et son cœur magnanime,
S'il l'en eût refusée, eût pensé faire un crime.
Pour venger son honneur, il perdit son amour ;
Pour venger sa maîtresse, il a quitté le jour,
Préférant (quelque espoir qu'eût son âme asservie)
Son honneur à Chimène et Chimène à sa vie. »

Danh-dự anh chắc còn quí cho anh hơn là tấm thân tôi, vì bởi danh-dự mà anh đến nhuộm tay vào máu cha tôi, làm cho anh dẫu thương yêu tôi mà phải dứt tình bỏ. Tuy vậy mà nay tôi xem ra anh không coi danh-dự vào đâu, đến nỗi chưa ra đánh chỉ muốn cho người được! Tài-cán anh sao bất-trắc như thế ? Tài anh bây-giờ đâu ? Sao trước kia anh lại có? Có lẽ anh chỉ khẳng-khái để làm nhục tôi hay sao ? Nếu không phải nhục tôi nữa, thời anh không còn can-đảm hay sao ? Anh đã thắng được cha tôi, anh lại chịu kẻ khác đoạt, sao anh ác với cha tôi như vậy ? Thôi, anh cứ để tôi cáo tội mà anh đừng chết làm chi ; nếu anh muốn chết, phải giữ cho toàn danh-dự.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Giết được Bá-tước, phá được giặc Mô, danh-dự tôi còn phải chi mới toàn vẹn ? Tôi không cần phải giữ thân, người cũng biết tôi can-đảm, sức có thể đương mọi sự, tài có thể cáng hết thảy, nội khắp dưới gầm trời, không gì hơn danh-dự. Không, không thưa nàng, trong cuộc quyết-đấu này, dù nàng nghĩ thế nào, Lộ-địch dẫu có chết, không lo hại danh-dự, không sợ trách không khẳng-khái, không sợ cho là bị thua, không chịu để ai đánh được. Thiên-hạ chỉ nói rằng : « Chàng yêu quí nàng Chi-miên, không muốn sống để cho nàng oán, vì nàng bị bách phải hành tội, nên chàng tự-nguyện ra cam chịu. Nàng muốn lấy đầu chàng, chàng vốn lòng quảng-đại, tưởng nếu từ chối nàng, thời như phạm tội nặng. Muốn trả thù cho danh-dự, chàng đành mất ái-tình ; muốn báo thù cho tình-nhân, chàng đành bỏ sinh-mạng, dù trong lòng say-mê mong mỏi thế nào, vẫn biết trọng danh-dự hơn Chi-miên, Chi-miên hơn sinh-mệnh. » Nàng coi đó thời biết trong cuộc quyết-đấu này, dù tôi có

Ainsi donc vous verrez ma mort en ce combat,
Loin d'obscurcir ma gloire, en rehausser l'éclat,
Et cet honneur suivra mon trépas volontaire,
Que tout autre que moi n'eût pu vous satisfaire.

CHIMÈNE

Puisque pour t'empêcher de courir au trépas
Ta vie et ton honneur sont de faibles appas,
Si jamais je t'aimai, cher Rodrigue, en revanche,
Défends-toi maintenant pour m'ôter à Don Sanche;
Combats pour m'affranchir d'une condition
Qui me donne à l'objet de mon aversion.
Te dirai-je encor plus ? va, songe à ta défense
Pour forcer mon devoir, pour m'imposer silence,
Et, si tu sens pour moi ton cœur encore épris,
Sors vainqueur d'un combat dont Chimène est le prix.
Adieu, ce mot lâché me fait rougir de honte.

D. RODRIGUE

Est-il quelque ennemi qu'à présent je ne dompte!
Paraissez, Navarrois, Mores, et Castillans,
Et tout ce que l'Espagne a nourri de vaillants;
Unissez-vous ensemble, et faites une armée
Pour combattre une main de la sorte animée;
Joignez tous vos efforts contre un espoir si doux;
Pour en venir à bout c'est trop peu que de vous.

Scène II

L'INFANTE

T'écouterai-je encor, respect de ma naissance,
Qui fais un crime de mes feux ?
T'écouterai-je, Amour, dont la douce puissance
Contre ce fier tyran fait révolter mes vœux ?
Pauvre princesse, auquel des deux
Dois-tu prêter obéissance ?
Rodrigue, ta valeur te rend digne de moi :
Mais, pour être vaillant, tu n'es pas fils de Roi.

chết danh-dự tôi cũng không giảm, mà lại rực-rỡ thêm; tôi tự-nguyện chết đi, lại được cái danh-tiếng, là vì không phải tay tôi đây, khó ai thỏa được lòng nàng.

CHI-MIEN

Sinh-mệnh anh, danh-dự anh, đã không đủ làm ngăn-trở, cho anh khỏi liều mình, thời hỡi anh Lộ-địch, vì anh thương yêu tôi, bây giờ tôi xin anh, cố ra sức mà đối-địch, cho tôi thoát chàng San-sơ. Xin anh ra quyết-đấu, cho tôi thoát nợ kẻ trong lòng vốn không ưa. Tôi thú thật với anh, khuyên anh cố giữ mình, cho nghĩa-vụ tôi phải chịu, cho tôi không thể nói sao, bấy giờ anh còn có bụng thương yêu, hễ anh đánh được thắng, tôi xin nguyện lấy anh. Thôi, tôi xin từ-biệt, tôi vừa nói đến đây, lòng tôi luống hổ thẹn.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Đã được lời như vậy, kẻ địch nào không thắng! Nào Na-va, nào Mô-tặc, nào Cát-ti, nào Tây-ban-nha có bao tay võ-sĩ, thách các ngươi hợp cả lại, làm một quân ra mà đánh, một tay ta chấp được cả, vì tay ta có sức thần; lòng ta đương hi-vọng, thật êm-ái biết bao, cho các ngươi hiệp lực, cũng vô-khả-nại-hà, muốn bạt được lòng này, sức các ngươi chẳng thấm.

Kịch thứ II

CÔNG-CHÚA

Ôi! kim-chi ngọc-điệp, ngươi làm cho lửa tình thành tội-lỗi, ta có nên nghe ngươi can-gián nữa không? Ôi! ái-tình thâm-thiết, ngươi làm cho lòng hi-vọng này muốn phản-đối sự can-ngăn kia, ta có nên nghe ngươi xui giục hay không? Khốn-nạn thay là thân công-chúa, trong hai bên biết thuận bên nào? Lộ-địch, tài-cán chàng thật xứng-đáng ta, nhưng chàng tuy dũng-cảm chàng không phải con vua.

Impitoyable sort, dont la rigueur sépare
Ma gloire d'avec mes désirs !
Est-il dit que le choix d'une vertu si rare
Coûte à ma passion de si grands déplaisirs ?
O cieux ! à combien de soupirs
Faut-il que mon cœur se prépare,
Si jamais il n'obtient, sur un si long tourment,
Ni d'éteindre l'amour ni d'accepter l'amant ?

Mais c'est trop de scrupule, et ma raison s'étonne
Du mépris d'un si digne choix,
Bien qu'aux monarques seuls ma naissance me donne,
Rodrigue, avec honneur je vivrai sous tes lois ;
Après avoir vaincu deux rois
Pourrais-tu manquer de couronne,
Et ce grand nom de Cid que tu viens de gagner
Ne fait-il pas trop voir sur qui tu dois régner ?

Il est digne de moi, mais il est à Chimène :
Le don que j'en ai fait me nuit ;
Entre eux la mort d'un père a si peu mis de haine
Que le devoir du sang à regret le poursuit :
Ainsi n'espérons aucun fruit
De son crime ni de ma peine,
Puisque, pour me punir, le destin a permis
Que l'amour dure même entre deux ennemis.

Cực-khổ thay là thân - phận này, làm cho danh-dự dục-tình chia cách ! Chọn được người tài-năng lỗi-lạc, mà nỗi tình sầu-não bấy lâu, có đâu lại như thế ? Trời đất ôi ! lòng tôi đã cực-khổ như vậy, mà lửa tình không tắt được, tơ tình không buộc xong, thời dạ này còn ảo-não biết bao !

Nhưng mà nghĩ cho kỹ, bần-khoản có làm chi, người xứng-đáng như vậy, lẽ sao đáng rẻ coi. Lộ-địch, hỡi chàng, tuy tôi là ngành vàng lá ngọc, vua chúa mới đang, nhưng tôi được sánh vai cùng chàng, cũng lấy làm vinh-hạnh. Chàng đã đánh thua được hai vua, làm vua sao chẳng được ; và quân giặc đã tặng chàng tên Lôi-Xích, danh-hiệu ấy, làm chúa ai, còn phải hỏi ?

Chàng xứng-đáng ta thật, nhưng chàng là của Chi-miên : ta tặng chàng cho nàng, nên ngày nay hối-hận. Chàng tuy đã giết cha nàng, mà nàng không căm-giận lắm, nghĩa máu-mủ phải tố-cáo, mà kỳ-thực vẫn thương-tiếc. Vậy dù chàng phạm tội, dù ta đau lòng, cũng chẳng hòng chi, vì trời đã hại ta, khiến cho hai kẻ cừu-địch, vẫn thương yêu nhau.

Scène III

L'INFANTE, LÉONOR

L'INFANTE

Où viens-tu, Léonor ?

LÉONOR

Vous applaudir, Madame,
Sur le repos qu'enfin a retrouvé votre âme.

L'INFANTE

D'où viendrait ce repos dans un comble d'ennui !

LEONOR

Si l'amour vit d'espoir et s'il meurt avec lui,
Rodrigue ne peut plus charmer votre courage ;

Kịch thứ III

CÔNG-CHÚA, LIỄU-NƯƠNG

CÔNG-CHÚA

Mi lại gì đây, Liễu-nương ?

LIỄU-NƯƠNG

Thưa bà, tôi lại đây để khen-ngợi bà, vì nỗi lòng nay đã yên-ổn.

CÔNG-CHÚA

Đương bực-tức thay, đâu mà yên-ổn !

LIỄU-NƯƠNG

Ái-tình sống vì hi-vọng, hi - vọng mất ái-tình cũng hết, như vậy thời Lộ-

Vous savez le combat où Chimène l'engage :
Puisqu'il faut qu'il y meure ou qu'il soit son mari,
Votre espérance est morte et votre esprit guéri.

L'INFANTE

Ah ! qu'il s'en faut encor !

LÉONOR

Que pouvez-vous prétendre ?

L'INFANTE

Mais plutôt quel espoir me pourrais-tu défendre ?
Si Rodrigue combat sous ces conditions,
Pour en rompre l'effet j'ai trop d'inventions :
L'Amour, ce doux auteur de mes cruels supplices,
Aux esprits des amants apprend trop d'artifices.

LÉONOR

Pourrez-vous quelque chose après qu'un père mort
N'a pu dans leurs esprits allumer de discord ?
Car Chimène aisément montre par sa conduite
Que la haine aujourd'hui ne fait pas sa poursuite.
Elle obtient un combat, et pour son combattant
C'est le premier offert qu'elle accepte à l'instant.
Elle n'a point recours à ces mains généreuses
Que tant d'exploits fameux rendent si glorieuses :
Don Sanche lui suffit et mérite son choix,
Parce qu'il va s'armer pour la première fois.
Elle aime en ce duel son peu d'expérience :
Comme il est sans renom, elle est sans défiance,
Et sa facilité vous doit bien faire voir
Qu'elle cherche un combat qui force son devoir.
Qui livre à son Rodrigue une victoire aisée,
Et l'autorise enfin à paraître apaisée.

L'INFANTE

Je le remarque assez, et toutefois mon cœur,
A l'envi de Chimène, adore ce vainqueur.
A quoi me résoudrai-je, amante infortunée ?

địch không thể cám-dỗ được lòng bà nữa ; bà đã biết sự Chi-miên bắt chàng quyết-đấu thế nào : chàng thua thời chàng chết, chàng được nàng phải lấy, như vậy bà con hi-vọng chi, nỗi lòng chắc yên-ổn.

CÔNG-CHÚA

Ôi ! nào đã được yên đâu !

LIỄU-NƯƠNG

Bà còn mong đợi chi ?

CÔNG-CHÚA

Nhưng mà đã thế thời ta muốn hi-vọng chi mà chẳng được ? Nếu Lộ-địch quyết-đấu theo như cách nàng định, ta đây thiếu gì mưu làm cho sự không thành. Thần ái-tình ác-nghiệp mà khoan-nhân, đối với kẻ hữu-tình thường hay dạy biến-báo.

LIỄU-NƯƠNG

Một cái án cha chết, chưa phân giải hai người, huống-chi bà mưu-tính hòng có chắc được chi ? Vì cứ xét cách xử-sự của nàng Chi-miên, đủ rõ biết không phải oán-giận chàng mà nàng xin hành-tội. Nàng xin mở cuộc quyết-đấu, khi phải chọn người đánh hộ, thời người ra đấu nàng nhậu ngay. Nàng không tìm nhưng tay võ giỏi, đã đòi phen hiển-hách lập công : Nàng ưng nàng chọn Đong San-sơ, vì chàng này ra đấu mới lần đầu. Nàng lại ưa vì chàng bỡ-ngỡ, chàng vô-danh nàng càng vô-lự ; coi cách nàng dung-dị như vậy, bà cũng đủ biết rõ ý nàng, muốn quyết-đấu cho tắc-trách, để Lộ-địch được dễ thắng, mà nàng thời có thể làm được ra bộ nguôi lòng.

CÔNG-CHÚA

Ta vẫn nhận biết vậy, thế mà trong lòng ta, vẫn thầm ghen nàng, mà trộm yêu chàng. Khốn-nạn cho ta gái hữu-tình mà bất-hạnh, ta định làm thế nào bây giờ ?

LÉONOR

A vous mieux souvenir de qui vous êtes née :
Le ciel vous doit un Roi, vous aimez un sujet.

L'INFANTE

Mon inclination a bien changé d'objet.
Je n'aime plus Rodrigue, un simple gentilhomme.
Non, ce n'est plus ainsi que mon amour le nomme ;
Si j'aime, c'est l auteur de tant de beaux exploits,
C'est le valeureux Cid, le maitre de deux rois.
Je me vaincrai pourtant, non de peur d'aucune blâme,
Mais pour ne troubler pas une si belle flamme,
Et, quand pour m'obliger on l'aurait couronné,
Je ne veux point reprendre un bien que j'ai donné.
Puisqu'en un tel combat sa victoire est certaine,
Allons encore un coup le donner à Chimène,
Et toi qui vois les traits dont mon cœur est percé,
Viens me voir achever comme j'ai commencé.

Scène IV

CHIMÈNE, ELVIRE

CHIMÈNE

Elvire, que je souffre et que je suis à plaindre !
Je ne sais qu'espérer, et je vois tout à craindre.
Aucun vœu ne m'échappe où j'ose consentir,
Je ne souhaite rien sans un prompt repentir ;
A deux rivaux pour moi je fais prendre les armes,
Le plus heureux succès me coûtera des larmes,
Et quoi qu'en ma faveur en ordonne le sort,
Mon père est sans vengeance ou mon amant mort

ELVIRE

D'un et d'autre côté je vous vois soulagée :
Ou vous avez Rodrigue, ou vous êtes vengée,
Et, quoi que le destin puisse ordonner de vous,
Il soutient votre gloire et vous donne un époux.

LIỄU-NƯƠNG

Bà phải nhớ cho kỹ, bà là con-cái ai : trời phải xe duyên bà với bậc Vua chúa, nay bà lại có tình với kẻ thường-dân.

CÔNG-CHÚA

Lòng ta đã đổi khuynh-hướng rồi. Ta yêu Lộ-địch, không phải là yêu một kẻ võ-sĩ thường ; không, trong ái-tính ta, chàng không phải thế. Ta yêu là yêu một kẻ anh-hùng, làm nên sự-nghiệp lớn, yêu người tài-cán nổi-danh là Lôi-Xích, bắt sống hai vua giặc.

Tuy vậy ta cũng cố cầm lòng, không phải sợ ai trách, nhưng để cho khỏi lụy đến duyên người ; dù cho chàng làm vua để dẹp lòng ta, ta cũng không lấy lại của báu ta đã cho. Trong cuộc quyết-đấu này, chắc chàng được toàn-thắng, ta nên đem chàng mà tặng lại cho Chi-miên. Mi đã biết dạ này ảo-não thế nào, lại mà xem lòng này ăn-ở thủy-chung.

Kịch thứ IV

CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

CHI-MIÊN

Yến-nương ôi, ta đau-đớn biết bao ! ta xót-xa nhường nào ! Ta chỉ biết ngồi mà ngóng trông, mà trông thấy gì cũng sợ-hãi. Không dám cầm lòng cầu-nguyện chi, hễ động ước-ao là hối-hận. Bắt hai người ra đối-địch, dù có được cũng đau lòng. Dẫu may ra được thế nào, thời cũng đến nông-nỗi này : một là cha thác oan, hai là tình-nhân chết.

YẾN-NƯƠNG

Con tưởng dù bên nào, cô cũng được xuôi lòng : một là được chàng Lộ-địch, hai là xong nợ báo thù ; dù số-phận định sao mặc lòng, cô cũng sẽ được toàn danh-dự, lại được kẻ lương-nhân.

CHIMÈNE

Quoi ? l'objet de ma haine ou de tant de colère !
L'assassin de Rodrigue ou celui de mon père !
De tous les deux côtés on me donne un mari
Encor tout teint du sang que j'ai le plus chéri.
De tous les deux côtés mon âme se rebelle :
Je crains plus que la mort la fin de ma querelle ;
Allez, vengeance, amour, qui troublez mes esprits,
Vous n'avez point pour moi de douceurs à ce prix.
Et toi, puissant moteur du destin qui m'outrage,
Termine ce combat sans aucun avantage,
Sans faire aucun des deux ni vaincu ni vainqueur.

ELVIRE

Ce serait vous traiter avec trop de rigueur.
Ce combat pour votre âme est un nouveau supplice,
S'il vous laisse obligée à demander justice,
A témoigner toujours ce haut ressentiment
Et poursuivre toujours la mort de votre amant.
Madame, il vaut bien mieux que sa rare vaillance,
Lui couronnant le front, vous impose silence ;
Que la loi du combat étouffe vos soupirs,
Et que le Roi vous force à suivre vos désirs.

CHIMÈNE

Quand il sera vainqueur crois-tu que je me rende ?
Mon devoir est trop fort et ma perte trop grande,
Et ce n'est pas assez, pour leur faire la loi,
Que celle du combat et le vouloir du Roi.
Il peut vaincre Don Sanche avec fort peu de peine,
Mais non pas avec lui la gloire de Chimène,
Et, quoi qu'à sa victoire un monarque ait promis
Mon honneur lui fera mille autres ennemis.

ELVIRE

Gardez, pour vous punir de cet orgueil étrange,
Que le ciel à la fin ne souffre qu'on vous venge.

CHI-MIÊN

Ôi ! một bên ta không ưa, một bên ta căm-giận ! một bên là người giết Lộ-địch, một bên là người giết cha ta ! Hai bên ta phải lấy làm chồng, mà bên nào cũng là nhuốm vào máu kẻ thân-yêu của ta. Bên nào lòng ta cũng tức-tối ; thà chết đi còn hơn là trông kết-cục. Thôi, thù cha, thôi, tình-ái, làm cho lòng ta những bối-rối, đã đến nỗi này, còn có vui chi nữa. Nào máy huyền-vi của tạo-hóa, đã làm ta khổ-nhục bấy nay, xin chuyển-vần thế nào cho cuộc quyết-đấu này, không bên nào đắc-lợi, cho trong hai người không ai được không ai thua.

YẾN-NƯƠNG

Nếu thế thì ngặt cho cô quá. Vì-dù mà cuộc quyết-đấu này, còn để cô phải kêu oan nữa, còn để cô ngang-ngang oán-hận, kêu nài mãi cho được đầu chàng, thời lại thêm đau lòng cho cô lắm nữa. Thưa cô, con tưởng nên mong cho chàng tài-cán thế, đánh phải được, khiến cô không thể nói sao ; nên mong cho luật quyết-đấu đã định, cô phải giẹp thở-than, và Hoàng-thượng cưỡng bắt cô phải thuận lòng mong muốn.

CHI-MIÊN

Cho dầu chàng đánh được, mà tưởng ta chịu sao ? Nghĩa-vụ ta là trọng, phụ-tang ta là to, muốn cho yểm-chế được, bằng ở phép quyết-đấu, cậy ở ý-muốn vua, cũng chưa là đủ được. Chàng đánh Đông San-sơ thời dễ lắm ; mà chàng đoạt danh-dự ta cũng khó thay. Dù quân-vương có hứa cho chàng được mặc lòng, danh-dự ta cũng hết sức ngăn-trở cho cam-tâm.

YẾN-NƯƠNG

Cô đừng giữ tính kiêu-căng lạ-lùng như vậy, e sau này trời không dung

Quoi ! vous voulez encor refuser le bonheur
De pouvoir maintenant vous taire avec honneur !
Que prétend ce devoir et qu'est-ce qu'il espère ?
La mort de votre amant vous rendra-t-elle un père ?
Est-ce trop peu pour vous que d'un coup de malheur ?
Faut-il perte sur perte et douleur sur douleur ?
Allez, dans le caprice où votre humeur s'obstine,
Vous ne méritez pas l'amant qu'on vous destine.
Et nous verrons du Ciel l'équitable courroux
Vous laisser par sa mort Don Sanche pour époux.

CHIMÈNE

Elvire, c'est assez des peines que j'endure,
Ne les redouble point de ce funeste augure.
Je veux, si je le puis, les éviter tous deux,
Sinon, en ce combat Rodrigue a tous mes vœux :
Non qu'une folle ardeur de son côté me penche,
Mais, s'il était vaincu, je serais à Don Sanche :
Cette appréhension fait naître mon souhait.
Que vois-je, malheureuse ? Elvire, c'en est fait !

Scène V

D SANCHE, CHIMÈNE, ELVIRE

D. SANCHE

Obligé d'apporter à vos pieds cette épée...

CHIMÈNE

Quoi ! du sang de Rodrigue encor toute trempée ?
Perfide, oses-tu bien te montrer à mes yeux
Après m'avoir ôté ce que j'aimais le mieux ?
Eclate, mon amour, tu n'as plus rien à craindre,
Mon père est satisfait, cesse de te contraindre.
Un même coup a mis ma gloire en sûreté,
Mon âme au désespoir, ma flamme en liberté.

mà khiến có kẻ báo lại. Ôi ! nay đã được cái hạnh-phúc có thể nín đi mà toàn được danh-dự, vậy mà cô còn khăng-khăng chưa muốn hay sao ? Nghĩa-vụ kia còn đòi chi nữa, còn mong chi nữa ? Tình-nhân cô chết có trả lại được phụ-thân cô không ? Một cái nạn như vậy, còn chưa đủ hay sao ? Hay còn muốn nạn này đến nạn khác, khổ nọ lại khổ kia ? Thôi, cô cứ quẩn-quanh uốn-éo như vậy, cô không đáng được lấy chàng đâu ; rồi ông Trời sẽ ra tay cho cô biết mà làm cho chàng bị chết để cho cô phải lấy San-sơ làm chồng.

CHI-MIÊN

Yến-nương ôi, ta đã khổ lắm rồi, mi đừng nói gở như vậy cho ta thêm khổ nữa. Vì có thể tránh được, ta muốn tránh cả đôi, nhược bằng không thời trong cuộc quyết-đấu này, ta cầu-nguyện cho Lộ-địch, không phải rằng ham-mê chàng, nhưng vì chàng thua thời ta phải về với San-sơ mất. Vì lo sợ như thế, nên ta mới ước-ao. Khốn-nạn tôi, ai thế kia ? Yến-nương ôi, thôi chết rồi.

Kịch thứ V

Đ. SAN-SƠ, CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

Đ. SAN-SƠ

Bỉ-nhân phải đem dâng quí-nương thanh gươm này...

CHI-MIÊN

Ôi ! gươm còn rớt máu Lộ-địch sao ? Đồ bất-nhân, đã giết mất người yêu ta, còn dám vác mặt đến đây sao ? Ái-tình ta đâu biểu-lộ ra, không còn chi nữa mà phải sợ ! Vong-hồn cha ta đã được thỏa, chẳng nên ẩn-nhẫn nữa làm chi. Một nhát gươm này vừa làm cho danh-dự tôi được toàn-vẹn, tâm-hồn tôi phải đau-đớn, mà ái-tình tôi được thở-than.

D. SANCHE

D'un esprit plus rassis...

CHIMÈNE

Tu me parles encore,
Exécrable assassin d'un héros que j'adore ;
Va, tu l'as pris en traître : un guerrier si vaillant
N'eût jamais succombé sous un tel assaillant.
N'espère rien de moi, tu ne m'as point servie ;
En croyant me venger, tu m'as ôté la vie.

D. SANCHE

Etrange impression, qui, loin de m'écouter...

CHIMÈNE

Veux-tu que de sa mort je t'écoute vanter,
Que j'entende à loisir avec quelle insolence
Tu peindras son malheur, mon crime, et ta vaillance?

Scène VI

D. FERNAND, D. DIÈGUE, D. ARIAS, D. SANCHE, D. ALONSE, CHIMÈNE, ELVIRE.

CHIMÈNE

Sire, il n'est plus besoin de vous dissimuler
Ce que tous mes efforts ne vous ont pu celer.
J'aimais, vous l'avez su, mais, pour venger mon père,
J'ai bien voulu proscrire une tête si chère :
Votre majesté, Sire, elle-même a pu voir
Comme j'ai fait céder mon amour au devoir.
Enfin Rodrigue est mort et sa mort m'a changée
D'implacable ennemie en amante affligée ;
J'ai dû cette vengeance à qui m'a mise au jour,
Et je dois maintenant ces pleurs à mon amour.
Don Sanche m'a perdue en prenant ma défense,
Et du bras qui me perd je suis la récompense !

Đ. SAN-SƠ

Xin qui-nương bình-tâm mà...

CHI-MIÊN

Lại còn nói nữa sao ? Mi đồ hèn-mạt, dám giết người anh-hùng, ta đây vẫn qui-trọng. Thôi chắc mi đã dùng cách phản-trắc mà đánh, chớ một tay võ-sĩ dũng-cảm như chàng không có lẽ chịu thua một kẻ địch-nhân tầm-thường như mi. Mi đừng có mong-mỏi chi ta, không phải mi đã giúp ta đâu, mi tưởng báo-thù cho ta, thật mi làm cho ta chết.

Đ. SAN-SƠ

Lạ-lùng thay, cô không nghe tôi nói...

CHI-MIÊN

Mi còn muốn ta nghe mi khoe-khoang đã giết được chàng sao, muốn ta ngồi thong-dong cho mi lên mặt kiêu-căng mà kể chàng bị-nạn thế nào, ta phạm tội làm sao, mi can-đảm dường nào, hay sao ?

Kịch thứ VI

Đ. PHIỆT-NĂNG, Đ. ĐỊCH-YẾT, Đ. A-LIỆT, Đ. SAN-SƠ, Đ. A-LONG, CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

CHI-MIÊN

Tâu Bệ-hạ, con đã hết sức dấu Bệ-hạ không được, nay con không còn phải dấu-diếm chi nữa. Bệ-hạ đã biết con có tình với chàng, nhưng vì con phải báo-thù cho cha con nên cho dẫu thương yêu chàng, mà cũng cố lấy dẫu chàng. Bệ-hạ cũng đã từng mục-kích, rằng con lấy hiếu trọng hơn tình. Thôi, nay Lộ-địch đã chết, vì chàng chết mà trước con là kẻ thâm-thù chí-mạnh, giờ đã biến thành người tình-nhân thảm-thiết. Trước đối với cha con, con phải trả-thù, giờ đối với tình con, con phải than-khóc. Đông San-sơ đánh bộ con mà làm khổ con, chàng đã hại con mà con lại phải về chàng !

Sire, si la pitié peut émouvoir un roi,
De grâce, révoquez une si dure loi.
Pour prix d'une victoire où je perds ce que j'aime,
Je lui laisse mon bien ; qu'il me laisse à moi-même,
Qu'en un cloître sacré je pleure incessamment
Jusqu'au dernier soupir mon père et mon amant.

D. DIÈGUE

Enfin elle aime, Sire, et ne croit plus un crime
D'avouer par sa bouche un amour légitime.

D. FERNAND

Chimène, sors d'erreur, ton amant n'est pas mort,
Et Don Sanche, vaincu, t'a fait un faux rapport.

D. SANCHE

Sire, un peu trop d'ardeur malgré moi l'a déçue.
Je venais du combat lui raconter l'issue.
Ce généreux guerrier dont son cœur est charmé :
« Ne crains rien (m'a-t-il dit quand il m'a désarmé),
Je laisserais plutôt la victoire incertaine
Que de répandre un sang hasardé pour Chimène ;
Mais, puisque mon devoir m'appelle auprès du Roi,
Va de notre combat l'entretenir pour moi,
De la part du vainqueur lui porter ton épée. »
Sire, j'y suis venu, cet objet l'a trompée :
Elle m'a cru vainqueur, me voyant de retour,
Et soudain sa colère a trahi son amour
Avec tant de transport et tant d'impatience
Que je n'ai pu gagner un moment d'audience.
Pour moi, bien que vaincu, je me réputé heureux,
Et, malgré l'intérêt de mon cœur amoureux,
Perdant infiniment, j'aime encor ma défaite

Muôn tâu Bệ-hạ, vì đứng quân-vương còn có lòng thương-xót kẻ liễu-bồ, xin kêu-van ngài cách-bỏ cho cái luật khốc-hại ấy. Chàng đã có công đánh được, làm cho tôi mất người yêu, tôi xin để tài-sản tặng chàng, xin chàng cho tôi được yên-thân, để tôi đem mình gửi nhà tu, chung thân khóc cha với khóc chồng.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Thôi, thế là Bệ-hạ coi, rõ là nàng có tình, không còn sợ tội-lỗi, tự miệng nàng thú thật.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Chi-miên, con lầm rồi, tình-nhân con chửa chết. Đông San-sơ bị thua, thuật cho con không thật.

Đ. SAN-SƠ

Tâu Bệ-hạ, vì tôi khí nóng nẩy, nên nàng mới hiểu lầm. Tôi ở nơi quyết-đấu, về thuật chuyện cho nàng. Chàng Lộ-dịch là người khảng-khái, được lòng nàng yêu-dấu lạ nhường, khi bắt gươm tôi, có bảo tôi rằng : « Chàng không phải ngại gì, tôi để cuộc quyết-đấu, như không phân thắng-phụ, bởi chàng đã có bụng, vì nàng ra liều đánh, tôi không muốn hại chi, nhưng giờ tôi có việc cần phải vào chầu, chàng nên về thuật chuyện nàng nghe, và xin thay mặt tôi, đem thanh gươm của chàng, mà nộp lại cho nàng. » Tâu Bệ-hạ, tôi về đến nơi, nàng trông thấy gươm này hốt-hoảng, tưởng rằng tôi được cuộc, đánh xong đã trở về, bỗng dưng nổi cơn giận, mới rõ lòng ái-tình, hăng-hái quá chừng, nóng nẩy quá đỗi, đến nỗi nàng không lắng tai nghe, một câu nào tôi nói.

Còn như tôi, tuy là bị thua trận thật, mà cũng tự lấy làm vui, dù lòng tôi có mê nàng, mà riêng phải chịu thiệt-thòi, song tôi thua cũng cam-tâm,

Qui fait le beau succès d'une amour si parfaite.

D. FERNAND

Ma fille, il ne faut point rougir d'un si beau feu
Ni chercher les moyens d'en faire un désaveu;
Une louable honte en vain t'en sollicite :
Ta gloire est dégagée et ton devoir est quitte.
Ton père est satisfait, et c'était le venger
Que mettre tant de fois ton Rodrigue en danger.
Tu vois comme le Ciel autrement en dispose :
Ayant tant fait pour lui, fais pour toi quelque chose,
Et ne sois point rebelle à mon commandement
Qui te donne un époux aimé si chèrement.

Scène VII

D. FERNAND, D. DIEGUE, D. ARIAS, D. RODRIGUE, D. ALONSE, D. SANCHE, L'INFANTE, CHIMÈNE, LÉONOR, ELVIRE.

L'INFANTE

Sèche tes pleurs, Chimène, et reçois sans tristesse
Ce généreux vainqueur des mains de ta Princesse.

D. RODRIGUE

Ne vous offensez point, Sire, si devant vous
Un respect amoureux me jette à ses genoux.
Je ne viens point ici demander ma conquête,
Je viens tout de nouveau vous apporter ma tête,
Madame ; mon amour n'emploiera point pour moi
Ni la loi du combat ni le vouloir du Roi.
Si tout ce qui s'est fait est trop peu pour un père
Dites par quels moyens il vous faut satisfaire.
Faut-il combattre encor mille et mille rivaux,
Aux deux bouts de la terre étendre mes travaux,
Forcer moi seul un camp, mettre en fuite une armée,
Des héros fabuleux passer la renommée ?

vì giúp được cuộc tình-duyên xứng đáng thế.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Con ơi, tình-duyên con tốt đẹp, bề thẹn nữa làm chi, cũng không cần tìm phương-kế, mà từ chối làm gì. Lòng con tu-sĩ thật đáng khen, nhưng con tu-sĩ cũng không được. Thế là danh con đã yên, nghĩa con đã trọn, cha con cũng thỏa lòng, vì bắt Lộ-địch mấy mươi phen, phải xông pha bao nguy-hiểm, tức cũng là đã trả thù cho cha con vậy. Con thử xem lòng Trời xếp-đặt có khác hẳn ; nay con đã hết nghĩa với cha, phải nên nghĩ đến phận con, ta khuyên-bảo con chớ nên cưỡng yêu qui chàng phải lấy làm chồng.

Kịch thứ VII

Đ. PHIỆT-NĂNG, Đ. ĐỊCH-YẾT, Đ. A-LIỆT, Đ. LỘ-ĐỊCH, Đ. A-LONG, Đ. SAN-SƠ, CÔNG-CHÚA, CHI-MIÊN, LIỄU-NƯƠNG, YẾN-NƯƠNG

CÔNG-CHÚA

Chi-miên, hỡi em, em nên chùi nước mắt, đổi mặt buồn làm vui, mà nhận ở tay chị đây, trang hiệp-sĩ anh-hùng nọ.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ rộng thứ cho con, dám trước mặt Bệ-hạ, qui dưới gối tình-nhân. - Thưa nàng, tôi đến đây không phải là yêu-cầu công đánh được, chỉ đem đầu lại dâng nàng mà thôi. Lòng tôi yêu nàng không phải cậy đến luật quyết-đấu, nhớ đến lời vua phán, nếu công tôi đã làm được bấy nhiêu, mà chưa đủ trả thù quithảo-phụ, thời còn cách gì mới thỏa nàng, xin nàng dạy cho biết. Có phải đánh muôn nghìn kẻ thù nữa, hay là đi lập công ở nơi xa, hay là một mình phá một trại lính, đuổi một toán quân, làm cho nổi danh hơn những danh-tướng đã

Si mon crime par là se peut enfin laver,
J'ose tout entreprendre et puis tout achever.
Mais, si ce fier honneur, toujours inexorable,
Ne se peut apaiser sans la mort du coupable,
N'armez plus contre moi le pouvoir des humains :
Ma tête est à vos pieds, vengez-vous par vos mains.
Vos mains seules ont droit de vaincre un invincible ;
Prenez une vengeance à tout autre impossible.
Mais du moins que ma mort suffise à me punir,
Ne me bannissez point de votre souvenir.
Et, puisque mon trépas conserve votre gloire,
Pour vous en revancher conservez ma mémoire,
Et dites quelquefois en déplorant mon sort :
« S'il ne m'avait aimée, il ne serait pas mort. »

CHINÈME

Relève-toi, Rodrigue. Il faut l'avouer, Sire,
Je vous en ai trop dit pour m'en pouvoir dédire :
Rodrigue a des vertus que je ne puis haïr,
Et quand un Roi commande on lui doit obéir.
Mais, à quoi que déjà vous m'ayez condamnée,
Pourrez-vous à vos yeux souffrir cet hyménée,
Et, quand de mon devoir vous voulez cet effort,
Toute votre justice en est-elle d'accord ?
Si Rodrigue à l'Etat devient si nécessaire,
De ce qu'il fait pour vous dois-je être le salaire,
Et me livrer moi-même au reproche éternel
D'avoir trempé mes mains dans le sang paternel ?

D. FERNAND

Le temps assez souvent a rendu légitime
Ce qui semblait d'abord ne se pouvoir sans crime.
Rodrigue t'a gagnée, et tu dois être à lui ;
Mais, quoique la valeur t'ait conquise aujourd'hui,
Il faudrait que je fusse ennemi de ta gloire
Pour lui donner sitôt le prix de sa victoire.

hiền-hách đời xưa không? Vì tội tôi làm thế mà rửa được, thời công chi tôi cũng làm cho kỳ được. Nhưng nếu danh-dự nàng vẫn cao-kỳ, vẫn khăng-khít, chưa giết được kẻ phạm-tội, còn chưa lấy làm thỏa lòng, thời xin nàng đừng nhờ tay kẻ khác, mà hành tội tôi đây : đầu tôi đương phục tội, xin nàng cứ ra tay. Tôi đã tiếng là vô-địch, duy tay nàng mới đoạt nổi, đã không ai cáng-đáng được, vậy xin nàng trả thù lấy. Nhưng tôi chết là tội hết, xin đừng vùi chút kỷ-niệm, vì tôi chết mà danh-dự của nàng được hoàn-toàn, thời xin đền công mà nhớ đến vong-hồn tôi ; thỉnh-thoảng nên đoái thương đến số-phận mà phàn-nàn cho một câu : « Vì hắn không yêu ta, hắn không đến nỗi chết »

CHI-MIÊN

Lộ-địch, xin anh đứng giậy. Tâu Bệ-hạ, con xin thú thật, con đã nói quá lời, con không sao nói lại : Lộ-địch là người tài-đức, con đây đâu dám ghét chê. Vả quân-vương đã ban dạy, phận con phải vâng theo. Song, dù Bệ-hạ bắt con thế nào, xin Bệ-hạ hãng thử xét, kết duyên thế đã đang chưa, Bệ-hạ muốn bắt con phải cưỡng theo, nhưng lấy lẽ công-bằng đã hợp chửa ? Nếu Lộ-địch là người cần cho Quốc-gia, công thờ vua há lấy tôi làm đại-giá, há nên bắt tôi muôn năm phải oán-hận, rằng đã đem tay mà nhuộm lấy máu cha ?

Đ. PHIỆT-NĂNG

Có việc trước tưởng là có tội, mà về sau thường nên việc chánh-đáng, là bởi thời-giờ khiến như vậy. Lộ-địch đã thắng cuộc mà được thưởng, bổn-phận con phải theo về với chàng. Song tuy vì tài-cán mà chàng được, nhưng nếu vị chàng ban thưởng ngay, thời ta đây không khỏi phạm danh-dự con,

Cet hymen différé ne rompt point une loi
Qui, sans marquer de temps, lui destine ta foi.
Prends un an, si tu veux, pour essuyer tes larmes.
Rodrigue, cependant, il faut prendre les armes.
Après avoir vaincu les Mores sur nos bords,
Renversé leurs desseins, repoussé leurs efforts,
Va jusqu'en leur pays leur reporter la guerre,
Commander mon armée et ravager leur terre.
A ce nom seul de Cid ils trembleront d'effroi.
Ils t'ont nommé Seigneur et te voudront pour roi.
Mais parmi tes hauts faits sois-lui toujours fidèle,
Reviens-en, s'il se peut, encor plus digne d'elle,
Et par tes grands exploits fais-toi si bien priser
Qu'il lui soit glorieux alors de t'épouser.

D. RODRIGUE

Pour posséder Chimène, et pour votre service,
Que peut-on m'ordonner que mon bras n'accomplisse !
Quoi qu'absent de ses yeux il me faille endurer
Sire, ce m'est trop d'heur de pouvoir espérer.

D. FERNAND

Espère en ton courage, espère en ma promesse,
Et, possédant déjà le cœur de ta maîtresse,
Pour vaincre un point d'honneur qui combat contre toi,
Laisse faire le temps, ta vaillance et ton Roi.

Fin

Cuộc nhân-duyên dầu trì-hoãn, cũng không phá được pháp-luật, buộc con phải lấy chàng, không quản chi kỳ-hạn. Tùy ý con, nên hoãn lại một năm, cho nguôi đần nỗi thảm.

Còn Lộ-địch thời ngươi phải chỉnh võ-bị ; dã thắng được Mô-tặc trong bờ cõi ta, phá được mưu giặc, chia được sức giặc ở đất nước nhà, bây giờ phải sang tận sào-huyệt nó mà tranh-chiến, thống-lĩnh binh-đoàn ta mà phá tan xứ-sở nó. Những nghe tên Lôi-Xích, quân giặc ắt khiếp-sợ. Giặc đã xưng ngươi là chúa, tất tôn ngươi làm vua. Nhưng dù ngươi lập-công hiển-hách, phải nên trung-tín với nàng, phải gắng sức cho khi trở về, lại xứng-đáng với nàng hơn nữa. Phải cố làm nên công-nghiệp to-lớn, cho nàng phải quí-chuộng, mà cho làm vang-vẻ lấy được ngươi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Cho được giúp quân-vương, cho được lấy Chi-miên, truyền tôi công-nghiệp chi, mà sức tôi chẳng làm nổi! Tuy xa-cách nàng phải xông-pha đến thế nào, được trong lòng còn hi-vọng cũng là hân-hạnh quá.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Cứ trông cậy ở tài-cán ngươi, trông mong ở lời hứa ta. Nay ngươi đã được lòng tình-nhân, còn chút danh-dự nữa chưa êm, cứ để cho ngày giờ thu-xếp, mà cậy ở tài ngươi, mong ở ta giúp.

Hết

HẠN-MẠN DU-KÝ (1)

汗漫遊記

(Lời ký của một người đi chơi phiếm)

II

Muốn kể những thú lịch-du nước Nhật, trước nên lược-thuật lịch-sử Nhật-bản để độc-giả nghe qua.

Quốc-danh Nhật-bản. — Nhật-bản ở về phía đông châu Á. Tàu đi từ Thượng-hải ước 2 ngày thì đến Trường-kỳ 長崎 (Nagasaki) về phía Nam Nhật-bản. Trong nước có nhiều cây phù-tang, cho nên cũng gọi là nước Phù-tang; lại có tên gọi là nước Đại-Hòa.

Hình-thế Nhật-bản. — Nhật-bản có nhiều hải-đảo, hình-thế giống như nước Anh, cho nên người ta cũng gọi là đảo-quốc. Người Trung-quốc gọi Nhật-bản là Đông-dương.

Thổ-địa. — Thổ-địa Nhật-bản từ trước cũng bằng nước ta. Sau duyệt Lưu-cầu, chiếm Đài-loan, hợp cả Tam-Hàn (Cao-ly) mới thành ra một nước lớn.

Nhân-số. — Năm Minh-trị thứ 29, nhân-số Nhật-bản có 25 triệu người. Đến nay sinh-tụ thật mau, gần có 50 triệu.

Lịch-sử. — Nhật-bản lập-quốc từ trước kỷ-nguyên 600 năm, đến nay đã hơn 2570 năm. Vua đầu Nhật-bản là Thần-vũ Thiên-hoàng, đóng đô ở Cương-nguyên, gọi nước là Đại-Hòa; sau thiên-đô ra Nại-lương, đến đời Minh-trị được 122 đời. Hoàng-thống một giòng, không hề thay đổi. Năm Minh-trị thứ nhất, thiên-đô ra Giang-hộ 江戶 gọi là Đông-kinh, tức là kinh-đô bấy giờ.

Cứ lịch-sử Nhật-bản có chia ra các thời-đại như sau này:

1° Cương-nguyên thời-đại 橿原. Từ Thần-vũ Thiên-hoàng cho đến đời thứ 42, định đô ở Cương-nguyên.

2° Nai-lương thời-đại 奈良. Từ đời thứ 43 vua Nguyên-Minh Thiên-hoàng cho đến đời thứ 49, định đô ở Nại-lương.

3° Kinh-đô thời-đại, 京都. Từ đời thứ 50 cho đến đời thứ 121, định đô ở Kinh-đô.

4° Đông-kinh thời-đại 東京. Từ đời vua Minh-trị Thiên-hoàng năm đầu cho đến ngày này, đóng đô ở Đông-kinh.

Trong Kinh-đô thời-đại lại chia ra làm sáu thời-kỳ:

1° Thời-kỳ họ Đằng-nguyên 藤原 chuyên-chính.

2° Thời-kỳ Bình-thị 平氏 Nguyên-thị 源氏 chuyên-chính.

3° Thời-kỳ họ Liêm-sương 鎌倉, họ Bắc-điều 北條 chuyên-chính.

4° Thời-kỳ Nam-Bắc phân-li.

5° Thời-kỳ Nam-Bắc hợp-nhất.

6° Thời-kỳ Mạc-phủ chuyên-quyền.

Không kể những thời-đại trước, lược kể từ đời Mạc-phủ cho đến thời-

(1) Tiếp theo kỳ trước, N. P. số 38, trang 134-144.

đại Duy-tân. Mạc-phủ thời-đại là bao nhiêu chính-quyền trong nước Nhật-bản đều về tay họ Đức-xuyên 德川. Bắt đầu từ năm Gia-khánh trong khoảng 300 năm, Thiên-Hoàng chỉ giữ hư-vị. Đức-Xuyên trị nước giữ cái chủ-nghĩa « tỏa-cảng » nghĩa là trừ nước Hà-lan và Trung-quốc, nhất-thiết không giao-thông với một nước nào. Năm Hoàng-hóa thứ nhất, tầu binh nước Hà-lan đến Trường-kỳ, đưa quốc-thư nói tình-hình các nước Âu-châu, xin Nhật Hoàng cho vào thông-thương các cửa bể. Mạc-phủ không cho, lấy nê là giữ phép tổ-tôn không có thể mà thay đổi được. Đến đời vua Hiếu-Minh nhân việc Mạc-phủ cho thủy-sư nước Mỹ vào cửa Hạ-điền 下田 (1) và nhân ngoại-giao thất-bại với Anh Pháp, bấy giờ chí-sĩ trong nước đều trách Mạc-phủ chuyên-quyền để nhục cho nước, mới xướng ra cái nghĩa « tôn-vương nhương-di ». Sau lại nhân việc hạ ngục những người về đảng An-chính (2), người trong nước càng tức-giận, mới khởi quân đánh Mạc, giết quan Đại-lão, phá nhà Sứ-quán, hại người ngoại-quốc, giết triều-thần, chốn Cấm-đình đã diễn nên một trường lưu-huyết.

Đức-xuyên Khánh-hỉ 慶喜 nhân chạy vào Giang-hộ, thấy tình-thế bối-rối nguy-cấp, hội các Phiên-thần ở Nhị-điều-thành 二條城, theo lời khuyến của ông An-phòng 安房, mà trả quyền chính cho triều-đình, cho yên việc nước. Bấy giờ có nhiều phiên không đồng-ý, nhờ có 3 phiên : Tát-ma 薩摩, Tràng-môn 長門 và Thổ-tá 土佐 hết sức tán-thành, Khánh-hỉ mới quyết-ý từ-chức Tướng-quân. Một mặt gửi thư cho các Đảo phải nghênh-tiếp vương-sư, hết lòng bảo-hộ Hoàng-thất, một mặt sai ông An-phòng đi đón Tây-Hương-Long-thịnh 西鄉隆盛 vào Giang-hộ, nộp hết thành-trì. Từ bấy giờ trong nước lại yên. Vua Minh-trị cầm quyền chính cả nước, mà tạo nên cái sự-nghiệp duy-tân từ đó.

Đức-xuyên Khánh-hỉ thực là một nhà ái-quốc, một người nghĩa-hiệp. Đang lúc ngoại-hoạn nguy-cấp mà hết lòng vị nước, không kể đến quyền-lợi mình là gì; đem chính-quyền trong tay trả lại cho triều-đình, yên được lòng người, vững được gốc nước, chuyển nguy ra yên, chuyển loạn ra trị, thực đã có công lớn với Nhật-bản. Tuy-nhiên, lúc Đức-xuyên chuyên-quyền, cũng có một cái chủ-nghĩa chính-đáng : Thiên-Hoàng vì như Thiên-thần phải để ra ngoài xã-hội, không giao-thiệp với nhân-dân, mới là tôn-kính. Còn Mạc-phủ thay mặt Thiên-Hoàng mà trị dân, thì nhân-dân phải tôn-sùng Mạc-phủ. Vậy chuyên-quyền là bởi lòng vị nước mà không phải vì tham lộc tham quyền ; cho nên lúc qui-chính cho triều-đình mới được quả-quyết như vậy.

Mạc-phủ đã lui, vương-chính đã lập, mà cả nước còn mơ-mơ màng-màng, chưa định Quốc-thị ra làm sao. Minh-trị năm đầu, Thiên-Hoàng ngự đến Tử-cực 紫極 đối với thiên-địa

(1) Trước Mạc phủ đã định 14 khoảng thông-thương với Anh, Pháp, sau lại hạ lệnh cấm cảng đi cho Anh, Pháp có lời trách. Sau lại vì việc Trường-phiên Mao-lợi 長藩毛利 bắn thuyền ngoại-quốc để cho Hà, Mỹ, Anh, Pháp 4 nước hợp sức đánh lại, bắt Nhật-bản phải đền binh-phí đến 300 vạn đồng bạc.

(2) Đời vua Hiếu-minh có mật-chỉ cho Thủy-hộ-phiên là Tề-chiêu 水戶藩齊昭 chủ việc chống lại những nước ngoài. Quan Đại-lão là Trực-bật 直弼 xét được, cho là phiên-sĩ giúp Triều-đình mà phá Mạc-phủ, bèn bắt Tề-chiêu, giết người đồng-đảng, bỏ tù các quan triều, thiên-hạ oan ức gọi là ngục « An-chính ». 安政

thần-kỳ cùng các quan trăm họ phát-thệ tuyên-bố 5 việc như sau này :

1º Là lập các hội-nghị để đem mọi việc ra công-luận.

2º Trên dưới một lòng để sửa sang mọi việc.

3º Từ các quan văn võ cho đến thứ-dân đều được tỏ cái chí-nguyện.

4º Bao nhiêu thói lậu xưa nay phải bỏ cho hết, cứ lấy công-đạo làm chuẩn.

5º Cầu tri-thức trong cả thế-giới, để cơ-đồ đế-quốc chấn-khởi thêm lên.

Những công việc cải-cách lớn-lao bấy giờ là: 1º Thiên-đô ra Đông-kinh ; 2º Bỏ phép Phong-kiến ; 3º Đổi phiên-trấn ra làm quận-huyện ; 4º Đổi phục-sức ; 5º Bãi lễ bái-qui : 6º Cầu lời nói thẳng ; 7º Cổ-vũ dư-luận. — Sự-nghiệp duy-tân mới trong 2, 3 năm mà chính-trị đã thấy dễ coi lắm.

Việc tranh-chiến ở Tây Nam. — Năm Minh-trị thứ 4 thứ 5, mọi việc đã gần chỉnh-đốn ; nhân việc đánh nước Triều-tiên mà trong triều nghị luận sinh ra hai phái : Tây-hương-Long-thịnh và Hậu-đằng-tượng-Thứ-lang 後藤象次郎 về phái chủ-chiến ; Đại-ôi Trùng-tín 大隈重信 và Y-đằng Bác-văn 伊藤博文 về phái chủ-hòa. Cứ tranh-trì nhau mãi, rút cục phái chủ-hòa được, mà phái chủ-chiến phải từ-chức cả. Vì đó mới khích ra việc tranh-chiến ở Tây Nam. Năm Minh-trị thứ 10, Tây-hương Long-thịnh khởi quân ở cù-lao Lộc nhi 鹿兒. Thế mạnh lắm, Thiên-Hoàng phải quân cả nước đi tiễu trong 8 tháng mới dẹp được. Ấy là một việc đại-biến sau lúc duy-tân của Nhật-bản.

Xét việc Tây-hương Long-thịnh khởi loạn, dù là việc kháng-mệnh với triều-đình, song cũng nhờ có loạn ấy, mà xã-hội càng đoàn-kết, dân-trí càng khai-thông, càng thúc-giục nước-nhà lên đường tiến-bộ. Vì thế, đến ngày ban-bố lập-hiến (năm thứ 23) Minh-trị Thiên-Hoàng cho ông rửa tội-danh được khai-phục lại chức cũ. Nay vào công-viên Thượng-dã 上野 thấy tượng đồng nguy-nga, thì đủ thấy tấm lòng sùng-ái anh-hùng của người Nhật-bản.

Hãy đọc câu thơ của Tây-hương Long-thịnh như sau này, thì biết con người có chí-khí : 大聲呼酒上高樓. 雄氣欲吞五大洲. 一片丹心三尺劍, 揮拳先斬佞臣頭. (Dịch nôm là : *Năm châu ngon lắm ở bay ! Rượu dâu, theo mỗ đem ngay lên lầu. Lòng son ba thước lưu-cầu, ra tay trước hãy lấy đầu thằng gian).*

Nhật-bản đổi ra chánh-thể lập-hiến. — Khi tây-nam tranh-chiến đã yên, tức là lúc dự-bị lập-hiến. Từ năm Minh-trị thứ 7, Phó-đảo-chủng-thần 副島種臣 và Bản-viên-thoái-trợ 板垣退助 một bọn 5 người đưa thư xin đặt dân-tuyển nghị-viên. Đến tháng 6 năm ấy, Chánh-phủ muốn đặt địa-phương-quan hội-nghị, mà kẻ thức-giả trong nước bài-bác rằng : Địa-phương-quan không phải là những người dân bầu cử, thì không làm đại-biểu cho dân mà nghị-sự được.

Đến ngày mồng 10 tháng giêng năm thứ 8, Mộc-hộ 木戶, Bản-viên 板垣, Đại-cửu-bảo 大久保, Y-đằng 伊藤 hội-thương ở Đại-bản 大阪, mật-nghị các phương-pháp sau sẽ phải thi-hành thế nào. Nhân gọi là « Đại-bản hội-nghị. » Tháng 3, sai Mộc-hộ điều-tra chính-thể. Tháng 4, đặt Nguyên-lão-viện. Tháng 6 lại mở Địa-phương-quan-hội-nghị. Hôm ấy, Minh-trị Thiên-Hoàng đem cả văn-võ các quan dự-hội. Cho những nhà qui-tộc, quan-lại và bình-dân được dự nghe. Tháng 7, định phép quốc-dân công-cử. Cho mở các nhà báo mới, các hội diễn-

thuyết. Ở Nguyên-lão-viện lại đặt cuộc điều-tra hiến-pháp. Cùng tháng ấy đổi sở tài-phán các phủ huyện ra làm sở tài-phán các địa-phương, để việc tư-pháp có quyền độc-lập.

Năm thứ 10 nhân việc chiến-tranh ở tây-nam, các việc tạm đình, đến năm 11 lại mở hội nghị các địa phương-quan, để nghị những qui-tắc các phủ huyện, qui-tắc về thuế các địa-phương, và phép biên-chế quận 郡, đình, 町 thôn, 村 khu 區, nghị xong đến tháng 7 năm ấy thì tuyên bố. Năm thứ 12, lập hội-đồng các phủ-huyện, chỉ giảng-cầu những phép địa-phương-tự-trị. Tháng 11 năm ấy lập ra hội « Ái-quốc-xã » chỉ phái người đi du-thuyết các nơi, để yêu-cầu chính phủ phải lập nghị-hội; từ bấy giờ mới khởi ra cái phong-trào chính-đảng. Năm thứ 13, những đảng-nhân trong « Ái-quốc-xã » đưa thư cho quan Thái-Chính mà xin mở « Quốc-hội » Vì quan Thái-chính không nhận thư, lại phát sinh ra hội « Đồng-minh » để quyết cầu Quốc-hội cho thành-lập.

Bấy giờ người ta ngôn-luận tự-do quá, Chính-phủ ra sức đè-nén, phải đặt ra luật phỉ-báng, luật tân-văn, qui-tắc về cách ngôn-luận, và điều-lệ việc lập hội. Thế mà cái tư-tưởng về đường chính-trị của quốc-dân ngày càng phát-đạt. Nhân việc các quan ở đạo Bắc-Hải 北海道 bán đồ đấu giá của nhà-nước làm trái phép, mà quốc-dân chê trách chính-phủ rằng « cương-phúc-tự-dụng. » Ngày tháng 7 năm Minh-trị thứ 14, Thiên-Hoàng đi tuần-du về đến bộ Đông-bắc, giọc đường đã nghe ỏi tai những lời dư-luận. Lúc ngự về liền mở điện-tiền-hội-nghị. Thu lại ngay cái chỉ-dụ về việc bán đồ đấu-giá ở đạo Bắc-Hải.

Ngày 12 tháng 10 xuống chỉ-dụ hẹn đến năm Minh-trị thứ 23 là kỳ khai quốc-hội. Tháng 3 năm thứ 15, Y-đằng-Bác-văn đi lịch-du Âu-Mỹ, để điều-tra những hiến-pháp của các nước. Năm 16 Y-đằng thảo trình bản Hiến-pháp. Năm 18, đổi quan-chế ở trong triều-đình, đặt tên quan ở các tỉnh. Lấy quan Tổng-lí-đại-thần làm đầu Nội-các. Y-đằng Bác-văn làm tổng-lí Nội-các lần thứ nhất.

Năm thứ 21 đặt viện Khu-mật là những quan cố-vấn của Thiên-Hoàng. Đến ngày 11 tháng 2, năm thứ 23 ban-bố hiến-pháp cho thiên-hạ, mà chính Lập-hiến của Nhật-bản mới vững chắc từ đó.

Khi Nhật-bản đã ban-bố hiến-pháp rồi, trên từ Thiên-Hoàng dưới cho đến thứ-dân đều cùng lòng cùng sức mưu cho việc nước được tiến-bộ. Lòng người đã bền, tài-lực đã đủ, lại mong khoáng-trương ra bên ngoài. Bấy giờ thực-hành cái chính-sách đánh Triều-tiên, mà trước đã bài-bác của Tây-hương Long-thịnh. Năm Minh-trị thứ 27, 28, nhân việc Triều-tiên mà khai-chiến với Trung-quốc, chiếm được đất Đài-Loan (Formose). Mười năm nữa, đến năm thứ 37 38, lại khai-chiến với Nga mà tranh được đất tô-giới của Nga ở Liêu-đông-bán-đảo 遼東半島, được con đường thiết-lộ từ Trường-xuân 長春 về phía Nam, lại chiếm nửa cái cù-lao Hoa-Thái 樺太, cầm quyền tôn-chủ cả nước Triều-tiên.[1] Từ đấy oai nước lừng-lẫy, trở nên một nước cường - thịnh thứ nhất ở trong thế-giới.

Xem lịch-sử Duy-tân của Nhật-bản, thì thấy cái cơ tiến-bộ mạnh là dường nào! Được như thế, cũng là vì có Minh-trị Thiên-Hoàng biết người khéo dùng và thần-dân trong nước đều hết lòng vì nước. Đương lúc Mạc-phủ chuyên-quyền, triều-đình đối với

(1) Thái-chính là quan Thủ-tướng.

ngoại-quốc chỉ dụng một cái chính-sách tỏa-cảng. Có Ông Y-đẳng Bác-văn, ông Tỉnh-thượng-hình khi đi học ngoại-quốc cũng phải trốn-tránh khó lòng; người thì giả làm con hầu bám vào lái thuyền, người thì phải trốn xuống sạp thuyền mà xuất-dương. Khi về nước cũng được chính-phủ tin dụng mà hiến được cái tài mình ra. Lúc Thiên-Hoàng đã cầm quyền-chính, bao nhiêu tân-nhân-vật đều có thể vị nước lập công để tạo-phúc cho đồng-bào. Còn nhân-dân trong nước, dù đảng-phái khác nhau, nghị-luận khác nhau, mà đều lấy nước làm mục-đích. Kẻ xướng chủ-nghĩa này, người giữ chủ-nghĩa khác, cũng đều một lòng yêu nước. Kẻ có quyền-lực không lấy lộc-vị làm tự-tư; kẻ không có quyền-lực cũng không nhân ghen-ghét mà vọng-động; cho nên trên dưới một lòng, nước nhà cường-thịnh, thực là đáng lắm.

Thời-kỳ phá-hoại của Nhật-bản. — Phàm nước nào đang lúc đổi cũ thay mới, thì phong-tục lễ-nghĩa trong nước đều có cái phong-cảnh khốn-nạn. Như Nhật-bản lúc mới duy-tân, lòng người nô-nức về Âu-hóa. Việc chính-trị của chính-phủ như: việc ngoại-giao, việc quân-đội, nhất-thiết là bắt-chước Âu Mỹ đã đành, còn hình-trạng trong xã-hội, cũng vì lòng người hi-tân yếm-cựu mà muốn thay đổi đi hồ hết. Đầy đường những bọn húi đầu mặc đồ tây; thấy ai còn búi tóc còn đeo gươm thì chế-báng là phường thủ-cựu. Nhất là đảng thiếu-niên mới học chữ tây, mới hiểu tiếng tây, tự lấy mình là bậc thượng-lưu tri-thức trong nước, hễ thấy người hán-học thì bỉ là hủ-nho. Chẳng bao lâu những bậc lão-thành tiên-tiến cũng xô nhau vào Âu-phong cả. Người thì xướng ra cái nghĩa « nam-nữ bình-quyền »; người thì xướng ra cái nghĩa « kết-hôn tự-do »; có người quyền-quí cũng lấy con hát về làm phu-nhân; những lúc yến-hội cũng hợp đàn ông đàn bà lại mà bắt chước theo tục nhảy múa. Càn-dỡ đến nỗi văn-tự ngôn-ngữ là côn-cán trong nước mà cũng toan ruồng bỏ đi cho hết như Sầm-hữu-lễ 森有禮, Thượng-thư Bộ-Học dám đề-xướng ra cái nghị « lấy chữ Anh làm quốc-văn ». Còn đến việc cải-lương hí-kịch, phá-hủy đình chùa, tự lấy mình làm duy-tân, không cố-kỵ gì đến phải trái. Đến nỗi lễ-nghĩa bại-hoại, phong-hóa lăng-đi, đang đời văn-minh mà thành ra hắc-ám địa-ngục.

May mà người Nhật-bản cũng sớm biết nghĩ lại, vừa qua cái thời-kỳ « xu-hướng tân-tráo » thời lại đến ngay cái thời-kỳ « bảo-tồn quốc-túy », lại thấy có nơi mở trường Quốc-học, Hán-học; lại thấy có nơi tu-bổ thần-từ phật-tự. Nhân thế mà cái tinh-thần lập-quốc của Nhật-bản không đến nỗi tuyệt-duyệt. Tuy-nhiên, hết mọi sự ở đời không kinh qua một lần phá-hoại thì không có một ngày kiến-thiết. Những tình-trạng phá-hoại của Nhật-bản, thực là cái cơ-quan để thúc-giục sự-nghiệp kiến-thiết sau này.

Học-vấn Nhật-bản. — Ngày nay người ta đi lịch-du trong thành-đô Nhật-bản, thấy học-đường san-sát, thật là một xứ văn-vật. Kể hàng nghìn hàng vạn người học-sinh Trung-quốc cũng nhờ đó mà luyện-tập thành tài. Mỗi buổi chiều bóng xế thấy những học-sinh kéo hàng kết bọn, vui vẻ chơi bời, đều là những bọn thiếu-niên tài-tuấn, phong-lưu nho-nhã, mà lại nghĩ đến mình: mình cũng là một người đồng-văn đồng-hóa, sao người ta hớn-hở như hoa tươi, mà mình tiêu-điều như lá rụng? Nếu đem lòng so-sánh chẳng càng hổ-thẹn lắm ru?

Xét hán-học ở Trung-quốc truyền sang Nhân-bản từ đời Tùy Đường, xem hình-thức cung-điện ở Tây-kinh đều theo kiểu-mẫu nhà Đường, thì biết

Nhật-bản tiếp lấy văn-minh của Trung-quốc từ đấy. Trước Nhật-bản có phái học-sinh sang Trung-quốc mà học Phật-giáo, thì Nho-giáo cũng từ đó mà truyền sang. Vậy biết Nho-giáo của Trung-quốc thực nhân Phật-giáo mà truyền-bá sang các nước, đã chứng ở Nhật-bản, lại chứng ở nước ta, không còn hồ-nghi nữa.

Hán-học truyền sang Nhật-bản đã có lắm người danh-nho như bọn An-bộ (安部)[1], Đằng-nguyên (藤原). So với hán-học nước ta thì họ có 2 điều ưu-điểm: 1° là người Nhật-bản phát-minh nghĩa-lý hán-học mà không phải hán-học bó buộc. Từ kỷ-nguyên Thần-võ 2300 (cách nay 300 năm) hán-học đã thịnh-hành trong nước, có phái « Chu-tử-học » 朱子學 do Mạc-phủ chủ-trương gọi là chính-thống ; có phái « Dương-minh-học » 陽明學 chủ-trương là những bọn ông Trung-giang 中江, Đằng-thụ 藤樹, Hùng-trạch 熊澤, Phiên-sơn 蕃山, cùng bọn ông Y-đằng 伊藤 Nhân-trai 仁齋, Địch-sinh 荻生, Tô-lai 徂徠 ; mà ông Tô-lai lại riêng ra một phái nữa, biệt thành một môn-hộ, xướng-minh nghĩa cổ-học. Lại còn phái « Quốc-học » là phái học thần-giáo của Nhật-bản. Đang thời Đức-xuyên có ông Sơn-kỳ Ám-trai 山崎闇齋 cũng về phái « Chu-tử học », mà vẫn trọng Quốc-học, có đặt ra câu hỏi học-trò rằng : « Nếu ngày nay Khổng-Mạnh hãy còn, phụng-mệnh Thiên-tử Trung-quốc đem quân vào nước ta, thì ta cũng lấy tử-lực mà chống lại ». Xem thế thì biết Nhật-bản thụ giáo Khổng-Mạnh mà không thụ trị Trung-quốc. Còn nước ta từ khi có Hán-học truyền sang, thì cam làm tôi-tớ cho Hán-học, thậm chí tôn Trung-quốc làm Thiên-triều, xưng Trung-quốc làm Thượng-quốc. Cái căn-tính những người học-vấn trong nước ta đối với bọn Hán-học của Nhật-bản hơn kém nhau là dường nào ! Vả lại người Nhật-bản theo Hán-học mà không nhiễm phải cái độc khoa-cử ; không kể những nhà đã xướng ra đạo-học, đã phát minh lý-thuyết, còn những nhà từ-chương cũng có vẻ xuất-sắc, không làm những văn vô-dụng như thơ, phú, tình-nghĩa. Hán-văn Nhật-bản có câu ca rằng : « 雲耶山耶呉耶越耶, 水天彷彿青一髮, 萬里泊舟天水津 », thì giọng văn diễm-lệ là dường nào ! Lại lúc Tây-Nam tranh-chiến, có câu ca rằng : « 衣至肝袖至腕, 腰間秋水鐵可斷, 人間斬人馬鬣斬馬, 十八結交健兒社, 北客若來何以酬, 彈凡硝藥爲饋饈, 客若未醫請以寶刀加藥頭. », thì thấy khẳng-khái là dường nào ! Sánh lại văn-chương nước mình mà xem ; đã nhiễm cái học khoa-cử của Trung-quốc, chỉ biết mấy bộ *Phú-tắc*, *Mục-canh*, *Tụy-trân*, *Văn-mặc*, lấy đấy làm kim-khoa ngọc-luật, ngoại-giả không còn gì hơn ; kỳ thay ! cho cái ảnh-hưởng Hán-học ở nước ta !

2° là người Nhật-bản học chữ Hán, biết dùng chữ Hán để mở-mang văn-tự trong nước như mượn chữ Hán mà đặt ra cách chữ « Bình-giả-danh » và « Phiến-giả-danh », sau lại tham với chữ Hán, gọi là chữ Hòa-văn 和文 dù không tiện bằng Âu-văn hay Hán-văn, song dùng quen cũng thành ra một thứ Quốc-văn. Ngày nay những sách trước-thuật bằng chữ Hòa-văn cũng thành một thứ văn-học đặc-biệt. Nước mình có Hán-học đã hơn một nghìn năm, cứ giữ hình-thức chữ Hán, chưa hề có phát-minh ra một thứ văn-tự nào để truyền-bá cho rộng. Dù có chữ nôm, cũng là một thứ chữ « bất-thành-hình », đến bây giờ mới có thứ chữ « Quốc-ngữ » xuất-hiện. Bạn Hán

(1) An-bộ tức là ông Kiều-giam (晁監).

học nước ta trừ ra mấy điều luân-lý, lễ-giáo, thực không phát-minh được cái lý-thuyết gì để giúp nước nhà lên đường tiến-bộ.

Hán-học của Nhật-bản đã khác với nước ta như thế ; đến tây-học lại càng khác hơn. Âu-học sang Nhật-bản bắt đầu từ khoa Y-học trước. Từ đời Đức-xuyên gọi là « Lan-học phái » (1) Đến năm Thần-võ thứ 2007, mới có người học chữ Anh ; năm 2026, mới sai người lưu-học nước Anh cho đến ngày nay trong nước từ bậc trung-lưu trở lên, ai cũng phải kiêm-thông một thứ tiếng ngoại-quốc ; nhất là chữ Anh thì nhiều hơn. Xét ra người Nhật vì tri-thức loài người mà phải học chữ Âu, còn người nước ta là vì việc sinh-hoạt từng người mà phải học chữ tây, mục-đích khác nhau cho nên kết-quả cũng khác.

Người Nhật học chữ Âu chuyên về khảo-cứu và quan-sát. Những người lưu-học các nước đều chọn chuyên-môn mà học ; tốt-nghiệp về truyền bố cho người trong nước. Còn kẻ học trường trong nước. cũng chỉ chuyên về « thực-nghiệp » không những là học tiếng. Xưa ông Phúc-trạch-dụ-cát 福澤諭吉 là người Nhật-bản học chữ Anh đầu tiên cả, đi thuyền gỗ sang châu Mỹ, học tiếng Anh với một người Quảng-đông. Dịch sách chữ tây, về nước lập ra trường « Khánh-ứng-nghĩa-hiệu 慶應義校 thực có công lớn trong việc duy-tân. Sau bao nhiêu nghề nghiệp nông, cổng, thương-cổ cùng các nghề khác, cũng là nhờ sự học tiếng ngoại-quốc.

Một hôm tôi có bút-đàm với một người học-sĩ Nhật, nói chuyện Âu-học. Người ấy nói rằng ; « Học chữ ngoại-quốc, trước phải định mục-đích cho vững. Tự hỏi mình nhân sao mà mình phải học chữ ngoại-quốc? học rồi thì sẽ có cái ích-lợi gì ? Trước tôi đi học chữ Anh cũng vậy. Vì không có Anh-văn thì không đủ tri-thức và thực-học. Tôi muốn đem tri-thức và thực-học truyền-bá cho người trong nước tôi thì tôi phải mượn chữ Anh làm giới-thiệu. Văn-tự chỉ là cái khu-xác bên ngoài, nếu không học cho đến tinh-thần, dù có văn-tự cũng là vô-ích.» Ôi! lời học-sĩ nói thực là biết các phương-pháp học chữ ngoại-quốc vậy. Nước Nhật-bản ngày nay thật là một nước Âu-hóa ; chính-trị, pháp-luật, giáo-dục, đều in như Âu Mỹ. Nếu không học ngoại-quốc sao được như thế. Nay hãy xem 3 điều trọng-yếu chính-trị, pháp-luật và giáo-dục của Nhật-bản tổ-chức như sau này.

Chính-trị nước Nhật-bản. — Sau lúc duy-tân, chính-thể Nhật-bản đổi chuyên-chế ra làm Lập-hiến. Việc chính-trị chia ra làm « Địa-phương tự-trị », và « Trung-ương chính-phủ », Địa-phương tự-trị là thi-hành những việc trong các địa-phương ; Trung-ương chính-phủ thời thi-hành những việc lớn trong toàn-quốc.

Nay nói về chế-độ địa-phương : Nhật-bản chia nước ra làm 3 phủ Đông-kinh, Kinh-đô, và Đại-bản, 43 huyện. Phủ-huyện lại chia ra quận và thị, nhỏ hơn quận mà đông dân cư gọi là thị, quận, thị, lại chia ra đinh và thôn (đinh là chỗ ở những dân công-thương, thôn là chỗ ở những dân làm ruộng). Phủ-huyện có đặt quan Tri-sự do chính-phủ mệnh-lệnh, Quận, Thị, Đinh, Thôn đều đặt trưởng do địa-phương công cử. Thị phải lệ-thuộc về phủ-huyện, mà quyền cai-trị cũng như Đinh, Thôn. Cho nên Phủ, Huyện và Quận gọi là « Bán-tự-trị ». Thị, Đinh, Thôn gọi là « Toàn-tự-trị ». Trong các

(1) Người Nhật khi đầu học thuốc của Hà-lan.

thị - trưởng, có đặt một người làm Đô-chế để thống-hạt cả các Thị. Chính quyền thì ở trên các quan Trị - sự. (Lương-bổng quan Trị-sự đồng niên chỉ đến 4000 đồng là cùng. Lương-bổng Thị-trưởng có người đồng niên đến 5000 đồng). Bắc-hải-đạo và Xung-thằng-huyện 沖繩縣 (1) là đất thực-dân không có quyền tự-trị. Đài-loan đất lãnh-thổ mới, quyền quản-trị giao cho một quan Tổng-đốc, Nhật-Hoàng không chế-hạn đến.

Tóm lại xem biểu như sau này :

1° Phủ — Huyện — Quận — Thị Đình — Thôn.

2° Bắc-hải đạo.

3° Xung-thằng huyện.

4° Đài-loan phủ.

Nay nói về trung-ương chính-phủ.

Trung-ương chính-phủ chia ra 2 bộ-phận : lập-pháp và hành - pháp. Trong bộ hành - pháp lại chia ra bộ Hành-chính và bộ Tư-pháp. Xem biểu sau này :

Trung-ương chính-phủ { Lập-pháp bộ / Hành-pháp bộ { Hành-chính / Tư-pháp.

Xưa ông Mạnh-đức-tư-cưu có xướng ra cái nghĩa « tam-quyền đỉnh lập ». (Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp) Song kinh-phí về bộ Tư-pháp cũng do Quốc-hội nghị - định, thì Tư - pháp không thoát-ly được quyền lập-pháp, vậy nghĩa « tam-quyền » không thích-hợp ở thời này, cho nên chính-trị Nhật-bản xu-hướng cái nghĩa « lưỡng-quyền tịnh-lập. »

Nhật - Hoàng là nguyên - thủ một nước, có quyền thống-trị. Khi có lập một pháp-luật gì, Đại-thần các bộ tâu lên Nhật - Hoàng. Nhật - Hoàng định khai Quốc-hội mà nghị. (Quốc-hội là hợp cả Qui-tộc-viện và Chúng-nghị viện). Nghị rồi tâu lên Nhật-Hoàng, ấy là lập-pháp. Nhật-hoàng ưng chuẩn mới bố - cáo cho các bộ. Các bộ phụng chỉ thi-hành, ấy là Hành-pháp. Còn viện Khu-mật và viện Nguyên-lão là những cơ-quan cố-vấn của Thiên-Hoàng ; Bộ Tham-mưu thuộc ngay với Thiên - Hoàng, chuyên mưu những việc trị an trong nước. Viện Kiểm-tra để xem xét các việc làm của các bộ. Bộ Cung-nội để giữ việc Hoàng-thất. Tóm lại như cái biểu sau này :

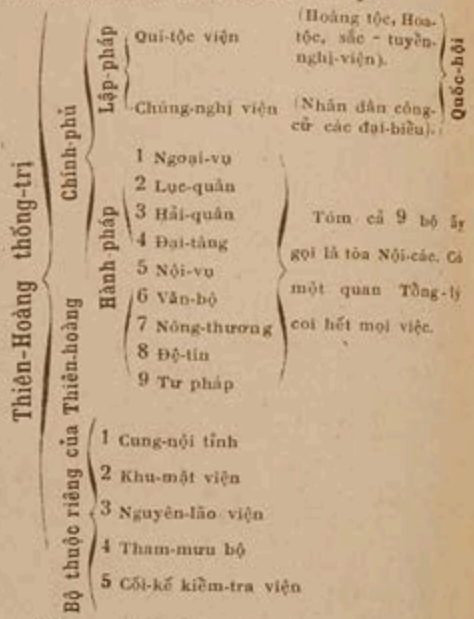

Quan-chế thì chia ra 4 hạng khác nhau : 1° là chức quan « Thân-nhậm », là quan tự Nhật-Hoàng ban tước vị cho; 2° là quan « Sắc-nhậm », có sắc-dụ cho ra làm quan ; 3° là quan « Tấu-nhậm », Đại-thần các bộ tâu xin cho ra làm quan ; 4° là quan « Phán nhậm », các trưởng-quan cử những hàng liêu-thuộc ra làm quan. Tóm lại xem biểu như sau này :

1° Thân-nhậm ;

2° Sắc-nhậm nhất nhị đẳng ;

(1) Xung-thằng huyện là đất nước Lưu-cầu, Nhất lấy rồi đổi ra thành một huyện.

3º Tấu-nhậm : 3, 4, 5, 6, 7, 8, đẳng ;

4º Phán-nhậm : 1, 2, 3, 4, 5, đẳng.

Tài-chính trong nước chia ra làm 3 ngạch : Quốc - thuế, Địa-phương thuế và Thị, Đinh, Thôn phí.

1º Quốc-thuế là ngạch thuế do quốc-hội định hết mọi người trong nước phải nộp để chi-tiêu về việc trong toàn-quốc.

2º Địa-phương-thuế là ngạch thuế do hội-viên các phủ huyện định dân trong phủ huyện phải nộp để chi-tiêu các việc trong địa-phương.

3º Thị, Đinh, Thôn phí là ngạch thuế do các thị, đinh, thôn công - đồng thương-nghị thu tiền kinh-phí để chi những việc trong Thị, Đinh, Thôn.

Pháp-luật nước Nhật-bản. — Từ thuở Duy-tân về trước chưa phân thế nào là dân-luật và hình luật ; chỉ chiều theo 100 chương « Ước-pháp » của họ Đức-xuyên làm pháp-luật nhất-định. Cách thẩm án, nặng nhẹ cứ nhờ tay mấy người ngục-lại, quen theo câu học-thuyết rằng: « cho dân theo không nên cho dân biết » mà trong nước vô-luận quan hay dân, không có một người nào là thông-hiểu pháp-luật. Có người nào hay thóc-mách việc luật thì người ta khinh-bỉ gọi là « Công-sự-sư 公事師 » cũng như người nước ta gọi lũ thày kiện, vưỡn là bọn toa-tụng.

Minh-trị năm đầu, dù có cải-định ít nhiều, chẳng qua bắt chước những phép của triều Minh Thanh ở Trung-quốc. Đến năm Minh-trị thứ 5, ông Giang-đằng Tân-bình (江藤新平) làm quan Tư-pháp, mới tham-dụng luật Thái-Tây, mà bỏ mấy cái ngược-hình cũ đi, như: đè-đá, bêu-đầu v. . . v. . . Đặt sở Minh-pháp, đón luật-sư nước Pháp về dạy người Nhật-bản học luật. Năm thứ 13, bắt chước pháp-điển của Nã-phá - luân nước Pháp, thảo ra hình-pháp, trị-tội-pháp. Năm thứ 18, ông Sơn-điền Hiền-nghĩa (山田顯義) làm quan Tư - pháp, mới đem luật - sư nước Pháp biên-tập ra Dân - pháp, Thương-pháp, và Tài-phán - pháp. Lại dùng luật - sư nước Đức biên - tập Thương-luật.

Mãi đến năm 23, các pháp - điển đã hoàn-thành, mới bố-cáo cho dân cả thầy có 6 phép : 1º Dân-pháp, 2º Thương-pháp, 3º Dân-sự tố-tụng-pháp, 4º Hình-sự-tố-tụng - pháp, 5º Hình-pháp, 6º Tài-phán pháp.

Từ bấy giờ quyền Tư-pháp mới được độc-lập, không lẫn với quyền hành-chính.

Trong quyền tư-pháp có chia ra làm: sở tài-phán các khu, Sở tài-phán các địa-phương, viện Khống-tố và viện Đại-thẩm. Sở tài-phán các khu thì có quan Phán-sự. Sở tài-phán địa-phương thì có quan Tài-phán-trưởng. Các viện Khống-tố có quan Viện-trưởng. Viện Đại-thẩm cũng có quan Viện-trưởng. Mỗi sở Tài-phán còn có những chức-sự khác như : Kiểm-sự, Chấp-đạt-lại, Đình-đinh.

Nhân từ xưa lấy kẻ làm Công-sự-sư là hèn, đến ngày Duy-tân, muốn có người học pháp-luật ra làm nghề thày-kiện thì ít lắm. Năm Minh-trị thứ 9, mới đổi tên thày-kiện là « Đại-ngôn-nhân », có đặt ra « Đại-ngôn-nhân Qui-tắc ». Từ năm thứ 12 trở đi, mỗi năm một lần thi, có cấp văn-bằng, Đến nay cải danh là « Biện-hộ-sĩ » Từ bấy giờ kẻ ra làm Biện-hộ thật nhiều.

Việc giáo-dục của Nhật-bản. — Lúc Nhật-bản duy-tân, có ban-hành phép học. Trước còn trọng về Phổ-thông giáo-dục; sau giảng-cầu đến Cao-đẳng giáo-dục, và chuyên-môn-đại-học.

Trước học bằng chữ Nhật-bản, sau phải dùng chữ ngoại-quốc. Vì những danh-nghĩa các khoa tân-học không lấy chữ Nhật-bản mà dịch cho hết được.

Thuộc về quốc-dân giáo-dục dùng phép cưỡng-bách : con trẻ lên 6 tuổi, vô-luận trai hay gái phải cho vào trường Ấu-học. Song con trẻ còn nhỏ mà cho ra học ngoài, khác gì như ép trẻ còn bú phải ăn thịt, thế tất không tiêu-hóa được. Bấy giờ lại đặt ra « Ấu-trĩ-viên » để dạy những con trẻ chưa vào Ấu-học được.

Tiểu-học Nhật-bản chia ra làm 2 ban: từ ban tầm-thường đến ban cao-đẳng. Con trai con gái trong nước từ 6 tuổi trở lên phải vào học ban tầm-thường, tiểu-học thì 4, 5 năm tốt-nghiệp, vào lớp Cao-đẳng tiểu-học học từ 2 năm đến 4 năm tốt-nghiệp. Ấy là sơ-đẳng phổ-thông.

2o Trung-học. — Trung-học 5 năm tốt nghiệp. Lấy những học-trò có bằng tiểu-học vào học. Mục-đích giáo-dục cũng như tiểu-học, chỉ để dưỡng-thành nhân-cách cho học trò, chưa thiệp-liệp đến chức-nghiệp. Ấy là Cao-đẳng phổ-thông.

3 Cao-đẳng nữ-học. — Trường Cao-đẳng nữ-học 4 năm tốt nghiệp (tùy xứ ở mà được thêm bớt một năm). Trình-độ bằng lớp Trung-học con trai, cho con gái có bằng Cao-đẳng tiểu-học vào học.

4 Cao-đẳng học-hiệu. — Cao-đẳng học hiệu 3 năm tốt nghiệp. Lấy những học-trò có bằng trung-học, để dự bị vào trường Đại-học.

5 Trường Đại-học. — Đại-học 3 năm hoặc 4 năm tốt nghiệp, chuyên dạy các khoa chuyên-môn.

Con trẻ từ năm 6 tuổi vào học cho đến ngày thành công hết 18 hay 19 năm. Giai-cấp học-hiệu như sau này :

1o Tiểu học, 2o Trung học, 3o Cao-đẳng, 4o Đại-học.

6 Ấu-trĩ-viên. — Ấu-trĩ-viên gọi là « viên » khác với học-hiệu, song cũng ở trong các học-đường. Cho con trẻ 3 tuổi vào học, đại-ý để dưỡng-thành tâm-ý trí-thức cho con trẻ, để làm cơ-sở giáo-dục về sau. Không cần dạy học dạy viết, chỉ dạy chơi đùa cho chính-đáng, dạy hát cho con trẻ kiến-văn cử-động đều có quan-cảm, như thế gọi là bảo-dục, chưa phải là giáo-dục. Nhân cận tiếp với cái niên-hạn tiểu-học, cho nên cũng phụ vào tiểu-học, thuộc về Văn-bộ quản-hạt.

7 Chuyên-môn học-hiệu. — Trình-độ các trường chuyên-môn không cao bằng trường Đại-học. Vì chủng loại về các chức-nghiệp nhiều lắm, trường Đại-học không có thể nghiên-cứu cho tinh. Trình-độ giáo-dục của chuyên-môn-học bằng trường trung-học. Học-trò phải có sơ-đẳng giáo-dục mới được vào.

Tại Đông-kinh có trường Mỹ-thuật (dạy vẽ tranh, họa đồ, chạm-trổ, học-sinh 16, 17 tuổi vào học, 3 năm tốt-nghiệp) ; Trường Âm-nhạc, (chia ra 3 bộ : thanh-nhạc, khí-nhạc và ca-nhạc học trò 16, 17 tuổi vào học. Ở ban dự-bị 1 năm, bản-ban 3 năm, nghiên-cứu lại một năm, cả thảy 5 năm tốt-nghiệp). Trường học tiếng ngoại-quốc (chia làm 8 khoa : Trung-quốc, Triều-tiên, Anh, Nga, Pháp, Đức, Ý, Tây-ban-Nha. 16, 17 tuổi vào học, trước học chữ quốc-ngữ, sau tiếng ngoại-quốc, 3 năm tốt-nghiệp, dự-bị lấy người đi xuất-sứ). Trường Y-học-chuyên-môn (trường này còn kém Đại-học y-khoa, chuyên dùng ở nhà thương các địa-phương, 3 năm tốt-nghiệp). Trường Y-học, Trường Chế-thuốc, (đều thuộc về trường công, trình-độ kém chuyên-môn, 3 năm tốt-nghiệp) ;

Trường Khánh-ứng nghĩa-thục (慶應義塾), trường Tảo-đạo-điền chuyên-môn học-hiệu (早稻田專門學校) (2 trường này một là của ông Phúc-trạch-dụ-cát, một là của ông Đại-ôi-trùng-tín lập ra, đều là trường tư, chủ-nghĩa để giảng-cầu chính-trị, pháp-luật, kinh-tế, qui-tắc hoàn-toàn lắm, 5 năm tốt-nghiệp).

8 Thực-nghiệp học-hiệu. — Thực-nghiệp cũng giống như chuyên-môn. Trường này chỉ dạy nông, công, thương, Bắc-hải-đạo có trường Trát-quáng Nông-học (札幌農學) và kiêm công-học. Đông-kinh có trường Cao-đẳng thương-nghiệp, trường Cao-đẳng công-nghiệp, và các trường công-nghiệp nhỏ, 3, 4 năm tốt-nghiệp, dạy những người ra làm thợ thuyền. Đồ-đệ học-hiệu (Học-sinh có bằng tiểu-học, 12 tuổi thì vào học 4 năm, mau là 6 tháng tốt-nghiệp. Thày-giáo trường này là những thợ ban ngày đi làm, tối về dạy học, công tư đều có). Trường Nông-học, Thương-thuyền học, Thủy-sản học, và trường thực-nghiệp bổ-tập.

9 Sư-phạm học-đường. — Sư-phạm có 3 thứ: Cao-đẳng sư-phạm, Nữ-tử Cao-đẳng sư-phạm và Sư-phạm.

10 Manh-á học-đường. — Trường này dạy những người mù người câm trong nước; dạy cho biết phổ-thông tri-thức và thực-nghiệp; như người mù thì dạy Âm-nhạc, người câm thì dạy chạm-trổ. Phép dạy người mù lấy hiệu bằng những cái chấm lồi lên trên tờ giấy; dạy người câm lấy hiệu bằng tay bằng môi.

11 Các thứ học-đường khác. — Trừ những trường đã kể trên này, còn có « Học-tập-viện » để dạy những con nhà quí-tộc; Trường Hoa-tộc nữ-học, để dạy những con gái nhà quí-tộc; Trường Lục-quân, Hải-quân để luyện-tập nhân-tài trong hải lục quân; Trường thương-thuyền của bộ Nông-thương tự-lập; Trường Điện-tín của bộ Điện-tín lập.

Nói tóm lại, trong nước Nhật-bản, không có một người nào là không học vấn; không có một chỗ nào là không có nhà trường. Trong 3 cái cù-lao nho nhỏ mà có đến 2 vạn nhà trường. Những người đã vào trường Đại-học, Chuyên-môn, Thực-nghiệp, Cao-đẳng, đã có tư-cách hoàn-toàn, cũng là nhờ giáo-dục từ trường tiểu-học. Cho nên nước Nhật-Bản được phú-cường, người ta không qui-công cho tướng-sĩ trong những buổi chanh-chiến « Nhật-Trung », và « Nhật-Nga », mà qui-công cho các Giáo-sư ở trường tiểu-học.

V

Kinh-đô Nhật-bản

Trong một tháng tôi lịch-du Nhật-bản lâu nhất là ở Đông-kinh (Tokio), đấy là kinh-đô Nhật-Bản. Nhờ có Danh-công phái người đưa đi xem các chỗ, dù không thông tiếng nói, song lấy bút-chỉ thay khẩu-thiệt, cũng lĩnh lược được ít nhiều. Đông-kinh ở về trung-bộ nước Nhật, nguyên tên là Giang-hộ, ngày xưa Đức-xuyên lập phủ-thành ở đó. Minh-trị năm đầu thiên đô, mới cải danh là Đông-kinh. Thành phố ở giáp Đông-kinh-loan. Trong có một con sông lớn gọi là sông Ngưu-điền 隅田; qua sông có 2 cái cầu: cầu Thiển-thảo 淺草 và cầu Giang-đông 江東 Toàn tỉnh chia làm 15 khu:

1° Tiểu-thạch-xuyên, (小石川); 2° Ngưu-nhập (牛込) 3°; Thần-điền (田神); 4° Cúc-đình (麹町); 5° Chi (芝); 6° Kinh-kiều (京橋); 7° Nhật-bản kiều (日本橋); 8° Sích-bản (赤坂); 9° Ma-bố (麻布); 10° Thâm-xuyên (深川); 11° Hạ-cốc (下谷); 12° Tứ-cốc (四谷); 13° Thiển-thảo (淺草); 14° Bản-hương (本郷); 15° Bản-sở (本所); Hoàng-cung ở giữa, ngoài có thành, chung-quanh có hào. Trước cửa chính có 2 lần cầu,

người thường không được đi lại. Quanh thành trồng những tòng bách, xanh tốt dị-thường, mới trông biết ngay là nơi cung-cấm. Cung-quán Hoàng-tộc và dinh-thự các quan ở cả về khu Cúc-đình và khu Chi, sứ-quán các nước ở về khu Xích-bản. Buôn-bán đông-đúc nhất là những khu Nhật-bản và Kinh-kiều. Các học-đường ở vào chính giữa khu Thần-điền và Tiểu-thạch-xuyên. Khu Bản-sở là nơi có các Công-xưởng, khu Thiền-thảo là nơi có những Hý-trường.

Nhà ở xếp liền như vây cá, xe điện chằng-chịt như bàn cờ. Mỗi ngày sáng sớm 7, 8 giờ, chiều tối 5, 6 giờ người đi đầy đường, đều là những người ở các công-xưởng, các Ngân-hàng, các học-sinh và các người lao-động, đông đúc dị-thường, thực là nhân-sơn nhân-hải. Chiều đến vàng mặt trời, sao hôm sắp mọc, đèn điện đã sáng rực, toàn thành chói-đọi, khách mới vào thành, tưởng là mình ở trong một cái rạp hát lớn. Kể các chốn phồn-hoa bên Á-đông nên lấy đấy là đệ nhất.

Cách giao-tế. — Tuy-nhiên, chỗ đô-hội phồn-tạp như thế, mà sự nhân-dân giao-tế thực là ung-dung, chỗ đông người cũng không nghe tiếng tào-tạp. Kẻ làm thuê làm mướn, cũng biết cách thiếp-hiệp với mọi người. Xe chở thuê trong các phố, cứ đậu một nơi, phu xe ngồi trong xe mà đợi khách; cứ xem nhật-báo hay xem tiểu-thuyết. Khách đến lựa xe mà đi; phu xe không xô nhau, không tranh nhau như ở Trung-quốc hay ở Hà-nội. Giá xe lấy rất công-bình, không cứ khách quen khách lạ. Xe điện chỉ một hạng, không phân nhất nhì. Người lên xe biết nhường nhau, con trẻ đàn bà ngồi trước, đàn ông người lớn ngồi sau. Trong xe điện xe hỏa chưa thấy có người mặc áo rách. Buồng khách ở các nhà ga có bàn ghế trần-thiết như nhà hàng. Người bán vé xe phần nhiều là đàn bà, vì đàn bà yếu sức được làm những việc nhẹ như: khán-hộ ở các nhà thương, bán hàng ở các hội chợ, và tiếp khách ở các nhà hàng.

Nhà ở. — Nhà ở rất đơn-giản, trừ mấy nơi Ngân-hàng, Điện-báo, Công-xưởng, và dinh các quan cất theo lối tây, còn nhà ở thường đều dùng lối cũ Nhật-bản, làm bằng gỗ thông.

Nhà ở vừa thấp vừa hẹp, trong nhà chia ra nhiều phòng, nhiều cửa và nơi tiếp khách; cột vuông mà nhỏ, vách bưng bằng ván. Cửa ra vào làm bằng giấy gọi là « chướng-tử » (障子) Lúc ra vào đẩy sang hai bên. Nền nhà cách mặt đất một thước, trên lát bằng ván giải chiếu, chiếu rộng bằng nửa chiếu ta; nhà lớn giải đến 3, 4 mươi đệp chiếu, nhà thường cũng có 7, 8 đệp. Ngoài phòng có lối đi thông, trong phòng có chỗ để chứa đồ nhật-dụng, gọi là « Áp-nhập » (押入), tức là giường-hòm. Trong nhà không kê giường, giải chiếu trên mặt ván lát mà ngồi. Mỗi người ở một phòng. Cách cư-xử ưa sạch-sẽ, đây-tớ mỗi ngày phải một lần lau bụi quét rác.

Chung quanh nhà hay trồng tòng bách; bóng nhà chen với bóng cây. Lên cao mà trông, dù chốn thành-đô, cũng có cái cảnh-tượng rừng sim bóng núi. Còn cung-phủ nhà vua, nhà các phiên-vương, cùng nhà phú-hào, cách kiến-tạo lại càng tráng-lệ tinh-xảo, có thành, có hào, có ao, có vườn, vĩ-đài nguy-nga lại khác với nhà thường dân.

Người ta nói: ở Nhật-bản ít có gió bão, cho nên nhà làm không cần kiên-cố, vách ván cửa giấy cũng bền. Tôi nhớ khi ở Thần-hộ (Yokohama) một đêm đã khuya nghe tiếng guốc đi rầm rầm trong phố. Giậy xem, mới biết là thất-hỏa. Vừa độ một giờ mà cháy

lan đến 200 nóc. Khỏi hại gió lại lo hại lửa như thế.

Tôi có vào chơi các Công-viên và trường Khuyến-Nghiệp. Trường Khuyến-Nghiệp là nơi quan lập, cho con gái nhà nghèo bầy những đồ thủ-công ra mà bán cho khách vào chơi chợ. Chợ làm ra hình chữ 巫, cửa vào ra khác nhau. Hai bên bầy những đồ du-ngoạn, đồ xa-xỉ, đủ hết mọi thứ; những con gái thanh-niên ngồi bán hàng. Ăn mặc chai-lơ, tiếp khách một cách ôn-nhã. Tối đến, mầu son vẻ phấn, nhấp-nhoáng bóng đèn, khiến cho du-khách say lòng vui mắt. Có tiếng nhất là Công-viên Thượng-dã 上野. Ngay cửa vườn vào, có bực đá cao; trên có đồng-tượng Tây-hương-Long-thịnh. Nhác trông phong-thái lẫm-liệt như người sống; thấy người mà tưởng đến cái sự-nghiệp anh-hùng.

Trong vườn trồng rặt một thứ anh-đào; tiếc thay! khi tôi đến Nhật mới độ sơ-xuân, hoa đào chưa nở. Không được gặp tiết « Anh-đào » (tháng 4). Bấy giờ sĩ-nữ du-quan biết đông vui đến đâu mà kể. Chỗ nuôi thú-vật, nhà bác-vật, quán đồ-thư, cũng ở trong vườn ấy. Những người lao-động trong thành-phố, lúc nghỉ-ngơi đều họp-tập trong công-viên làm chỗ tiêu-khiển; cũng tay cầm tờ nhật-báo, miệng nói chuyện tân-văn, cách nhàn-nhã ưu-du, có khi quên mình ở trong lao-lực.

Thư-tín. — Vào một xứ nào, chỉ xem những việc thư-tín, tân-văn, tuần-cảnh, đủ biết cái hình-thức văn-minh trong xứ ấy. Bình-quân-số thư tín của người Nhật-bản thì mỗi người một năm dùng đến 80 cái thư-tín. Việc thư-tín trong nước phân phiền như thế, nếu phép chuyển-đệ không được linh-hoạt, thì di-tệ biết là dường nào. Tôi xem một việc đưa thư, càng phục quốc dân Nhật-bản có công-đức. Những cái thư có đề tên họ quán chỉ phân-minh đã đành, còn có cái thư đề lầm, cũng phải điều-tra cho đến nơi đến chốn. Thường thấy có một mảnh danh-thiếp, mà phát-đệ đến 7, 8 nơi ở, tra hỏi đến mười mấy cái giấy. Cho nên thư-tín không có khi nào lầm-lạc, việc giao-thông cũng nhân thế mà thịnh hơn.

Hồi-tưởng trong xứ mình, những chỗ hương-thôn, thư-tín còn chưa được tiện lắm; cũng vì kẻ đưa thư ít có lòng công-đức. Giây-thép, thư-tín, nhật-báo, tạp-chí, nhân chuyển-đệ gian-nan, hay để lại làm cho người ta lỡ việc. Ôi! Những người có nghĩa-vụ về việc chuyển-đệ thư-tín ở xứ ta, cũng nên giảng-minh cái công-đức ấy.

Tân-văn. — Thư-tín vốn là cái cơ-quan giao-thông trong nước, mà tân-văn lại là cái lợi-khí của văn-minh. Độc-giả muốn biết sự-nghiệp tân-văn của Nhật-bản ra thế nào, chỉ xem một chỗ thủ-đô của Nhật-bản thì biết. Việc giáo-dục ở Nhật-bản đã phát-đạt lắm, từ kẻ đi cầy kẻ làm mướn đều biết chữ tân-văn, cũng nhân thế mà phát-đạt thêm ra. Cứ một thành Đông-kinh đã có hơn 100 thứ tân-văn và tạp-chí. Trong nhật-báo có những thứ: *Chiêu-nhật tân-văn, Thời-sự tân báo, Đông-kinh nhật-nhật tân-văn, Quốc-dân tân-văn, Đại-hòa tân-văn, Trung-ương tân-văn, Ngoại-giao thời-báo.* Trong tạp-chí có những: *Thái-dương tạp-chí, Nhật-bản cập Nhật-bản-nhân-tạp-chí, Thực-Nghiệp chí Nhật-bản, Thực-Nghiệp chí thế-giới, Trung-ương công-luận tạp-chí,* v. v. Lại còn những thứ: chiêu-san, chịch-san, lâm-thời truyền-đơn, v... v... Phàm các nước trong thế-giới có phát-sinh ra một việc gì, có điện-tín lại, khoảnh-khắc đã truyền-văn đi khắp nước; tin-tức linh-thông, kiến-văn phát-đạt thực là bởi đó.

Cảnh-sát. — Đến đất Nhật-bản ai cũng phải phục chế-độ tuần-cảnh thật là hoàn-bị. Vì có trường học dạy việc cảnh-sát, cho nên kẻ ra làm cảnh-binh đều làm hết nghĩa-vụ. Nghĩa-vụ cảnh-binh là gì? — Là giúp việc giáo-dục, giữ-gìn vệ-sinh, ủng-hộ pháp-luật, duy-trì công-an, cứu-chính phong-hóa. Mỗi quãng đường hay nơi hiểm-yếu có người cảnh-binh đeo gươm đứng bên đường, ngày đêm thay phiên hộ-ứng liên-lạc, dù nắng dù mưa, cũng không sai một chút. Có người ngoại-quốc đến đó không quen đường, không hiểu tiếng, cũng phải chiếu-cố hộ-vệ, hoặc dẫn đường, hoặc tìm nhà trọ, khó đến đâu cũng không từ.

Khách đi đường có bỏ rơi vật gì cũng giữ-gìn chờ-đợi cho khách lại mà lấy; khách không đến mới đưa vào sở cảnh-sát, để đăng báo mà chiêu-đề. Từ 11 giờ đêm, nhà nào cũng phải yên-lặng cho xóm giềng nghỉ. Nếu nhà nào còn có tiếng người tào-tạp, phải bảo chủ nhà tắt đèn nghỉ ngay. Học-trò nhỏ đi đường hút thuốc hoặc làm sự gì trái phép, cảnh-sát phải khuyên ngăn và can-thiệp. Cảnh-binh không được tự-tiện vào nhà ai những khi không có mệnh-lệnh quan trưởng. Trong thành-phố, có người mới giọn nhà đi hay có người mới đến ở, phải đến mà tra hỏi tên họ, niên-canh, quốc-tịch, chỗ ở và làm nghề-nghiệp gì. Từ đó nửa tháng hoặc một tháng, lại điều-tra một lần, để vào sổ khi tìm hỏi cho dễ. Cách điều-tra như thế là bảo-hộ cho cư-dân, không phải là quấy-nhiễu. Trước có người Trung-hoa nói: « Mình ở Nhật-bản 3 năm, coi cảnh-sát Đông-kinh như một người bạn bảo-hộ rất tốt của mình. » Ôi! làm cảnh-sát mà khiến cho khách trọ coi như bạn tốt, thì biết cái lòng công-đức của họ hoàn-toàn là thế nào!

(*Còn nữa*)

NGUYỄN BÁ-TRÁC

TRUYỆN SẢI VẢI (1)

(*Bài hoạt-kê-đối-thoại của Tiên-nho* NGUYỄN CƯ-TRINH *tiên-sinh soạn năm 1750*)

SẢI RẰNG. — Mới tụng kinh vừa xuống, nghe tiếng khánh đóng lên; ngỡ là chuông vua Hạ-Vũ chiêu-hiền, ngỡ là mõ đức thánh-nhân thiết-giáo. Sãi yêu vì đạo, sãi đẹp vì duyên; vãi này sao nhan-sắc có hơn, sãi theo với tu-hành kẻo thiệt!

Khoan-khoan chưa biết, vãi ở chùa nào? Thanh-tân mày liễu má đào, đẹp-đẽ mắt sao da tuyết; lòng người dù thiết, thời đạo ắt gần; qua tây-phương còn cách-trở non Thần, sau phương-trượng đã sẵn-sàng bàn Phật.

Ngoài che sáo nhặt, trong rủ màn thưa; lạnh đã có màn Bát-Tơ, nực thời có quạt Thúc-Phủ; chiếu du trơn như mỡ, thuốc lá ướp hoa ngâu; rượu hoàng-cúc ngào-ngào, chè tiên-xuân phức-phức; sẵn đồ sẵn đạc, có vãi có thày; thoát sau liêu cho gần đó gần đây, vào cùng sãi đặng tu hoài tu hủy.

VÃI RẰNG. — Điều sao nói nguỵ, chẳng phải tính chân; tu làm sao mà lo thiệt lo hơn, tu làm sao mà tham tài tham sắc. Ấy những điều bội đức, chớ tu những điều chi?

(1) Bài này quan Tổng đốc THÂN TRỌNG-HUỀ đã diễn-thuyết ở Hội Trí-tri ngày 13 Août 1920. (Xem N. P. số 38, trang 175).

SÃI RẰNG. — Sãi cũng muốn tu-trì, khốn thiếu đồ khí-dụng; thiếu chuông, thiếu trống, thiếu kệ, thiếu kinh; thiếu sửa [1] thiếu sanh, thiếu tiêu thiếu bạt; thiếu bình thiếu bát, thiếu đậu thiếu tương; thiếu bình hoa lư hương, thiếu quần bàn áo phủ; thiếu giầy thiếu mũ, thiếu hậu [2] thiếu y; thiếu tiền - đường sơ-lý [3], thiếu thượng-phương liên-đối; thiếu biển son bình-sái, thiếu tích-trượng cà-sa; thiếu hương thiếu hoa, thiếu xôi thiếu Phật!

Ấy là đồ vật, sãi hãy sắm sau; những việc kíp làm đầu, sãi phải toan sắm trước: nhiều Thượng-hải sãi sắm một cái quần cho tốt, vải Cát-căn sãi sắm một cái áo cho xuê; nón cảnh-hàn sãi sắm một cái cho xinh ghê, quạt ban-trúc sãi sắm một cây cho bảu riết; giầy hồng-hài sãi sắm một đôi để mà đạp tuyết, khăn bích-cân sãi sắm một cái để mà bịt đầu; sãi lại sắm một cái khăn xanh mềm-mềm, để mà buộc đầy xưa cho ngỏa [4]; chợ nào nhiều bạn hàng các ả, xóm nào đông bồn-đạo các di, thời sãi tu lại tu đi, thời sãi tu lên tu xuống. Sãi lại sắm một cái phương-trượng, để sau liêu cho vắng một mình; trên mặt ấy rộng thênh, dưới chân thời sâu riết.

VÃI RẰNG. — Sắm để làm gì?

SÃI RẰNG. — Đương khi thời cơm lạt, thấy bồn-đạo vừa lên, nghe tiểu-đồng nó tằng-hằng lên, mấy dĩa thịt sãi thu vào đó. Sãi lại sắm một cái vườn nho-nhỏ, ở cuối xóm xa-xa.

VÃI RẰNG. — Sắm để làm chi?

SÃI RẰNG. — Để phòng khi bồn-đạo đẻ ra, dễ khiến sãi khoanh tay mà ngồi vậy.

Sãi lại sắm tiền nghề để mà bỏ đẩy, sáp tốt để mà đánh môi; mắc phải khi cờ bạc thua hoài, dễ khiến sãi khoanh tay mà ngồi lặng? Sãi lại sắm một hai bình thuốc dáng [5], năm ba đạo bùa mê; sãi lại sắm một đứa tiểu-đồng cho hay tin đi tin về, sãi lại sắm một mụ tin-vãi cho hay nói ngon nói ngọt.

VÃI RẰNG. — Sắm để làm chi?

SÃI RẰNG. — Phải khi gái tốt, vả lại nhiều tiền; giữ nết-na nó chẳng đến chùa-chiền, dễ khiến sãi khoanh tay mà ngồi vậy?

VÃI RẰNG. — Lời sao nói quấy, nghe chẳng muốn nghe; trí-tuệ thông như «hoa nở bồ-đề», nhân-duyên bạc như «nhị-thù ưu - bát» [6]; tuy rằng ngồi mật-thất, song chẳng khác thông - cù, trời xa-xa rộng thẳm mà chẳng mù, lưới lộng-lộng bồ thưa mà chẳng lọt; một lời dầu lỗi thất, muôn kiếp ắt khôn đền; vậy thời cõi thiên - đường khoan-khoan chớ bước lên, chốn địa-ngục chóng-chóng mau tìm xuống.

SÃI RẰNG.—Vãi này vụng lượng, chẳng biết hí-ngôn; có thiên-đường thời quân-tử tu lên, có địa-ngục thời tiểu-nhân tu xuống; hễ người quân-tử lượng, thời tu đức thẳng tài; thờ vua lo hết ngay, thờ cha lo hết thảo; một lời nói phải nhân phải đạo, ấy là tu ngôn, một việc làm chẳng hại chẳng tham, ấy là tu hạnh; lấy nhân mà tu tính, lấy đức

---

(1) *Sửa* = là hai miếng gỗ như cái phách mà có răng cưa, khi ca thì gõ.

(2) *Hậu* = là cái xiêm của ông sư.

(3) Cái phên che ở trước thềm chùa.

(4) *Cho ngỏa cho ngué*: là cho tử-tế.

(5) Thuốc dáng tiếng Bắc-kỳ gọi là thuốc cao.

(6) Là một câu chữ luôn trong kinh phật.

mà tu thân ; tu minh-đức để mà tân-dân, tu tề-gia để mà trị-quốc ; ấy là trang tu đức, tu ấy phải đạo tu ; ngoài thời tu khoan-dũ ôn-nhu, trong thời tu hòa-bình trung-chính ; tu cung tu kính, tu tín tu thành ; đã phải đạo tu-hành, lại thêm nền phúc-chỉ ; tự-nhiên đắc-lộc đắc-vị, đắc-thọ đắc-danh, đắc-phú-quí hiển-vinh, ấy thiên-đường là đó. Hễ là người quân-tử độ, thời tu đến thiên-đường, còn như tiểu-nhân gian, đều tu vào địa-ngục ; tiểu-nhân tu tục, tu những tính phàm ; tu lòng bạc-ác gian-tham, tu dạ ngoan - ngu hung-bạo ; nuôi cho lớn, tu lòng bất-hiếu, ăn cho no, tu dạ bất trung ; tu sắc lành để mà a-ý khúc-tòng, tu lời khéo để mà sức-phi văn-quá ; người hiền ngỗ tu ghét-ghen ngăn-trở, kẻ lỗi-lầm tu xoi-xỉa phô - trương ; tu lưỡi mềm để lấy của cho đầy rương, tu mưu độc để hại người cho đã giận ; đứa tiểu-nhân như rận, nó cắn máu người ta ; tu càng đầy càng nhục ông nhục cha, tu càng giầy càng hại con hại cháu ; tu vơ tu vào, tu chạ [1] tu càn ; hễ là đứa đại-gian tu những điều bất - nghĩa ; âm vi quỉ - thần sở hại, dương vi vương-pháp sở tru ; ấy là tiểu-nhân tu, tu vào nơi địa-ngục.

Muốn nghe đấng tu mà thoát tục, hãy còn trang thượng-trí chi tu ; nhớ thủa Đường Ngu, thánh xưng nhị-đế ; nhị-đế người tu-kỷ mà thiên-hạ thăng-bình, tam-vương người tu-nhân mà cơ-đồ củng-cố ; dầu những tu văn tu vũ, trên một người tu đủ, dưới muôn họ đều vui ; hây-hây thọ - vực xuân-đài, tu làm vậy chẳng là thượng-trí ?

Bằng muốn xét cho cùng nhân-sự, hãy còn nhiều trung-trí chi tu ; kia Mặc-Địch Dương-Chu, tu một việc vị-nhân vị-ngã [2], nhổ mảy lông mà yên trong thiên-hạ ấy là họ Dương ; tu một việc chẳng hại chẳng tham, mài mòn đầu mà lợi có một người, ấy là họ Mặc ; tu một lòng chẳng ngại, dầu những Thích-ca 釋迦 tu lại, với Đạt-Ma 達摩 tu qua ; tu cho tinh-chuyên là Cửu-Thập-ma-a, tu cho khổ-não là Văn-Thù Bồ-Tát ; ấy là người ngoại-quốc, chọn theo thói Trung-hoa ; chê sự đời phú-quí vinh-hoa, muốn vui thú thanh-nhàn dật-lạc ; nghiệm chữ kia cho sác : chữ *tiên* 仙 là *nhất-cá sơn-nhân* — 個山人 ; suy chữ nọ cho chân : chữ *phật* 佛 là *phất-tri nhân-sự* 弗知人事 ; vậy cho nên ai dữ thời mặc dữ, ai lành thời mặc lành ; nhà hưng vong phụ tử chẳng bình, nước trị loạn quân thần chẳng đoái. Song chẳng can-danh phạm - nghĩa, mà không dịch - tính biến - tình ; vậy nên thế - nhân tham thiên-đường phải noi làm lành, sợ địa-ngục nên trừ thói dữ ; tuy vô-ích cũng không sinh-sự, ấy là trang trung-trí chi tu.

Còn tu mà rất ngu, hãy nhiều trang hạ-trí : Kia như Hạn Vũ-đế đã nên đấng minh-vương, nọ như Tần Thủy-hoàng thực là trang anh-võ ; tham-lam cầu đạo, lặn - lội tìm tiên ; mỏi sức người thiên-hạ chịu lao-phiền, hao của nước nhân-dân kêu đồ khổ ; trăm chước sưu-cầu thời có, mảy lông chứng-nghiệm vốn không ; đất Luân-đài [3] nhà Hán chẳng hối-ngộ trách-cung, ải Hàm-cốc [4] nhà Tần cũng rắp-ranh làm bạn ; hãy nhiều người như Hán, chẳng những một chi Tần ; đời

(1) Chạ tiếng Huế nghĩa là bậy.

(2) Dương - Chu vị-ngã là đạo họ Dương chỉ vì mình chớ không làm lợi cho ai ; Mặc-Địch kiêm-ái là vị nhân chi cốt làm cho người.

(3) Vua Võ-đế nhà Hán vì việc đất Luân-đài mới hạ tờ chiếu xuống hối quá trách mình không đi cầu thần tiên nữa.

(4) Ải Hàm-cốc là chỗ cửa quan hiểm, nhà Tần mất ải ấy là mất nước.

nào tu cho hơn Tống Đạo-quân [1], đời nào tu cho hơn Lương Vũ-đế; thụ-nhục Mạc-bắc, sao tiên chẳng ra cứu về? ngã-tử Đài-thành [2] sao phật chẳng tới trợ nạn? Uổng cơ-đồ gây dựng gian-nan, hoại sự-nghiệp tổ-tôn khai-sáng! Chu-sư đã vang-lừng tên đạn, sao Tề-nguyên còn nương án mà giảng đạo hoài-hoài? Khiết-đan đã vầy-vỗ trong ngoài, sao Khâm-nhược hãy đóng cửa mà tu-trai mãi-mãi? Hư thời đã phải chết chẳng ai thương! Hễ là đạo đế-vương, thời phải tu nhân-chính, tu quyền tu binh, tu kỷ tu cương; trên thời tu Nghiêu Thuấn Vũ Thang, dưới thời tu kinh-luân thao-lược, có đâu đi bắt chước thày sãi mà tu-trì; lại cho trong ban ngày mà có phép lên trời, luận đạo trị cũng chẳng ích chi trong nước. Thấy đâu đặng phúc, đều những mang tai; cứ theo mê đạo hoài-hoài, như vậy là trang hạ-trí!

Vãi rằng. — Ngỡ là sãi biết một điều tu, hay đâu giả thói ngu, mới biết là bợm lịch; khôn-ngoan trong-sạch, trí-tuệ từ-hòa; thiệt vàng nọ chẳng pha, hẳn ngọc kia còn ẩn; chẳng kiêu chẳng lận, biết kính biết nhường, biết tiểu-nhân như cỏ rác mà dề-dàng [3], biết quân-tử như ngọc vàng mà yêu chuộng; biết kính biết trọng, biết của biết người, sãi biết lắm chuyện đời, nói nghe chơi cũng khá.

Sãi rằng. — Vãi này cũng lạ, chớ hỏi mà sầu, uổng năm giây đàn gẩy tai trâu, hoài muốn hộc nước xao đầu vịt! Sãi không có biết, sãi chẳng có hay, xích cho khỏi cánh tay, kẻo mà quang [4] nhằm vế.

Vãi rằng. — Sãi này thất-lễ, vả lại bạc tình; vãi tu vốn có một mình, sãi tưởng vãi không thông thế-sự; đã hay rằng nam-tử thời có chí kinh-luân, song le đấng phụ-nhân, cũng có tài tế-thế; kìa như Chu Thái-Tự kinh còn tiếng đức sáng khuê-môn, nọ như Tống Tuyên-Nhân sử còn ngợi nữ-trung Nghiêu Thuấn; gái như Tạ Đạo-Uẩn, gái mà hay vịnh tuyết thành thơ; gái như Thái Văn-Cơ, gái mà biết phân cầm nên khúc; chương gián chúa khỏi vòng dật-dục, ấy là Đường Tử-Huệ thứ-phi, thư cứu cha khỏi chốn tai nguy, nọ như Hán Đề-Oanh thiếu-nữ; nam-tử nhiều trang nam-tử, phụ-nhân ghê đấng phụ-nhân! Thuyền bách trôi nghìn thủa hãy nhẫn-nhẫn, sách Hán đề muôn đời còn vặc-vặc; thuyền-quyên đâu dễ kém anh-hùng, ông sãi chớ phụ chi mụ vãi!

Sãi rằng. — Rất phải rất phải, mừng thay mừng thay! Khát hạn luống trông mây, ôm cầm mà gặp khách; chẳng gió cả sao hay cây cứng, không đường dài nào biết ngựa hay. Vậy thời sãi vén mây mù, phát dong-gai, đặng cho vãi thấy trời xanh, tìm đường cả.

Thiếu chi điều lạ, hết mấy truyện kỳ; ghé tai lại mà nghe, xích vú ra kẻo dụng! Sãi muốn nói một truyện xa-xa cho vãi biết, trong kinh chép đã nên xe; sãi muốn nói một truyện xa-xa cho vãi nghe, trong sử chép đà nên đống; truyện Hán truyện Đường truyện Tống, truyện Thương truyện Hạ truyện Châu; truyện phụ tử làm đầu, truyện quân-thần rất hệ. Sãi

(1) Tống Đạo-quân là vua Tống Huy-tôn, vì mê về tu đạo, sau bị nước Kim bắt sang đất Mạc-bắc.

(2) Lương Vũ-đế bị vây ở Đại-thành phải nhịn đói chết.

(3) Là khinh dề.

(4) Quang là đụng.

muốn nói một truyện : quân sử thần dĩ lễ, sãi lại e Trần Vệ (1) phiền lòng; sãi muốn nói một truyện : thần sử quân dĩ trung, sãi lại sợ Mãng Tào (2) gây oán ; sãi muốn nói một truyện : vi phụ chỉ ư từ cho vãi hẳn, sãi lại e ông Cồ-Tầu la ngầy (3) ; sãi muốn nói một truyện : vi tử chỉ ư hiếu cho vãi hay, sãi lại sợ Tùy Đương chê ngộ ; sãi muốn nói một truyện : vi nhân bất phú, sãi lại e thày Nhan mắng rằng ai mượn nhạy miệng mà tiến ơn ; sãi muốn nói một truyện : vi phú bất nhân, sãi lại sợ Thạch-Sùng trách rằng sao khéo thổi lông mà tìm vết. Việc vãi thời vãi biết, việc sãi thời sãi hay ; gắng công-phu mà tu-luyện cho lâu ngày, đêm thanh vắng sãi hãy nói cùng một truyện.

Vãi rằng. — Ông này tu-luyện, có chí anh-hùng ; thuộc sử kinh chứa đề đầy lòng, dõi y-bát chân-truyền phải mặt ; dẫu chẳng « vạn gia sinh-phật », cũng là « nhất lộ phúc-tinh » ; đời chẳng dùng cho nên trễ-nải công-danh, vận dầu gặp ắt đặng khoe-khoang danh-giá.

Sãi rằng. — Chữ phụ-nhân nan-hóa, vãi có biết là đâu ? Câu bên ghềnh, Lã-vọng còn chờ đợi công-hầu ; cầy ngoài nội, Y-Doãn hãy mơ-mòng Nghiêu Thuấn. Bất-tri nhi bất-uấn, hữu-đức tất hữu-lân ; sớm mười hai dầu chẳng đội đầu khăn, bảy mươi mốt cũng đặng đeo tướng-ấn ; công-danh chẳng tưởng, vì có bệnh mình ; tồn-ư-trung bất-chính ắt chẳng lành, phát-ư-ngoại bất-hòa thời thất-tiết.

Bệnh này chí-thiết, có một bệnh thương : sãi thương đấng Tam-Hoàng, thương ngôi Ngũ-Đế ; thương vì hiếu vì đễ, thương vì đức vì tài ; thương vua Nghiêu áo vải quần gai, thương vua Thuấn cầy mây cuốc nguyệt ; ăn hầm-hút thương vua Võ, thương càng chí-thiết, ở lao-tù thương vua Văn, thương rất xót-xa ; thương ông Châu-công, tôi nên tôi còn mắc tiếng gièm-pha, thương đức Khổng-tử, thánh rất thánh, hãy lầm khi hoạn-nạn ; thương mấy kẻ trung-thần đời Hán, không tội mà chết oan, thương những người văn-học nhà Tần, vô-cô mà chôn sống ; thương Gia-Cát có tài lương-đống, gặp chúa chẳng gặp thời, thương Nhạc-Phi nên tướng ân-uy, không hòa mà bị hại ; thương đi thương lại, thương chẳng có ngần ; lúc đêm đông thương người nằm giá khóc măng, nơi bể bắc thương kẻ chăn dê uống tuyết ; thương càng chí-thiết, thương rất đối thương ; thương cho đủ bốn phương, chi bằng thương mụ vãi !

Thêm bệnh này khôn cải, sãi có bệnh hay vui : vui dưới trời dài, vui trên đất rộng ; vui gió mát trăng thanh lộng-lộng, vui nước trong nguyệt sáng lầu-lầu ; vui ba nghìn thế-giới chứa đề một bầu, vui chín chục thiều-quang trải xem đôi mắt ; non Bồng-lai sớm lướt, sãi vui với bát-tiên, núi Thương-lĩnh trèo lên, sãi vui cùng tứ-hạo (4) ; vui nhân vui đạo, vui thánh vui hiền, vui tiếng chuông giục khách mà xuôi thuyền, vui chiếc dép đưa người mà đạp giá ; lánh cõi tục sãi vui thuyền Bát-nhã, rửa bụi trần sãi vui nước Ma-a ; đạo làm lành sãi vui giáo Thích-ca, nhân cứu chúng sãi vui lòng Bồ-tát ; vui một bình một bát, vui một đạo một hề ; luận sự đời vui cho ngoả cho nguê, chi bằng đêm thanh vắng sãi vui cùng mụ vãi !

---

(1) Vua nước Trần nước Vệ là hai nước không biết lễ.

(2) Tào Tháo Vương Mãng là tôi bất-trung.

(3) Là la rầy.

(4) Bốn ông già đời Hán ẩn ở núi Thương-sơn.

Song lòng này còn ngại, có một bệnh giận dai : sãi giận phải chẳng phải giận chơi, sãi giận thiệt sãi không giận dối ; sãi giận sãi nhiều lầm nhiều lỗi, khi sãi lầm sãi một giận hoài ; sãi giận sãi ít đức ít tài, tưởng tài đức sãi càng giận thiết ; sãi giận sãi kinh-luân chẳng biết, sãi giận sãi thao - lược chẳng hay; sãi giận sãi xa quân-vương uổng tấm lòng ngay, sãi giận sãi cách cha mẹ chưa đền nghĩa thảo ; luận như nhân-đạo, sãi luống giận căm ; nghĩ đứa thú-tâm, sãi càng giận rất ; khi Đổng-Trác nghênh ngang Hán-thất, sãi giận chàng Hà-Tiến vô-mưu, thuở Khuyền-nhung phá phách nhà Châu, sãi giận gã Thân-Hầu [1] thất-kế : máu sục-sục sôi dòng Vị-thủy, giận Thương - quân [2] hành - chính chẳng lành ; thây chan-chan đầy nội Tràng-bình, giận Bạch-Khỉ [3] ra uy rất dữ ; Huệ dầu yếu, giận Lã [4] làm quái-gở, Đường chưa thôi, giận Võ dám lăng - loàn ; tội Võ đà xấp - xỉ Lộc-sơn, tôi Lã đã rắp-ranh Vương-Mãng ; giận quanh giận quẩn, giận chẳng hay cùng ; giận vãi sao chẳng chút mến lòng, khiến sãi luống giận hoài mệt mỏi !

Lại thêm còn một nỗi, sãi có bệnh hay yêu : chẳng yêu kẻ dâm kiêu, chỉn yêu người trung - chính ; luận trong chân-tình, đầu phải yêu thân ; suy lý hành nhân, cuối thời yêu vật ; yêu chí-thiết yêu người nhân - đức, yêu mặn-nồng yêu kẻ tín-thành ; yêu trượng-phu lượng rộng thênh-thênh, yêu quân-tử lòng ngay trác-trác ; yêu gan sắt mài mà chẳng nát, yêu lòng son nhuộm mà chẳng đen ; yêu lỗ tai lời trung - chính nghe quen, yêu con mắt việc cổ-kim soi tỏ ; tiết lạnh-lẽo sãi yêu tòng bách sồ-sộ [5], dặm xa-xôi sãi yêu kỳ-kỳ giỏi-giang ; con thảo cha sãi yêu bằng ngọc bằng vàng, tôi ngay chúa sãi yêu bằng châu bằng báu ; gẫm như yêu đạo chi hơn yêu đạo trung-dung, so như yêu lòng chi hơn yêu lòng Bồ-tát ; yêu mà dân trị nước trị chi bằng yêu hiền, yêu mà mình nên nhà nên chi qua yêu sĩ ; yêu trang trí-tuệ, yêu kẻ tài-năng ; như yêu việc lăng-quăng, chi bằng yêu mụ vãi.

Tưởng truyện này còn dại, bệnh hay ghét ở mình : ghét chẳng phải vô-tình, ghét thực là hữu-thù ; ghét Kiệt ghét Trụ, ghét Lệ ghét U ; ghét nhân-chính chẳng tu, ghét cương-thường nỡ bỏ ; luận như ghét cho đủ, sãi ghét đứa bất-hiếu bất-trung, luận như ghét cho cùng, sãi ghét đứa đại-gian đại-ác ; ghét kỳ ghét quặc, ghét lạ ghét lùng ; đọc Thư-kinh ghét đẳng tứ-hung, xem Tống-sử ghét bầy ngũ-quỉ ; ghét hoài ghét hủy, ghét ngọt ghét ngon ; ghét đứa cầu-mị mà giết con, ghét đứa tham-sang mà hại vợ ; ghét kẻ hay trêu hay trả, ghét người chẳng thực chẳng thà ; ấy là ghét xưa nay mấy việc người ta, chưa bằng ghét mụ vãi vô-tình với sãi !

Lại bệnh này khôn giải, về một nỗi muốn nhiều : muốn trên cho sánh đức Thuấn Nghiêu, muốn dưới thảy nên tài Y Lã ; nghĩa tử-hiếu muốn chưng giường phụ-tử, câu xướng-tùy muốn xử đạo vợ chồng ; anh với em muốn đễ muốn cung, bầu với bạn muốn tín muốn thực ; người hiền ngỏ sãi muốn gần cho thiết rịt, đứa gian-tà sãi muốn lánh cho xa xôi : mở quyền vàng tay chẳng muốn thôi, thấy đức bạc mắt không muốn ghé ; trong làng-xóm sãi muốn sạch loài gian-

(1) Chu U-vương bỏ thái-tử Nghi Cữu, Thân-hầu là cậu đem Khuyền-nhung vào phá nhà Chu.
(2) Thương quân tàn-khốc, đoán ngục giết người ở trên sông Vị, máu chảy đầy sông.
(3) Bạch-Khỉ chôn 40 vạn người ở Tràng-bình.
(4) Lã-hậu cướp ngôi của Hán Huệ-đế.
(5) Sồ-sộ là cao lớn vững vàng, tiếng Nam-kỳ.

ngụy, chốn quận-đô sãi muốn không đảng tham-ô; lưới thỏ giăng sãi muốn cho củ-củ vũ-phu [1], gót lân-chỉ sãi muốn cho châu-chân công-tử [2]; muốn hoài muốn hủy, muốn chẳng hay cùng; muốn kinh-bang chưa gặp vận hanh-thông, muốn độn-thế hãy ra tuồng tham-luyến; đá tinh-vệ [3] muốn lấp sao cho cạn bể, đất nghĩ-phủ [4] muốn đắp dễ nên non; muốn sao cho đều đặng vuông tròn, chi bằng sãi muốn tu cùng mụ vãi!

Những suy đi nghĩ lại, còn một bệnh sợ nhiều: sợ Quách-Khai [5] bày đặt nên điều, sợ Lâm-Phủ [6] ngọt ngon lắm thể; sợ sắc tốt hại ngươi Sùng [7] phải lụy, sợ vật kỳ vu gã Viện [8] mắc nàn; chị dâu sợ em vì sáu cái ấn vàng, tôi hiền sợ giặc vì một đôi ngọc trắng; sợ dài sợ vắn, sợ ngược sợ xuôi; thuyền họ Trương ở khô, còn sợ sóng bồ mồi, đất nhà Kỷ vốn hẹp, hãy sợ trời sập mái; sợ giá mỏng phòng khi bước lại, sợ móc nhiều e buổi minh giầy; Dương Quan-Tây [9] còn sợ có bốn hay, Bùi Ngự-sử hà nhà không ba sợ; sợ phật vắn chưa mau chân ngựa, sợ vách thưa còn lậu hơi sư; sợ là sợ mật tuy lành mà ruồi đậu ngất-ngư, sợ là sợ hoa chẳng độc mà bướm đà mê-mẩn; sợ quá sung quá sướng, sợ chưa dại chưa ngây; sợ tu không trọn kiếp ông thầy, nữa rồi lại đụng nhằm mụ vãi! Bờ giác-ngạn dễ đà đặng lại, bởi thất-tình còn hãy năm mang; việc cổ kim chi xiết luận bàn, lời phẩn-uất chút ra tiêu-khiển.

VÃI RẰNG. — Nghe qua các truyện, ngẫm cũng hữu-tình; khen cho ông thuộc sử thuộc kinh, khen cho ông có tài có trí; lời ăn nói thánh-hiền đạo-vị, khoa ngôn-từ nghĩa-lý văn-chương; chẳng phải kẻ tầm-thường, hẳn là trang cách-vật; Lôi-âm-tự có tu mới thành phật, Thiên-thai-sơn có đến mới nên tiên; biết đường nào đặng thấu tây-thiên, cậy chỉ nẻo tu cùng hôm sớm.

SÃI RẰNG. — Vừa vừa vãi bợm, bớt bớt yêu-tinh; bến mê còn nước chảy mênh-mênh, bờ giác hãy xa khơi vọi-vọi; phương nam khôn nẻo tới, phía bắc khó đường qua, nay đi đặng nhưng xa, lại sợ quân Đá-vách. Tưởng thôi lạc phách, nhớ đến kinh hồn; nọ giết người như run, nọ hại người như rắn; đến đâu là tảo tận, bắt đặng ắt ăn tươi; đã vào làng cướp của hại người, lại xuống nội đuổi trâu bắt ngựa; hãy tu đây cho ngót, chớ tu đó làm chi; đừng đi mà nó bắt vãi đi, rồi bỏ vãi bồ-côi bồ-cút!

VÃI RẰNG. — Kinh trung hữu thuyết, « nhung-địch thị ưng » [10], nếu phương-biên không chọn tài-năng, thế nọ ắt ngày sau sinh tệ; đạo tu lòng chẳng trễ, công mài sắt ắt nên; mặc ai sao lãng trăng thuyền, đạo ta ta giữ cho bền thì thôi. Thôi thời ông sãi hãy ngồi, tây-phương vãi tới tìm nơi thiên-đường.

∴

(1) Kinh Thi có thơ Thỏ ta là nói khen những người đi giăng lưới thỏ mà cũng có tài võ khỏe mạnh.

(2) Kinh Thi có thơ Lân-chỉ là khen những công-tử hiền cũng giống như vua Văn-vương, vì như con lân nhân-hậu thời gót chân nó cũng nhân-hậu.

(3) Có người con gái chết oan dưới bể, hóa ra chim Tinh-vệ cắp đá lấp bể.

(4) Tổ kiến tổ vò đùn đất lên thành đống.

(5) Là kẻ ninh-thần ton ngót.

(6) Là quan Thừa-tướng nhà Đường, nói ngọt như mật, mà trong bụng độc-ác như có dao.

(7) Thạch-Sùng vì nàng Lục-châu mà phải chết.

(8) Mã-Viện vì đem xe ý-dĩ ở bên Nam về, người ta gièm là đem xe ngọc châu về, mà phải tội.

(9) Dương-Chấn có bốn điều sợ: sợ trời biết, đất biết, ta biết, người biết.

(10) Nghĩa là đánh dẹp rợ nhung-địch.

PHỤ-DỊCH TRUYỆN
CỤ NGUYỄN CƯ-TRINH 阮居貞

(Trích ở *Đại-Nam liệt-truyện*)

(tiền-biên, quyển 5, trang 5a-11a)

Ông tên chữ là Nghi 儀, hiệu là Trạm-am 澹庵, là con út ông Đăng-Đệ 登第. Ông dĩnh-ngộ hơn người, năm lên 11 tuổi đã biết làm văn, làm thơ; cùng với người anh họ tên là Đăng-Thịnh 登盛 cùng nổi tiếng văn-chương. Khoa canh-thân ông đỗ hương-cống, rồi làm tri-phủ Triêu-phong; sau thiên sang văn-chức. Hễ gặp việc thì nói liền, ông thực là một người bầy-tôi biết can-gián.

Mùa hạ năm giáp-tí, đức Thế-Tôn (Võ-vương) lên ngôi. Bao nhiêu điển-chương, pháp-độ, do ông Đăng-Thịnh kiến-minh ra cả; mà các tử-lịnh thời bởi tay ông Cư-Trinh. Ông là người khẳng-khái có mưu-lược, liệu việc hay trúng, rõ biết cơ-nghi.

Mùa xuân năm Canh-ngọ ông được thăng làm Tuần-phủ [1] tỉnh Quảng-nghĩa. Lúc bấy giờ tỉnh này có rợ Thạch-man (giặc Vách-đá) thường nhiễu loạn ngoài biên-thùy, quan quân đánh mãi không được. Khi ông Cư-Trinh đến, làm tờ phủ-dụ, nhưng nó cũng không ra hàng. Ông mới bàn việc đi đánh, ai cũng nói chỗ ấy xa-xôi hiểm-trở, là nơi lam-sơn chướng-khí, nên can ông dừng đi. Ông Cư-Trinh mới làm truyện *Sãi-vãi* bằng quốc-âm, đặt ra lời vấn-đáp để tự-lệ; rồi đem quân đi, đến nơi thì quân rợ-mọi đều chạy trốn cả. Ông sợ rằng nếu thu quân về ngay thì giặc nó lại đến; cho nên ông chiếm lấy sào-huyệt của nó, mà lập trang-trại, đặt đồn-điền, giả làm kế ở đấy lâu. Quân giặc thấy thế sợ, đem quân ra hàng. Ông phủ-dụ nó xong rồi về.

Đức Thế-tôn được tin thắng trận, khen ông.

Mùa đông năm Tân-mùi, ông dâng sớ kể tình-trạng dân khổ-sở, ông nói: dân là gốc nước, gốc không bền-chặt thì nước không được bình-yên; nếu ngày thường không gia ân để buộc lòng dân, thì khi có việc xảy ra, còn mong nhờ vào đâu được. Thiết-tưởng chốn dân-gian tích tệ đã quá, nếu Triều-đình cứ yên giữ thường theo lối cũ, không tùy thời mà thêm bớt để lập kỷ-cương, thì một xứ còn không trị nổi phương chi một nước. Hiện bây giờ tệ-chính có 3; một là cấp binh, hai là nuôi voi, ba là nộp án; còn biết bao những-tệ kể sao cho xiết. Nhân ông lại bầy rõ bốn điều tích-tệ, nói:

1º Chức-trách các quan phủ huyện là trị dân; nhưng ít lâu nay lại chỉ sai đi khám-nã hỏi tra các việc kiện-cáo. Xin từ giờ trở đi, các thuế-lệ về sai-dư, điền-tô, đều phó cho quan Huyện biên-thu; rồi giao về quan tỉnh Quảng-nam đệ-nạp, để bớt sự phiền-nhiễu.

2º Đến nay các quan phủ huyện chỉ lấy cách bắt-bớ hỏi-tra làm mối kiếm bổng-lộc, cho nên dân càng ngày càng nghèo, tục càng ngày càng bạc. Nay xin cấp lương cho các quan, mà ai liêm hay chăm thì thăng lên, còn ai tham hay lười thì chuất đi.

3º Hạng dân lậu thuế có hai: hạng du-đãng mà trốn đóng thuế-má là một; hạng đói-rét mà trôi-rạt tha-phương là hai. Nếu nay không chia ra đẳng-hạng nào, cứ chiếu tên trong sổ bạ mà bắt đóng thuế thì tất-nhiên chúng nó sợ-hãi mà lưu-tán đi hết, rồi ẩn-núp ở các nơi rừng-rú; thành ra dân xã lại phải bồi-thường, thì chịu sao cho nổi. Nay xin xét những kẻ lậu

---

(1) Đây có lẽ sử lầm, vì chức tuần-phủ mãi đến Minh-mạnh mới đặt, bấy giờ đã có đâu.

thuế, vì bằng còn có cách sinh-nhai được, thì cứ theo lệ bắt đóng thuế; còn như những kẻ đói-rét cô-cùng thì tha cho, tùy cách mà vỗ-về nuôi-nấng, để cho chúng nó được sinh-hoạt.

4o Phải làm yên dân, chớ không nên làm động dân, vì làm động dân thì nước dễ loạn, mà yên dân thì nước dễ trị. Nếu nay sai người đi săn bắn, bắt gà, bắt ngựa, mà những - nhiễu dân-gian, thì những kẻ giả-mạo đến đâu náo-động đấy, đến nỗi ai cũng kêu ca. Xin từ nay về sau, hễ sai người đi thì phải có giấy trình quan địa-phương thẩm - nghiệm; mà kẻ nào nhiễu dân thì bắt trị ngay, họa chăng lòng dân yên-ổn, khỏi đến nỗi dao-động.

Nhưng mà sớ ấy tâu lên không có công-hiệu gì, ông bèn hết sức xin từ chức; vua mới triệu về, đổi ông sang làm chức kỷ-lục dinh Bố-chính. Sau khi ông đến, thì ông đặt thêm đồn-lũy, canh-phòng cẩn-mật.

Lúc bấy giờ nhà Trịnh gửi thơ xin mượn đường Trấn-ninh để đi đánh Lê duy-mật 黎維密 Ông viết thư trả lời không cho. Bên Trịnh biết rằng ông có phòng bị nên thôi.

Mùa đông năm Tân-dậu, vua nước Chân-lạp là Nặc-Nguyên xâm-lấn rợ Côn-man. Vua muốn cử binh đi đánh, mới sai ông Thiện-Chính 善政 (khuyết tên họ), làm thống-suất, ông Cư-Trinh làm tham-mưu, điều-khiển tướng-sĩ năm dinh đi đánh Chân-lạp, tiến lên đánh Ngưu-trử 牛渚, lập dinh-trại, kén sĩ-tốt, trữ-bị cho nhiều, để làm kế khai-thác. Đến mùa hạ năm Giáp-tuất, ông với Thiện-Chính chia quân tiến lên. Ông đến đâu giặc đều qui-phục. Đi qua đất Tần-lê 秦黎 ra đến sông lớn, cùng hội quân với ông Thiện-Chính ở đồn Lô-yêm 嫋淹. Từ đấy rồi phủ Lôi-liệp 雷獵, phủ Tầm-bôn 尋奔, Cầu-nam 求南, Nam-vinh 南榮, bốn phủ hàng cả; rồi chiêu-phục rợ Côn-Man, để làm thanh-thế.

Đến mùa xuân năm Ất-hợi, quan Thống-suất về đồn Mỹ-tho, có rợ Côn-man đi theo, đến đất Vô-tà-ân 無斜恩 thì bị quân Chân-lạp úp đánh.

Quân ông Thiện-Chính mắc phải bụi rậm vũng lầy, không thể đến cứu được.

Ông mới đem quân của ông đến cứu, đem hơn năm nghìn rợ Côn-man vừa trai vừa gái về chú ở dưới núi Bà-Đinh 婆丁. Nhân ông hạch tấu ông Thiện-Chính về tội để mất cơ-nghi, mà bỏ dân mới phụ-hàng. Vua giáng ông ấy xuống làm chức cai-đội, cho ông Trương Phúc-Du 張福猷 thay chân. Ông với ông Phúc-Du lấy rợ Côn-Man đi trỏ đường đến đánh phủ Cầu-nam và phủ Nam-vang; người Nặc-Nguyên chạy trốn sang đất Hà-tiên, xin hiến lại phủ Tầm-bôn và phủ Lôi-liệp, để bổ vào cái lệ cống mà nước Chân-Lạp đã bỏ thiếu từ 3 năm về trước.

Vua không cho. Ông mới tâu rằng: « Từ xưa, sở - dĩ dùng đến binh, chẳng qua là muốn giết đứa cừ-khôi, mở-mang bờ-cõi mà thôi. Nay Nặc-Nguyên đã hối-quá, biết nộp đất hiến của. Nếu không cho nó hàng, thì nó sẽ chạy trốn; mà từ Gia-định đến La-bích 羅壁 đường-sá xa-xôi, không tiện đuổi đánh. Vậy muốn mở-mang bờ-cõi, chỉ bằng hãy lấy hai phủ ấy để giữ bền-chặt phía sau cho hai dinh. Năm xưa đi mở phủ Gia-định, trước phải mở phủ Hưng-phúc, rồi mở đến phủ Lộc-dã, Đồng-nai để quân-dân hoàn-tụ, rồi sau mới mở đến đất Sài gòn. Đó là cái kế « tằm ăn dâu » đó. Nay từ Hưng-phúc đến Sài-gòn đường đi chỉ hai ngày, mà dân-cư còn chưa yên-tập, quân giữ cũng có đứa chưa

khỏe; phương-chi từ Sài-gòn đến Tầm-bôn, đường đi trong 6 ngày, thủ-binh trụ-phòng, thực sợ chưa đủ. Thần thấy rợ Côn-man đánh đường bộ rất tài, quân Chân-lạp cũng đã chột dạ. Nếu cho rợ Côn-man ở đấy, sai nó ngăn-chống, lấy rợ đánh rợ cũng là kế hay. Vậy xin cho nước Chân-lạp chuộc tội, lấy 2 phủ ấy, cho thần xem-xét hình-thế, đặt lũy đóng quân, cấp điền-sản cho quân dân; chia địa giới, lấy châu Định-viễn để thu cả toàn-bức. »

Vua hứa cho. Chẳng bao lâu, Nặc-nguyên 匿原 chết; phong Nặc-tôn 匿尊 lên làm vua. Nặc-tôn lại hiến đất Tầm-phong-long 尋楓龍. Ông tâu xin đời dinh Long-hồ ra xứ Tầm-bảo 尋袍, lại đặt đạo Đông-khẩu ở xứ Sa-đéc. Đằng trước sông đặt đạo Tân-châu, đằng sau sông đặt đạo Châu-đốc. Ngần ấy đạo đều có quân ở dinh Long-hồ cả. Mở đất miền nam, thực là rất rộng, chấn-áp đó đều là công ông.

Vả lại đường sông Gia-định có nhiều chỗ khuất-khúc, thuyền kẻ cướp thường tụ-hội ở đấy, chực thuyền buôn đi qua để cướp. Các lái buôn đều khổ về sự thiệt-hại ấy. Ông thấy thế mới bắt thuyền các hạt, bất cứ to-nhỏ, đầu thuyền phải khắc họ và quê-quán người chủ thuyền, đã có sổ biên ở quan sở-tại, để tiện khám-xét. Từ đấy, quân gian không ẩn-núp vào đâu được, mà trộm-cướp mất sạch.

Ông ở ngoài biên-thùy hơn 10 năm, uy-danh lừng-lẫy xa gần hoài-phục. Ông lại hay ngâm-vịnh, thường cùng với quan Đô-đốc tỉnh Hà-tiên là Mạc Thiên-Tứ lấy văn-từ tặng đáp nhau: lời ông hay, ý ông đẹp, ông lại có họa mười bài vịnh tỉnh Hà-tiên, thiên-hạ truyền-tụng đến giờ.

Năm ất-dậu (1765), đức Duệ-tôn-hoàng-đế lên nối ngôi; triệu ông về thăng làm quan Tào-vận-sứ ở bộ Lại. Lúc bấy giờ quyền-thần là Trương Phúc-Loan tự lấy kế lập công, chuyên quyền ngang ngửa, thường triệu các quan đến nhà bàn việc. Ông chính sắc nói: « Bàn việc gì tất phải ở chốn công-triều, đó là định-lệ; ngươi Phúc-Loan sao dám vô-lễ như thế. Hắn muốn thiện quyền ư? thật hắn là kẻ làm loạn thiên-hạ sau này. » Nghe nói, các quan đều không dám đi, ngươi Phúc-Loan trong bụng giận lắm, nhưng biết ông là người ai cũng kính sợ, cho nên hắn không dám làm hại.

Đến mùa hạ năm Đinh-hợi, ông mất. Ông vừa 52 tuổi. Vua tặng cho chức « Tả-lý-công-thần đặc tiến Trụ-quốc kim-tử vinh-lộc đại-phu chính-trị thượng-khanh tham-nghị (佐理功臣特進柱國金紫榮祿大夫正治上卿參議), thụy là Văn-định 文定.

Năm Minh-mệnh thứ 20, đức Thánh-tổ-nhân-hoàng-đế ta truy lục công ông, tặng cho chức « Khai-quốc-công-thần vinh-lộc đại-phu hiệp-biện đại-học-sĩ lĩnh Lại-bộ thượng thư (開國功臣榮祿大夫協辦大學士領吏部尚書) đổi tên thụy là Văn-cách 文格 phong là Tân-minh-hầu (新明侯), cho tòng tự ở Thái-Miếu.

Ông là người có tài-lược, khéo quyết-đoán; phàm những lời ông nói ra, đều là những lời trung-trực; khi ông đi dẹp rợ miền nam, thì mở mang bờ-cõi, phủ yên biên-thùy, rất có công to; nghề văn đã giỏi, nghề thơ càng tài. Ông có làm ra tập « *Trạm-am* » để truyền cho đời.

SỰ-TÍCH KHỔNG PHU-TỬ (1)

Hội Trí-tri mở ra cuộc diễn-thuyết mỗi tháng là hai kỳ, cử một người đứng lên, đem chuyện gì có nghĩa-lý mà nói chuyện, trước là để các ngài đến đông đúc cho vui hội, sau là cũng một cái dịp để bổ-ích cho sự kiến-thức chung cả.

Kỳ trước ông Phạm-Quỳnh đã diễn-thuyết về chuyện *Kim-Vân-Kiều*, kể rõ cái tinh-thần và cái tài-tình của trước-giả là cụ Nguyễn-Du, thật là một bài diễn-thuyết rất đích-đáng.

Nay đến lượt tôi, thì tôi lấy làm bối-rối lắm : đem những chuyện lẩm-nhẩm mà nói thì chẳng bõ làm mất công các ngài đến đông-đúc như thế này, mà nói những chuyện khó-khăn xa-lạ, thì sợ cái sức tôi không đủ, lỡ có lầm-lỗi thì làm sao ? Nghĩ đi nghĩ lại tôi lấy làm khó lắm. Sau tôi thiết-tưởng rằng nước mình là một nước theo nho-học đã hơn 2.000 năm nay, đến bây giờ cái phong-trào mới mỗi ngày mỗi khác mà nho-học thì phải nhạt dần dần đi. Chi bằng ta đem chuyện Khổng-phu-tử là ông thánh đạo nho mà nói, để nhắc lại cái sự-nghiệp và cái công-đức của một đấng thánh-nhân đã gây nên cái mối chính-trị và luân-lý của mấy dân-tộc ở phương Viễn-đông này.

Nói chuyện đức Khổng-tử thì chắc các ngài đây có nhiều ông cũng đã biết rồi, chẳng qua là một sự nhắc lại mà thôi ; nhưng trong bọn thiếu-niên ta có nhiều người vì phải theo tân-học, cho nên không có thì-giờ mà biết được chuyện của các đấng thánh-hiền ngày trước. Vậy hôm nay nói chuyện Khổng-phu-tử thì cũng không phải là một sự vô-ích.

Khổng-phu-tử là người nước Lỗ, ở làng Xương-bình, huyện Khúc-phụ, nay thuộc về phủ Duyên-châu phía nam tỉnh Sơn-đông bên Tàu. Ngài là dòng-dõi người nước Tống, tức là vào quãng Khai-phong-phủ tỉnh Hà-nam, đến ông tổ ba đời mới dời sang ở nước Lỗ.

Ông thân-phụ ngài Thúc-lương-Ngật, làm quan võ, lấy người vợ trước để được 9 người con gái mà không có con trai, người vợ lẽ đẻ được người Mạnh-Bì, nhưng lại có tật ở chân. Sau đã già rồi ông Thúc-lương-Ngật mới lấy bà Nhan-thị sinh ra ngài. Ngài sinh vào tháng 10 năm canh-tuất, là năm thứ 21 đời vua Linh-vương nhà Chu, sánh với lịch tây là năm 551 trước Thiên-chúa Gia-tô.

Phàm những bậc vua chúa hay là bậc thánh-hiền đời trước mà đã làm được công cuộc gì to tát, hay là đã gây nên một tôn-giáo nào, thì hậu-thế hay bịa đặt ra một vài chuyện để làm cho những bậc ấy khác với người thường. Đến như chuyện đức Khổng-tử là chuyện một ông thánh dạy người ta lấy sự thực theo cái lý đương-nhiên của trời đất, mà cũng còn có những sự huyền-hoặc như là bà Nhan-thị trước lúc sinh ra ngài thấy có con kỳ-lân nhả tờ ngọc-thư có chữ đề rằng : « Thủy-tinh chi tử, kế suy Chu vi tố vương, 水精之子繼衰周爲素王 », nghĩa là con nhà Thủy-tinh kế nhà Chu đã suy, mà làm vua không ngôi. Bà Nhan-thị lấy làm lạ bèn lấy dây lụa mà buộc sừng con Kỳ-lân lại ; được mấy hôm rồi nó đi mất. Lại có truyện rằng khi sinh ra ngài thì có hai con rồng xuống quấn chung quanh nhà, và có năm ông

(1) Bài diễn-thuyết ở Hội Trí-tri ngày 9 Septembre 1920.

lão là 5 vì sao trên trời xuống đứng giữa sân, mà ở trong phòng bà Nhan-thị thì nghe trên trời có nhạc âm, và có tiếng nói rằng: « Thiên cảm sinh thánh-tử 天感生聖子 » (Trời cảm lòng cầu nguyện cho sinh ra đứa con thánh).

Những chuyện ấy là chuyện huyền người ta đặt ra, ta cũng nên biết thế mà thôi, chứ cũng không nên tin là thực có. Ta chỉ nên biết rằng: Khổng-phu-tử có là thánh, là bởi vì cái công việc của ngài làm, và cái đạo của ngài dạy người ta, chứ không phải tại những điềm ấy mới là thánh đâu.

Bà Nhan-thị có lên cầu tự ở trên núi Ni-khâu, cho nên mới nhân điều ấy mà đặt tên cho ngài là Khâu, và tên chữ là Trọng-Ni. Có sách lại chép rằng ngài sinh ra có cái trán cao và gồ lên, cho nên mới nhân đó mà đặt tên là Khâu.

Ngài lên 3 tuổi thì ông thân-phụ mất. Còn từ lúc nhỏ cho đến lúc khôn lớn, sách chỉ chép rằng: Thủa ngài hãy còn nhỏ chơi với trẻ thường hay bày những đồ tế lễ, và bắt-chước những cách cúng-vái. Một điều nhỏ-mọn như thế, nhưng là một cái quan-niệm lớn khiến ta hiểu được cái bản-tính của ngài trọng về lễ-nghĩa, mà cái đạo của ngài dạy người ta cũng cốt ở sự ễ nghĩa hơn cả.

19 tuổi thì ngài thành gia-thất, nhưng nhà ngài cũng bình-thường, có lẽ nghèo thì phải cho nên ngài có nhận chức Uỷ-lại, là người trông nom sự gặt lương thóc ở kho, rồi lại làm Tư-chức-lại, là người coi chỗ nuôi bò dê để dùng về việc cúng-tế

Lúc ấy tuy ngài còn trẻ tuổi, chức còn nhỏ, nhưng đã nổi tiếng là người sành về việc lễ nghĩa, cho nên quan nước Lỗ là ông Trọng-tôn-Cồ cho con là bọn Hà-Kỵ và Nam-cung-Quát đến học lễ ở ngài

Tính ngài vốn trọng về đường lễ nghĩa, và sùng kính những phép tắc đời xưa, cho nên sự học của ngài chỉ chuyên về mặt khảo-cổ. Thủa ngài 28, 29 tuổi, ngài muốn đi xem chỗ kinh-sư là chỗ vua nhà Chu đóng ở Lạc-ấp, tức là thành Lạc-dương, tỉnh Hà-nam bây giờ. Nhưng vì đường thì xa, mà có lẽ phí-tổn cũng nhiều, cho nên ngài phải trù-tính việc đi kinh. Học-trò ngài là Nam-cung Quát đem việc ấy bẩm với Lỗ-hầu, là vua nước Lỗ. Lỗ-hầu cho xe và ngựa đưa ngài đi.

Vào đến kinh thì ngài đến nhà Minh-đường khảo-cứu những luật phép, những tượng cổ và đồ cổ để chứa trong nhà ấy. Nhà Minh-đường là nhà của ông Chu-công lập ra cũng tự hồ nhà *Mu*[illegible] của Tây bây giờ, để chứa những luật-pháp, những đồ đạc và tượng của các bậc thánh-hiền đời trước. Ngài lại đi xem những chế-độ ở nơi triều-miếu, và những chỗ tế giao, tế xã. Phàm ở đâu có việc gì quan-hệ đến sự tế lễ là ngài cũng đi xem xét tường-tận.

Bấy giờ ở kinh có ai là người có danh tiếng thì ngài cũng đi hỏi mà học về những việc lễ nhạc. Như ngài đến hỏi lễ ông Lão-tử, hỏi nhạc ông Chành-Hoằng.

Ngài ở kinh được ít lâu rồi trở về nước Lỗ. Từ đó cái tiếng ngài đã vang khắp ra cả mọi nơi, cho nên học-trò ngài càng ngày càng đông. Nhưng cái chủ-nghĩa của ngài là muốn giúp đời chứ không muốn chuyên một nghề dạy học-trò mà thôi.

Ta phải biết rằng đạo ngài không phải chủ-sự ẩn-dật, cầu sự đạm-bạc vô-vi như đạo Lão, đạo Phật, đạo ngài là chủ sự hành-động, làm người phải đem

cái trí-lự của mình ra mà làm những điều có ích cho nhân-loại, bởi vậy suốt đời ngài là chỉ muốn gặp được ông vua biết dùng ngài để ngài đem đạo của ngài ra mà thi-hành ở đời. Mà cái đạo của ngài thì ngài chắc là hay, cho nên ngài quả-quyết mà nói với môn-đệ rằng : « 苟有用我者期月而已可也. 三年有成 : Ai dùng ta thì trong mấy tháng đã nên được việc lớn, mà trong ba năm thì việc gì cũng hoàn-toàn được. » Vậy muốn biết cái sự-trạng của Khổng-phu-tử thì phải biết cái tình-thế nước Tầu lúc bấy giờ ra thế nào.

Nước Tầu về đời nhà Chu thì chỉ có một quãng ở vùng sông Hoàng-hà mà thôi, nghĩa là vào chừng độ 5, 6 tỉnh ở bên Tầu bây giờ.

Lúc đầu nhà Chu mới được thiên-hạ thì chia nước ra phong cho những con cháu và những người công thần đến hơn 70 nước làm chư-hầu ; đến đời Xuân-thu là đời đức Khổng-tử thì tính cả thảy đến 160 nước. Những nước ấy to thì bằng một vài tỉnh của ta, nhỏ thì bằng một phủ, một huyện gì đấy. Hãy xem về sau nói rằng Khổng-phu tử đi qua nước Tề, nước Vệ, nước Trịnh, nước Trần, v. v., người không biết thì tưởng đi nước nọ qua nước kia như thế, có lẽ xa-xôi lắm, nhưng xem trong bản-đồ bây giờ thì chẳng qua cũng chỉ quanh-quẩn ở trong tỉnh Sơn-tây và tỉnh Hà-nam mà thôi.

Những nước chư-hầu được quyền tự-chủ trong nước, nhưng phải triều cống vua nhà Chu, và khi có sự chinh-phạt gì thì các nước chư-hầu phải theo mệnh-lịnh của Thiên-tử, mà đem binh đi tòng-chinh. Ấy cái tình-trạng nước Tầu về buổi đầu nhà Chu là thế, nhưng về sau nhà vua suy nhược, chư-hầu nước nọ kiêm-tính nước kia, mệnh-lịnh nhà vua ra không ai tuân kính nữa, mà nhà vua cũng phải khoanh tay mà chịu không làm sao được.

Các nước chư-hầu, hễ nước nào khỏe là nước ấy làm bá cả một phương, như nước Tề, nước Tấn, nước Tống, nước Tăn, nước Sở, nước Ngô, nước Việt, v. v. Sự chiến tranh mỗi ngày một nhiều : hết nước này đánh nước nọ, thì nước nọ đánh nước kia. Thiên-tử thì bị chư-hầu áp-chế ; chư-hầu lại bị quan Đại-phu áp-chế. Dân-sự thì bị giết hại tàn phá, cực khổ vô cùng, trong thiên-hạ không còn có kỷ-cương gì nữa cả. Ấy là một buổi đại-loạn trong nước Tầu vậy.

Trong thời bấy giờ có nhiều người thấy cuộc đời điên-đảo như thế, thường hay lấy sự ẩn-dật làm một chủ-nghĩa, cho cuộc đời là một cái ảo-tưởng, không muốn dính-giáng đến làm gì. Nhưng đức Khổng-tử ngài không nghĩ thế, ngài cho cái bụng yếm-thế của các bậc ẩn-dật ấy là một cái tội đối với xã-hội, vì người ta ai cũng có nghĩa-vụ đối với đời, mà trốn không làm cái nghĩa-vụ của mình tức là một điều không hợp với đạo làm người.

Ngài càng thấy cuộc đời loạn-lạc, phong tục bại-hoại, thì ngài càng muốn ra sức mà đổi loạn ra trị. Ngài nói rằng : « Nếu thiên-hạ đã thịnh rồi, thì ta đây có cần gì phải cải-lương nữa. 天下有道丘不與易也. »

Muốn làm được việc cải-lương ấy thì tất phải có quyền-thế mới làm được, chứ chỉ lấy lời mà nói không thì không bao giờ thành công được. Bởi vậy ngài cố tìm được ông vua nào biết ngài, mà giao cho ngài cái quyền-tước để sửa đổi cái phong-tục và việc chính-trị thời bây giờ

để làm cái gương cho các nước khác bắt-chước.

Khốn thay! ông Trời đã sinh ra đấng Thánh-nhân mà lại không cho đấng Thánh-nhân được cơ-hội để thi-hành cái đạo của mình, thành ra từ khi ngài ở kinh về nước Lỗ, vua nước Lỗ không biết dùng ngài. Được mấy năm nước Lỗ lại loạn ngài phải bỏ sang nước Tề. Vua nước Tề là Tề-hầu đón ngài đến hỏi việc chính-sự, ngài nói chuyện gì cũng vừa ý Tề-hầu, Tề-hầu đã toan lấy đất Ni-khê mà phong cho ngài, nhưng bấy giờ có quan đại-phu nước Tề là Yến-Anh không thuận, can-ngăn Tề-hầu không cho. Ngài thấy thế bèn bỏ nước Tề về nước Lỗ, Bấy giờ ngài đã 35, 36 tuổi rồi, ngài về nước dạy học-trò và luyện-tập thêm cho hoàn-toàn cái đạo mình.

Mãi đến năm thứ 19 đời vua Kính-vương nhà Chu, ngài đã 51 tuổi, vua nước Lỗ dùng ngài làm quan Trung-đô-tể, tức như là quan phủ-doãn ở chỗ kinh-thành. Được một năm ngài làm quan Đại-tư khấu, tự hồ như bây giờ là quan Thượng-thư bộ Hình.

Bấy giờ là một cái cơ-hội cho ngài để thi-hành những sự cải-lương. Ngài đặt ra luật lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ, đặt ra pháp tắc để tống-táng người chết, lớn nhỏ phân-biệt, trai gái không lẫn-lộn. Cứ như sử Tầu chép thì cái chính-sách của ngài thành được cái hiệu-quả rất to, trong nước thịnh trị, người đi ngoài đường thấy của rơi không nhặt, kẻ gian-phi không có, hình-pháp đặt ra không hề phải dùng đến.

Ngài làm Đại-tư-khấu được 4 năm, vua nước Lỗ cho ngài nhiếp-tướng-sự, nghĩa là để ngài quyền-nhiếp việc quan tể-tướng. Được 7 ngày thì ngài giết người Thiếu-chính-Mão, là một người gian-ác thời bấy giờ, được ba tháng thì việc cải-lương của ngài thật là hoàn-toàn: việc gì cũng có trật-tự, con trai thì chuộng trung-tín, con gái thì chuộng trinh-thuận. Cái cảnh thịnh-trị thật là rực-rỡ lắm.

Ấy là lời của nhà làm sử Tầu chép lại như thế. Dẫu thế nào mặc lòng, cũng vì ngài khéo trị nước Lỗ, cho nên nước Tề là nước lân bang sợ nước Lỗ thịnh lên thì làm nguy cho mình, bèn tìm cách để phá hoại những công việc của ngài. Nước Tề chọn lấy 80 người con gái ăn mặc rất đẹp, múa hát rất giỏi, và 30 con ngựa tốt đem sang bày ở cửa Nam-thành nước Lỗ để dâng cho vua nước Lỗ.

Thời bấy giờ các nước Chư-hầu có nhiều nước có vua và lại có quan đại-phu, là một bậc quyền-thần trong nước, cũng hơi giống như vua Lê chúa Trịnh của ta ngày trước. Quan đại-phu nước Lỗ là Quí-tôn-Tư đi ra xem hai ba lần, và có ý muốn nhận những đồ ấy, bèn vào bầm với Lỗ-hầu và đem Lỗ-hầu ra xem. Lỗ-hầu xem lấy làm thích lắm, bỏ việc ba ngày không ra thính-chính.

Khổng-phu-tử thấy vua vì sự vui chơi bỏ trễ việc nước như thế chắc là việc gì cũng hỏng cả, ngài bèn từ chức mà bỏ sang nước Vệ. Ngài cũng tưởng rằng vua nước này không dùng được ngài có lẽ vua nước khác dùng được, cho nên ngài đi hết nước nọ qua nước kia. Trong mấy ông vua đã đón rước ngài, ông thì thấy công việc to quá, sợ làm không nổi, nói thoái-thác là tuổi đã già rồi, thi-hành cái đạo của ngài không kịp nữa; ông thì bị những quan đại-phu sợ ngài tranh-đoạt mất quyền lợi, xui đừng dùng ngài.

Lại có một lẽ tại làm sao mà các nước Chư-hầu không dám dùng ngài là thời bấy giờ các nước Chu-hầu còn muốn lấn

quyền của Thiên-tử, mà cái chủ-nghĩa của ngài thì lại cốt tôn phù ngôi Thiên-tử, giảm bớt cái quyền của Chư-hầu. Ngài nói rằng : « 天下有道則禮樂征伐自天子出, 天下無道則禮樂征伐自諸侯出. Nghĩa là việc lễ nhạc, sự chinh phạt ở Thiên-tử ra thì thiên-hạ trị, việc lễ nhạc sự chinh phạt ở các nước Chư-hầu ra thì thiên-hạ loạn. » Vì cái chủ-nghĩa của ngài như thế cho nên công việc của ngài lại càng khó lắm nữa.

Ngài ở nước Vệ được 10 tháng, vua nước Vệ không dùng, ngài định sang nước Trần, đi qua đến nước Khuông ; người nước Khuông nhận lầm ngài là người Dương-Hổ (1), bèn đến vây chỗ ngài ở để bắt. Lúc ấy trong bọn môn-đệ theo ngài có thầy Tử-Lộ muốn ra kháng-cự, nhưng ngài không cho, ngài bảo thầy Tử-Lộ đánh đàn mà hát để ngài cùng họa với. Người nước Khuông nghe tiếng đàn hát biết là lầm mới giải vây rút quân về.

Ngài thấy đi mà gặp sự ngăn-trở như thế, lại trở về nước Vệ. Lần này vua nước Vệ, có người vợ tên là Nam-tử nhan-sắc rực-rỡ, mà lại dâm-đãng vô cùng. Nàng ấy muốn tiếp ngài, trước ngài đã từ chối, nhưng sau bất-đắc-dĩ ngài phải đến hầu chuyện, vì rằng theo tục bây giờ ai đã đến nhận chức gì ở nước nào, thì ra mắt vợ ông vua nước ấy. Thầy Tử-Lộ thấy thầy vào hầu Nam-tử lấy làm không bằng lòng. Ngài phải thề rằng : « Nếu ta có làm điều trái đạo, thì trời bỏ ta 子所否者天厭之天厭之 » — Vua nước Vệ lại chiêu nàng Nam-tử, bắt ngài đi xe theo trong thành-phố, người ta trông thấy ai cũng cười, có người chê báng nói rằng : « Kìa cái đạo-đức chạy theo cái nhan-sắc kia kìa ! » Ngài cũng lấy làm xấu hổ mà than rằng : « 吾未見好德如好色者也. Ta chưa thấy ai yêu điều đạo-đức được như là yêu cái nhan-sắc. »

Ngài ở nước Vệ phải những điều khó chịu như thế, cho nên sang năm sau ngài bỏ qua nước Tống, lại bị quan Tư-mã nước Tống là Hoàn-Khôi muốn giết ngài, ngài lại bỏ sang nước Trần.

Ngài ở nước Trần được 3 năm, vua nước Trần đãi ngài cũng tử-tế, nhưng nước Trần cứ bị giặc-dã luôn, ngài lại trở về nước Vệ.

Sách *Gia-ngữ* nói rằng khi ngài ở nước Trần về nước Vệ đi qua đất Bồ, bị họ Công-Tôn là phản-thần nước Vệ giữ ngài, bắt ngài phải thề không được trở lại nước Vệ, thì nó mới cho đi. Ngài phải thề nó. Nhưng ngài đi khỏi đất Bồ lại quay về nước Vệ, những môn-đệ thấy ngài trái với lời thề như thế ai cũng lấy làm ngạc-nhiên mà hỏi ngài, thì ngài đáp lại rằng : « Người ta bắt ép mình mà mình phải thề, thì lời thề ấy có phải là cái nghĩa đâu mà ta phải giữ. » Chỗ này các nhà bác-sĩ bên Tây xem đến đấy ai cũng lấy làm lạ cho lời ông Thánh dạy người ta bội-minh như thế. Cứ cái lý đương-nhiên thì điều ấy không được chính thật, nhưng phải biết rằng Khổng-phu-tử không chuyên dạy người ta một đường chấp-kinh mà thôi, ngài vẫn cho người ta được có lúc tòng-quyền. Vả chăng sự gì mà bị người ta ức-hiếp là việc bất-đắc-dĩ, chứ có phải tự bản-tâm mình đâu.

Ngài về nước Vệ, vua nước Vệ vẫn trọng đãi ngài, nhưng vẫn không dùng ngài.

---

(1) Dương-Hổ là một người tàn-bạo người nước Khuông ghét lắm.

Lúc bấy giờ xem chừng như ngài có ý buồn-bực lắm. Sách *Khổng-tử gia-ngữ* có chép rằng : « Một lần ngài đi sang nước Trịnh, thầy trò lạc mất cả, ngài đi lơ-phơ một mình ở ngoài cửa thành. Học-trò ngài là thầy Tử-Cống đi tìm gặp một người, hỏi thì người ấy nói rằng : ở cửa Đông có một người hình-dáng là thế, mà *lũy nhiên như táng gia chi cẩu* 纍然如喪家之狗, nghĩa là ngơ-ngác như con chó mất chủ. Thầy Tử-Cống, sau đem chuyện ấy thuật lại cho ngài nghe, ngài mỉm cười mà thở dài rằng : Hình-dáng thì không đúng, nhưng nói giống như con chó thì thật phải, thật phải! » Nghe lời ấy thì biết cái bụng ngài buồn-bã là bao nhiêu ! Ngài đi nước nọ qua nước kia, chỉ muốn dùng cái đạo của mình mà giúp đời, mà mãi không thành công gì cả, thì cũng buồn thật. Ngài đi đi về về nước Vệ lần ấy đã là ba lần rồi, mà vua nước Vệ vẫn không dùng. Ngài thì một tuổi một già, có lúc ngài bực mình đã toan sang giúp người bạn-thân là Phật-Bật. Bấy giờ có thầy Tử-Lộ hỏi ngài rằng : « Ngày trước đệ-tử được nghe Phu-tử dạy rằng : người quân-tử không có nhập đảng với người nào đã làm điều bất thiện, nay ngươi Phật-Bật lấy đất Trung-mâu, làm sự phản-nghịch, mà Phu-tử lại định sang giúp nó là nghĩa làm sao ? — Ngài trả lời rằng : « Ta có nói điều đó thật, nhưng ta cũng có nói rằng vật gì đã cứng, thì dẫu có mài cũng không mòn được, mà vật gì đã trong sạch thì dẫu có dấn vào chỗ đen chỗ bẩn, cũng không đen và bẩn được. Ta đây há lại là quả dưa chỉ để treo mà không ăn được hay sao ? » Ý ngài muốn nói rằng ngài là người ngay người chính, tuy có theo giúp ngươi Phật-Bật là người phản-thần để khiến nó bỏ tà sang chính thì cái lòng ngay chính của ngài có mất đâu. Làm người thì phải đem cái tài-trí của mình ra mà dùng, chứ để bỏ mất không hay sao ? Ngài nói thế nhưng rồi ngài cũng không đi. Sau ngài lại định sang với quan đại-phu nước Tấn là Triệu-Ưởng, nhưng đi đến sông Hoàng-hà nghe tin ngươi Đậu minh-Độc và ngươi Thuấn Hoa chết, ngài lại trở về nước Vệ.

Ngài ở nước Vệ lần này được non ba năm, một hôm vua nước Vệ mời ngài đến bàn việc binh. Đang ngồi nói chuyện, vua nước Vệ thấy đàn chim nhạn bay trên trời, ngửng lên trông không nghe chuyện ngài nói. Ngài thấy vua nước Vệ không có ý dùng ngài, ngài bèn bỏ đi sang nước Trần. Ngay năm ấy quan Đại-phu nước Lỗ là Qui Tôn-Tử chết, dặn con là Qui Tôn-Phì đón ngài về làm tướng giúp nước. Người con không nghe lời dặn ấy, lại cho đón người học trò ngài là thầy Nhiêm-Cầu. Được ít lâu ngài bỏ nước Trần đi sang nước Thái, qua đến nước Giệp thì vua nước Sở cho người đi đón ngài và định lấy 700 dặm đất mà phong cho ngài, nhưng lại bị quan lịnh-doạn là Tử-Tây can ngăn đi, ngài lại trở về nước Vệ, lần này nữa là lần thứ năm.

Từ đó ngài thấy đi đâu cũng chẳng thành công gì, ngài bèn ở nước Vệ đến 5, 6 năm. Mãi đến khi ngài đã 68 tuổi, quan đại-phu nước Lỗ là Qui Tôn-Phì cho người sang đón ngài về nước Lỗ. Ngài bỏ nước Lỗ đi tất cả là 14 năm. Bấy giờ ngài cũng biết mình đã già rồi, cho nên ngài cũng không cầu ra làm quan nữa. Ngài chỉ chuyên về việc dạy học-trò và làm sách. Ngài soạn lại kinh *Thư*, là một bộ sách cổ nhất nước Tầu ; sách ấy chép những chuyện quan-hệ đến quyền-lợi và nghĩa-vụ của vua quan và của thứ-dân,

và những pháp luật từ đời thượng-cổ đến đời Đông-Chu là thế nào.

Ngài xếp đặt lại kinh *Thi* chép những lời ca-giao quan-hệ đến phong-tục và chính-trị của nhà Chu và của các nước chư-hầu về đời bấy giờ. Ngài chỉnh lại kinh *Lễ* và kinh *Nhạc*, là hai bộ sách chép những lễ như là lễ tế trời, tế đất, và hôn, tang, v. v. và những ca-nhạc trong lúc tế tự và vui mừng. Ngài cắt nghĩa kinh *Dịch* là một bộ sách thuộc về môn lý-học của đời trước để lại, nói về lẽ âm-dương để giải-thích cái hiện-tượng của trời đất và muôn vật.

Ngài làm một bộ sử gọi là kinh *Xuân-thu* chép chuyện nước Lỗ và chuyện các nước đời bấy giờ kể từ ông Mục-công cho đến ông Ai-công nước Lỗ, cả thảy là 12 đời và 242 năm (722-481). Khi ngài đang làm bộ sách này thì người nước Lỗ đi săn bắt được con kỳ-lân quẻ một chân, ai cũng cho là điềm không lành, đem bỏ ra ở ngoài đồng. Ngài đi xem trông thấy thì bưng mặt mà khóc rằng: « Ngô đạo cùng hĩ 吾道窮矣 », nghĩa là cái đạo của ta cùng rồi. Kinh *Xuân-thu* chép đến chuyện ấy là hết.

Khi chưa sinh ngài thì có Kỳ-lân ra nhả ngọc-thư, nay ngài sắp mất thì Kỳ-lân ra mà lại quẻ một chân. Vậy con Kỳ-lân ấy quan-hệ đến cái số-hệ của ngài là thế nào thì ta không biết, mà con Kỳ-lân ra thế thế nào thì dễ thường xưa nay cũng chưa ai trông thấy.

Lúc bấy giờ học-trò ngài có đến 3.000 người, mà những bậc tinh-thông được lục-nghệ thì được 72 người. Ngài dạy học-trò đông thế mà ai cũng tôn-kính và yêu-mến ngài như là cha sinh ra vậy.

Một buổi sáng thầy Tử-Cống trông thấy ngài vắt tay sau lưng kéo lê cái gậy, thủng-thỉnh đi ngoài cửa ngâm rằng:

Thái-sơn đổ,
Lương-mộc nát,
Triết-nhân sắp đã héo tàn hay sao?

Hát xong, ngài vào, bệnh mỗi ngày một nặng được bảy ngày thì mất. Bấy giờ là năm thứ 41, đời vua Kinh-vương nhà Chu, tức là năm 478 trước Thiên-chúa Gia-tô giáng-sinh.

Học-trò ngài thương tiếc vô-cùng để tâm-tang ba năm. Thầy Tử-Cống làm nhà trên mộ ở đến sáu năm mới thôi.

Mộ ngài nay ở chỗ gọi là Khổng-lâm, cách huyện Khúc-phụ hai dặm, có cây cối sầm-uất, nay người ngoại-quốc đi viếng thăm cũng nhiều.

Ấy cái lịch-sử của Khổng-phu-tử trước sau là thế, ta có biết rõ cái lịch-sử ấy thì ta mới hiểu được cái đạo của ngài chủ về điều gì.

Đạo Khổng-phu-tử là đạo luân-lý, lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, làm ngũ-thường mà dạy người ta ở đời, lấy vua tôi, cha con, vợ chồng làm tam-cương mà ràng-buộc cái nhân-luân ở trong xã-hội. Ngài chủ lấy những điều quan-hệ đến sự người ta làm ăn mà dạy người, chứ không nói đến sự viển-vông khó-khăn, hoặc là điều cao xa kỳ-dị. Môn-đệ ngài nói rằng: « Phu-tử không nói đến những sự quái lạ, những việc bạo-hành, những việc phản-bội và những việc quỉ-thần, 子不語怪, 力, 亂, 神. » Cái nền luân-lý của ngài là ở trong tâm-tính người ta, chứ không ở đâu xa. Muốn sửa người ta thì lấy những việc người ta hằng làm, hằng trông thấy mà dạy người ta là được. Ngài nói rằng: « *Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo* » 道不遠人, 人之爲道而遠人, 不可以爲道: Cái đạo không xa cái tính tự-nhiên người ta, hễ vì cái đạo mà làm cho người ta xa cái tính tự-nhiên của mình, thì không phải là đạo.

Nếu lấy việc người mà dạy người, thì phải lấy việc gì làm gương, lấy ai làm tiêu-biểu để cho người ta noi-theo mà bắt-chước? Chỉ có những bậc đế-vương đời trước đã làm những việc rất lành, rất hay, thì ta cứ nên bắt-chước những bậc ấy mà làm. Đế-vương đời trước thì sùng-bái quỉ-thần, ta nay cũng sùng-bái quỉ-thần. Nhưng việc quỉ-thần là việc khó, ta chỉ sùng-bái mà thôi, chứ cũng không cần biết cho rõ có quỉ-thần hay là không. Mà biết thế nào được? Mình chưa biết thờ người thì đã biết thờ thế nào được quỉ-thần. Vả chăng những bậc thánh-nhân đời trước, là bậc sánh ngang với trời đất mà còn chưa biết được quỉ-thần, thì ta biết làm sao được, mà muốn biết cho mất công. Bởi vậy ngài nói rằng: « Quỉ-thần kính nhi viễn chi ». 鬼神敬而遠之: Quỉ-thần thì cứ kính thờ, nhưng không nên gần.

Không những là việc sùng-tín mà thôi, đến việc tề gia trị-quốc cũng nên theo cổ. Vì rằng theo cổ thì mình đã biết những việc cổ-nhân làm đã có công-hiệu là thế nào rồi, chứ những việc mới chưa tằng làm bao giờ thì cái kết-quả nó ra làm sao, mình chưa biết được; thành ra cứ theo những điều hay của cổ-nhân mà làm thì hơn.

Nhưng đây ta phải hiểu rằng cái ý sùng-cổ của Khổng-phu-tử là muốn viện cái thế-lực cổ-nhân để khiến người ta làm điều hay điều lành cho dễ, chứ không phải là ngài chuyên hẳn về một mặt thủ-cựu. Chính ngài cả đời chỉ muốn có cái quyền-tước để cải-lương việc đời. Tuy việc gì ngài cũng nhắc đến Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, nhưng ngài muốn theo là theo cái cách của những đấng thánh-nhân ấy đã dùng mà sửa-đổi việc đời, chứ không phải là cổ-nhân đã định ra thế nào thì cứ thế mà theo. Ngài muốn cho người ta ai cũng như vua Thang để vào cái thùng tắm, là chỗ ngày nào mình cũng trông thấy, rằng: « Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân » 苟日新日日新又日新. Nghĩa là một ngày là một mới, ngày ngày càng mới thêm, đã mới rồi lại mới nữa. Cái tôn-chỉ của Khổng-phu-tử là thế, không biết về sau làm thế nào mà hiểu lầm, rồi chỉ thiên về một mặt thủ-cựu hẹp-hòi. Cái lối thủ-cựu của Tầu và của ta là cũng do sự hiểu lầm ấy, cho nên mới thành ra một sự ngăn-trở cho sự tiến-bộ ở phương Á-đông này. Phàm đã thiên về mặt thủ-cựu thì làm việc gì cũng trông gương cổ mà bắt-chước: bắt chước được đúng lắm là hay lắm; bắt chước được đúng vừa là hay vừa. Thành-thử cái hay của mình chỉ hay được bằng cái hay đời trước mà thôi, chứ không hay hơn được. Như thế thì còn tiến-bộ làm sao được. Một cái sự học lầm ấy làm cho xã-hội của mình phải thiệt-thòi biết bao nhiêu!

Khổng-phu-tử thì thật có lòng sùng-bái những bậc thánh-quân hiền-tướng đời trước, vì rằng những bậc ấy đã đem những việc hay việc lành khiến cho thiên hạ được sung-sướng thái-bình. Nhưng mà những bậc ấy bao giờ cũng là cái phần ít ở trong loài người ta. Bởi vậy cho nên về đường chính-trị, ngài chỉ muốn lọc lấy cái phần ít rất hay rất tốt mà giao cho giữ lấy quyền-bính, để trị thiên-hạ, như là giao cầm lấy bó đuốc để soi cho thiên-hạ biết đường mà đi vậy. Cái phần ít ấy tức là bậc thượng-lưu trong xã-hội, tức là người học rộng tài cao, người đạo-đức, biết lấy điều nhân-nghĩa mà ăn ở với người ta. Cái phần ít ấy là người hiểu được thiên-lý và suất được nhân-sự, cho nên phải để cho cái phần ít ấy sai khiến người ta. Còn cái phần nhiều là người thường-dân thì chỉ

nên noi-theo những người ấy mà ăn ở thì chắc là thiên-hạ được thịnh-trị. « Dân khả sử do chi, nhi bất khả sử tri chi 民可使由之而不可使知之 » chính là cái nghĩa như thế.

Những người được quyền cai-trị người ta không phải là bởi mình đã được cái địa-vị ấy, thì muốn làm gì thì làm đâu ; phải theo cái *mạnh trời* mà đối với những kẻ chịu quyền cai-trị của mình. Đạo làm người là ai cũng phải cố-gắng để khiến mình thành được chí-thiện.. Mà người có chí-thiện thì trời mới giao cái quyền cho được trị thiên-hạ. Nhưng « duy mệnh bất vu thường, đạo thiện tắc đắc chi, bất thiện tắc thất chi ». 惟命不于常，道善則得之，不善則失之. Nghĩa là cái quyền ấy không có nhất định, đã cho ai thì cho mãi đâu, ai cố mà làm điều lành thì trời mới cho, mà không làm điều lành thì trời cất đi không cho nữa. Vậy làm ông vua hay là ông tướng, tuy rằng có cái oai-quyền rất to, cái thế-lực rất mạnh, nhưng trời vẫn không cho được dùng cái oai-quyền, cái thế-lực ấy mà làm điều ác điều bậy. Hễ ông vua nào không chịu theo mạnh trời thì trời khiến lòng người tỏ cho ông vua ấy biết là mình đã làm điều không phải, nếu không sửa đổi đi thì chắc là có tai-vạ.

Mà ông trời thì ở đâu ? « Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính » 天視自我民視，天聽自我民聽. Dân trông thấy là trời trông thấy, dân nghe thấy là trời nghe thấy : Trời tức ở dân.

Xem như thế thì cái chính-trị của Khổng phu-tử tuy vốn là cái chính-trị quân-chủ, mà tựu-trung có cái phần dân-quyền rất to. Bởi vậy những ông vua những nước theo nho-giáo, tuy là áp-chế, nhưng không có mấy ông áp chế thái-quá như các nước khác.

Khổng-phu-tử thường hay bàn về chính-trị, vì rằng ngài cho là một sự rất quan-hệ đến vận-mệnh của xã-hội. Nhưng ngài có một cái quan-niệm rằng chính-trị dẫu hay đến đâu mà phong-tục trong nước không tốt, trật-tự không rõ-ràng, tôn-ti không phân-biệt, thì không sao tránh khỏi được sự biến-loạn. Bởi vậy nhất-thiết điều gì ngài cũng lấy lễ làm trọng.

Lễ là cái kỷ-luật để ràng buộc cái phong-tục, khiến cho sự hành-vi của người ta ở trong xã-hội bao giờ cũng có cái nền-nếp. Mà phàm những lễ-nghi là không phải cái qui-thức của một ai tự đưng đặt ra được ; lễ-nghi là do những bậc thánh-hiền đời trước xướng-suất lên, rồi đời nọ qua đời kia, đã sửa sang lại, cho nên người ta đã nói theo một cách rất cung-kính. Có sự cung-kính thì mọi người ai cũng phục-tùng, chứ không phải cưỡng-bách. Vì rằng dẫu có luật-pháp nghiêm-khắc thế nào thì cũng chỉ làm cho người ta sợ ở bề ngoài mà thôi, chứ trong bụng người ta không phục. Bụng người ta đã không phục thì làm cái gì cũng là giả-dối, không phải là đạo-đức nữa.

Bởi thế cho nên Khổng-phu-tử trọng lễ lắm, ngài dạy ai thì cũng : « tiên học lễ nhi hậu học văn, 先學禮而後學文 », có biết lễ rồi thì mới nên biết văn-chương xảo-kỹ. Đã là lễ thì trên phải ra trên, dưới phải ra dưới, cái địa-vị ai ở đâu phải ở đấy, không có hỗn-độn được. Nhưng cứ một lễ không thì nhân-loại ở với nhau phân-biệt quá, phải có cái gì cho nó có thể hòa trên với dưới được, khiến cho người ta ở với nhau tuy phân nhưng vẫn hợp, tuy trên dưới khác nhau, nhưng vẫn là một đoàn-thể. Ai cũng có cái nghĩa-vụ phải làm, rồi vui cùng vui, khổ cùng khổ, ai ai cũng cùng với nhau mà hưởng-thụ cái kết-qu

về sự hành-vi của cả đoàn-thể. Cái để hòa trên dưới ấy tức là *nhạc*. « Lễ dĩ kính vi bản, nhạc dĩ hòa vi bản, 禮以敬爲本樂以和爲本,» cái chủ-nghĩa *lễ nhạc* là cốt ở sự kính và sự hòa. Hễ có kính mà có hòa thì việc gì cũng có trật-tự mà lại êm-đềm, không có phiền-phức chút nào cả.

Ấy là cái đạo của Khổng-phu-tử về đàng xã-hội là thế, bao giờ chính-trị và luân-lý cũng là một, mà không là một nữa, thì cũng là phải phụ thuộc vào với nhau một cách rất mật-thiết. Có luân-lý thì chính-trị mới có nghĩa mà có chính-trị thì luân-lý mở mang ra được.

Còn cái đạo của Phu-tử về đường tu-thân thì ngài chỉ lấy sự *thành* 誠. « Thành giả thiên chi đạo giả, thành chi giả nhân chi đạo giả, 誠者天之道也,誠之者人之道也»: sự hoàn-toàn là đạo của trời, sự cố gắng của mình cho được hoàn-toàn là đạo của người. Nghĩa chữ thành là hoàn-toàn.

Cứ như cái ý-kiến của ngài thì người ta bẩm-sinh ra vốn đã có tính lành, vì mình không giữ gìn để cái dục-tình nó đè nén, làm cho cái tính thành ấy suy nhược đi. Vậy muốn sửa mình thì phải học tập để nhận biết được cái bản-tính của mình, nhận biết được cái bản-tính của mình là lành thì tự khắc là mình biết được cái nghĩa-vụ của mình ở đời là thế nào. Đối với thân mình thì phải « thành kỳ ý, chính kỳ tâm, tu kỳ thân, 誠其意,正其心,修其身», khiến cho người ta càng ngày càng lên cho đến gần bậc chí-thiện chí-đạo. Làm việc gì cũng phải lấy việc nghĩa làm đầu. Thấy việc nghĩa mà không làm là người hèn. Bởi vậy kẻ chí-sĩ hoặc người quân-tử không có tham sống mà hại đạo ; có khi xả thân đi mà làm cho trọn đạo cũng nên, 志士仁人無求生以害仁,有殺身以成仁.»

Phàm là người đã biết trọng nghĩa thì biết khinh lợi, bởi vậy cho nên bao giờ người quân-tử cũng trọng nghĩa, mà tiểu-nhân thì trọng lợi (君子喻於義小人喻於利).

Người ta đối với sự phú-qui thì ai chẳng muốn, nhưng nếu theo đường chính mà không được, thì không nên cầu làm gì ; người ta đối với sự bần-tiện ai chẳng sợ, nhưng nếu theo đường chính mà phải bần-tiện thì cũng không nên sợ làm gì. Người quân-tử không bao giờ thấy điều lợi mà quên được việc nghĩa. Thường làm sự phi-nghĩa mà được phú-qui thì đành chịu bần-tiện còn hơn. Bởi vậy Phu-tử nói rằng : « Ăn gạo xấu uống nước lã, gấp cánh tay làm gối nằm, như thế cũng còn sung sướng ; chứ cái phú qui bởi sự phi-nghĩa mà được thì ta coi như đám phù-vân vậy. »

Ấy là đạo làm người đối với thân mình thì phải tu-tỉnh cho nên người hoàn-toàn, đối với công việc mình làm thì phải trọng việc nghĩa hơn việc lợi. ở trong gia-đình thì phải có hiếu để : hiếu là thờ kính cha mẹ, để là tôn nhường kẻ huynh-trưởng, hòa thuận với kẻ dưới mình. Phụ từ, tử hiếu, phu xướng, phụ tòng, ấy thế là một nhà hoàn-toàn. Còn đối với mọi người thì Phu-tử nói rằng: «Tứ hải chi nội dai huynh đệ, 四海之內皆兄弟», người trong bốn bể đều là anh em cả, ta phải thương yêu nhau, điều gì ma mình không muốn người ta làm cho mình thì mình đừng có làm cho ai bao giờ. Ăn ở với người ta thì cốt lấy sự tín-cẩn thành-thực, không có lừa đảo dan dối ai bao giờ. Ai giữ được bấy nhiêu điều thì có thể thành được người đạo-đức hoàn-toàn.

Đấy là nói đại-lược cái đạo của Khổng-phu-tử là thế. Các ngài xét đấy thì biết rằng đạo Phu-tử là một đạo xử-thế, chứ không có điều gì cao-xa sớt cả. Mà không phải là ngài không biết được điều cao-xa, nhưng cái chủ-ý của ngài là chỉ muốn lấy những điều bình-thường giản-dị để dạy người ta, để ai ai cũng hiểu được, và lại có thể thích-hợp với sự thực hơn là nói những chuyện viển-vông. Việc gì ngài cũng lấy trung-dung làm quí chứ không muốn điều gì thái-quá. Ngài nói rằng: « Người quân-tử phải tùy cái địa-vị mình mà khiến sự ăn ở của mình, đừng có muốn điều gì quá ra ngoài cái cảnh-ngộ của mình : phú-quí thì mình ăn-ở theo cái cảnh-ngộ phú-quí, bần tiện thì mình ăn-ở theo cái cảnh-ngộ bần-tiện, ở với mọi rợ thì phải ăn ở hợp với cái cảnh-ngộ mọi rợ ; lâm hoạn-nạn thì phải theo cái cảnh-ngộ hoạn-nạn. Bất-kỳ ở đâu, người quân-tử vào cái cảnh-ngộ nào cũng giữ được trọn cái bổn-phận của mình cả (君子無入而不自得焉).

Đến việc dậy người ta làm điều lành, Phu-tử cũng giữ lấy đạo Trung dung. Có một người hỏi ngài rằng: « Lấy đức mà báo oán thì sao ? » Ngài trả lời rằng : « Thế thì lấy gì mà báo đức ? Chỉ nên lấy thẳng mà báo oán, lấy đức mà báo đức 以直報怨以德報德.» Điều ấy thì thật là vừa vặn, thật là trung dung, khác với những người nói lấy đức mà báo oán thì cao quá, e nhiều người không làm nổi ; hay là nói lấy oán mà báo oán thì thấp quá, không nên làm,

Người ta bảo : tam tư nhi hậu hành 三思而後行, ngài bảo rằng : tái tư khả hĩ, 再斯可矣. Làm việc gì mà nghĩ qua một lần thì không được kỹ, nghĩ đến ba lần thì quá, thành ra quẩn, nghĩ hai lần thì phải.

Cái đạo của ngài êm-ái dịu-giàng như thế cho nên những người thân-cận như là môn đệ ngài ai cũng yêu-kính ngài một cách rất khác thường. Chẳng thế mà khi ngài mất rồi hơn 3.000 học-trò đều để tâm-tang ba năm, có người thương khóc ngài hơn là thương khóc cha mẹ. Một người có cái đức-vọng to-tát như thế, không những là làm cho người đương thời phải cảm-phục, mà đến muôn đời về sau càng ngày người ta càng cảm-phục hơn, như thế thì chỉ bậc chí-thánh không có ai nữa.

Ngài mất rồi đạo ngài cũng chia ra năm bảy phái, nhưng cốt nhất là phái thầy Tăng-Sâm làm đầu, và phái thầy Tử-Hạ làm đầu. Thầy Tăng-Sâm làm sách *Đại-học* rồi truyền đạo cho cháu Khổng-phu-tử là thầy Khổng-Cấp, làm sách *Trung-dung*. Thầy Khổng-Cấp lại truyền đạo cho thầy Mạnh-Kha tức là Mạnh-tử. Phái này là phái chính, nhưng chỉ truyền đến thầy Mạnh-tử thì hết. Về sau hậu-nho theo phái Mạnh-tử, nhưng cứ mỗi ngày một hẹp lại, nhất là đến Tống-nho là bọn ông Trình Gi, và ông Chu-Hi thì đạo nho thành ra đạo thủ-cựu, làm cho ngăn-trở sự tiến-hóa. Còn phái thầy Tử-Hạ thì về sau cũng chia ra làm mấy phái, một phái thì truyền cho Tuân-Khanh, Tuân-Khanh truyền cho bọn Hàn-Phi, Lý-Tư là bọn pháp-gia. Một phái thì truyền cho Điền-tử Phương, Điền-tử Phương truyền cho Trang-tử, rồi sáp-nhập vào phái Lão-gia.

Những sách vở của ngài làm ra hay là sửa-sang lại, thì có 6 kinh là kinh *Thi*, kinh *Thư*, kinh *Lễ*, kinh *Nhạc*, kinh *Dịch*, và kinh *Xuân-thu*. Những kinh ấy trừ kinh *Nhạc* ra, thì tôi đã nói qua những cái đại-ý cho các ngài nghe lúc nãy rồi.

Về sau, khi ngài mất rồi các môn-đệ mới thuật những lời ngài dạy bảo, chép thành một quyển sách gọi là *Luận-ngữ*. Quyển sách này tuy rằng chép lỗ mỗ không ra cương ra mục gì, nhưng xem kỹ thì cũng biết rõ cái tôn-chỉ Khổng-phu-tử. Sau đến thầy Tăng-tử, tức là thầy Tăng-Sâm làm sách *Đại-học*, giải bày cái lẽ người ta phải học tập cho cách-vật tri-tri để chính-tâm, tu-thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ. Rồi đến thầy Tử tư, tức là thầy Khổng Cấp làm sách *Trung-dung* giảng rõ cái nghĩa đạo trung-dung của Khổng - phu - tử. Sau cùng là thầy Mạnh-tử làm sách *Mạnh-tử*, thuật những điều chính thầy Mạnh-tử đã đối đáp với vương hầu lúc bấy giờ, hoặc là đã giảng dạy cho môn-đệ. Thầy Mạnh-tử cũng theo cái tôn chỉ của Khổng phu-tử mà phu-diễn thêm ra để dạy người ta lấy điều nhân nghĩa. Trong chư-hiền kế đạo-thống của Khổng-phu-tử thì có thầy Mạnh-tử là người thấc-mắc hơn và lại hiểu được đạo của ngài hơn cả. Văn-từ lại hoạt-bát, ngôn-ngữ hùng-biện, cho nên hậu-thế gọi là á-thánh.

Sáu quyển sách của Khổng-tử để lại gọi là *lục-kinh*, còn 4 quyển sách của các môn-đệ làm ra gọi là *tứ thư*. Nhưng sách ấy truyền đến đời nhà Tần, bị vua Thủy-Hoàng nghe lời quan tể-tướng là Lý-Tư đem đốt cả đi. Về sau đến đời nhà Tây-Hán các nho gia mới nhặt-nhạnh lại thì mất hẳn kinh *Nhạc*, còn các kinh khác, thì thiếu thốn mất nhiều chỗ. Bởi thế hậu-nho có người ngờ rằng những ngũ kinh và tứ thư chưa chắc đã đúng được như lúc chưa bị đốt. Dẫu thế nào mặc lòng, nho-giáo tự xưa đến nay chỉ cốt ở trong *ngũ kinh* là kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Dịch và kinh Xuân-thu, và *tứ thư* là Đại-học, Trung-dung, Luận-ngữ, Mạnh-tử.

Tóm lại mà nói đức Khổng-tử lúc sinh-thời ngài làm những công việc gì, cái đạo của ngài dạy người ta ra làm sao, những môn-đồ của ngài là ai đã kế được đạo của ngài, và những sách vở của ngài để lại có bao nhiêu, thì tôi đã nói cái đại-lược để các ngài nghe. Vậy lời tổng-kết phải thế nào ? Lấy sự kết-quả của nho-học về sau mà xét thì tôi e rằng có nhiều người tân-học bây giờ muốn đổ lỗi cho cái đạo của Khổng phu-tử làm thiệt-thòi cho những dân-tộc ở phương Viễn-đông này, phải chịu kém về đường học-vấn và đường tiến-hóa ở trong xã hội. Nhưng xét cho kỹ, thì cái lỗi ấy là tại những người theo nho-học về sau hiểu lầm cái tôn chỉ của phu tử, chứ không phải là tại phu tử. Phu-tử là người muốn sự tiến-hóa, miễn là cứ tiến-hóa lần lần cho đến bậc chí-thiện, chí-mĩ, chớ không bạo-động thì thôi. Ở thời nào phải theo thời ấy mà biến đổi cho hợp thời. Bởi vậy phu-tử nói rằng : « Tùy thời chi nghĩa đại hĩ tai, 隨時之義大矣哉 », một lời nói ấy có thể làm cho ta nên được rất thịnh rất hay, thế mà ta không nên được, là tại ta, mà ta lại là mắc tội với Khổng phu-tử chứ còn trách ai được !

Một người lúc sinh-thời cũng làm ăn như mọi người, mà rồi về sau bao nhiêu những công việc mình đã làm, bao những lời mình đã nói, thành ra luật phép cho bốn năm trăm triệu người phải theo trong khoảng hơn 2.400 năm nay, mà cái danh-vọng ngày càng tôn trọng thêm lên, thì người ấy là người thế nào ? Tất phải là một bậc chí-thánh thì mới được như thế.

Bậc chí-thánh ấy đã làm cho những dân-tộc ở Viễn-đông này, tuy về sau học-vấn có lầm sai, mà cái xã-hội vẫn duy-trì được mãi mãi ; đến bây giờ là

thời buổi bị mưa Âu gió Mỹ bắt người phải thay đổi hết cả mọi đường, thế mà có nhiều người thay đổi xong rồi ngồi nghĩ, lại tiếc cái đạo của bậc chí-thánh ấy có lẽ lại thật hơn và phải hơn những điều mình đã đổi.

Nếu như vậy thì ta đây há lại không nên thắp hương mà khấn ông thánh-nhân nước Lỗ, mà ta vừa kể chuyện xong, phù-trì cho chúng ta được theo ngài mà cố gắng sự học tập để cho nên người hay người lành. Sự cầu-nguyện ấy, cốt ở lòng ta. Ta nên cố gắng lắm.

TRẦN TRỌNG-KIM

THỜI-ĐÀM

Quan Giám-quốc Đại-Pháp mới. — Đại-Pháp năm nay hai lần bầu quan Giám-quốc. Quan PAUL DESCHANEL bầu đầu năm, mới trọng-nhậm được mấy tháng thời xảy phải cái nạn ngã xe lửa. Tuy không bị thương nặng lắm, mà thể-lực mỗi ngày một yếu đi, tự đấy vẫn phải ở dưỡng-bệnh tại nhà biệt-thự, không tham-dự được việc chính-trị, cũng chắc rằng một tháng vài tháng thời khỏi dần, không ngờ càng ngày càng nặng, tới nay bệnh-tình xem ra lại nguy-cấp. Quan quốc-trưởng trong một nước, không thể vắng lâu ngày được, nên quan DESCHANEL biết bệnh khó khỏi ngay, bèn xin từ chức. Ngày 22 Septembre, ngài thông-cáo từ chức cho hai Nghị-viện biết, quốc-dân được tin ấy đều ngậm-ngùi tiếc rằng ngài tại-chức chưa được bao-lâu, chưa thi-thố được hết tài-năng để giúp nước mà đã phải sớm cáo-thối như vậy. Từ ngày ngài được bầu tới giờ, quốc-dân vẫn kính mến, là vì ngài bình sinh không thuộc đảng-phái nào, vẫn giữ địa-vị trung-lập, tuy là một người tai mắt trong nghị-viện mà không lĩnh chức trong nội-các bao giờ, lại thêm người có văn-tài, có quảng-kiến, thật là xứng đáng giữ ngôi nguyên-thủ trong một nước văn-hiến như nước Pháp. Nay vì lẽ bệnh mà phải cáo thật cũng đáng tiếc thay. Theo hiến-pháp của Đại-Pháp thời quan Giám-quốc khuyết phải bầu người thay ngay. Trong những người ứng-cử ra thay ngài thời ai cũng suy-cử quan Nội-các Tổng-lý MILLERAND là người có tài cáng-đáng được việc nước hơn cả. Quan MILLERAND lúc đầu còn không muốn ra ứng bầu, sau các đảng-hữu giục mãi ngài mới chịu; vả xét ra cũng chỉ có một mình ngài là người thích-hợp với thời-cơ hơn cả.

Ngày 23 Septembre, hai nghị-viện họp thành quốc-hội tại Versailles để bầu quan Giám-quốc mới. Số người bỏ vé có 892 người, trong số ấy thời người bỏ vé trắng 107, người bỏ vé có tên 786, mà quan MILLERAND một mình được 695 vé. Ông DELORY là người của đảng xã-hội được 69 vé, còn 24 vé tạp ngoài. Thế là quan MILLERAND được bầu Giám-quốc 7 năm. Trước ai cũng chắc rằng ngài được bầu, và trước khi ngài ứng-cử ai cũng mong-mỏi cho ngài ra. Được tin, các báo trong suốt cõi nước Pháp đều đồng-thanh hoan-nghênh, báo nước Anh cũng tỏ ra vui mừng lắm, vì quan MILLERAND tính cương-nghị và cương-trực, hợp với tính-chất người nước Anh, nên dân Anh vẫn cảm-phục lắm. Trong mấy tháng ngài làm Tổng-lý nội-các đã tỏ ra một người có tư-cách khác thường, có tài quyết việc, có tinh siêng-cần, nay được lên bậc quốc-trưởng thật là xứng đáng, không ai bằng. — Sự-trạng và lý-lịch quan MILLERAND thời bản-chí đã thuật-tường khi ngài lĩnh Tổng-lý nội-các đầu năm nay. (Xin xem *Nam Phong* số 34, Février 1920).

Quan Tổng-lý nội-các đã lên chức Giám-quốc thời theo lệ thường tòa nội-các cũ phải từ-chức. Nhưng quan MILLERAND cứ để y-nguyên như cũ, chỉ cử quan GORGES LEYGUES trước đã mấy lần làm hải-quân và học-vụ tổng-trưởng lên làm tổng-lý nội-các thay

ngài. Vậy các quan tổng-trưởng trước vẫn giữ chức, và quan SARRAUT vẫn ở bộ Thuộc-địa.

* *

Quan nguyên thủ-tướng PAINLEVÉ đến thăm Đông-Pháp. — Trong tháng 9 tây này, Đông-Pháp ta được tiếp một bậc quí-khách là quan nguyên thủ-tướng PAINLEVÉ : ngài tài-năng xuất-chúng, học-lực siêu-quần, không những là nhà bác-học trứ-danh lại là một nhà chính-trị có tiếng : thế mà nay Đông-Pháp ta được ngài sang chơi chẳng là hân-hạnh lắm ru ?

Trước khi kể sự lịch-du của ngài ta hãng nên thuật qua hành-trạng ngài như sau này.

Ngài sinh ở Paris năm 1863 — Năm ngài 20 tuổi chính là năm 1883, ngài được vào trường Cao-đẳng Sư-phạm về ban Cách-trí. Năm 1886, ngài trúng bằng tốt-nghiệp, rồi được sang du-học nước Đức. Năm sau (1887), ngài về Paris thi cách-trí-khoa tiến-sĩ. Vì kỳ thi ấy, các nhà thông-thái biết tài ngài, nên cử vào chân giáo-sư Cách-trí ở trường Đại-học thành Lille. Từ đó, trong khoảng năm năm, ngài chuyên dậy khoa thuần-lý động-học (*mécanique rationnelle*). Sau ngài được bổ về dậy trường Đại-học Paris Từ năm 1892, đến năm 1895 ngài sung chức giảng-sư về khoa số-học ; từ 1895 đến năm 1897 ngài làm phụ-giáo ; từ năm 1897 đến năm 1903, ngài làm giảng-sư ở trường Cao-đẳng Sư-phạm, rồi làm giáo-sư dậy khoa số-học. Sau cùng, ngài được làm giáo-sư ở trường Bách-công đại-học-hiệu (*Ecole polytechnique*) và làm tổng-trưởng hội-đồng quản-giám ở Công-nghệ mỹ-thuật học-hiệu. Trong lịch-sử khoa-học của Đại-Pháp về thế-kỷ thứ 20, thời công-nghiệp ngài thực là vĩ-đại. Năm 1890 là năm ngài 25 tuổi, ngài chiếm được giải nhất về số-học của hội « Khoa-học bác-sĩ » (*Académie des Sciences*) ban cho. Không đầy 14 năm sau thời ngài được trúng-cử vào chân hội Bác-sĩ ấy.

Sách vở về khoa cách-trí của ngài xuất-bản rất nhiều, những sách ấy phần nhiều kê-cứu về khúc-tuyến và đại số diện-tích (*courbes et surfaces algébriques*), vi phân trình-thức (*équations différentielles*), tích-phân trình-thức (*équations intégrales*), về lực-học (*dynamique*), với nhiều các vấn-đề về số-học khác nữa. Những bài ấy đều có đăng ở trong tập kỷ-yếu của hội « Khoa-học Bác-sĩ » và trong tạp-chí của Số-học-hội. Đây gọi là nói qua mà thôi, chớ công-nghiệp của ngài hữu-ích cho khoa-học đời nay rất nhiều, kể không xiết được.

Ngài học rộng tài cao cho nên công-nghiệp về đường chính-trị lại to hơn nữa. Năm 1909 ngài dự vào chánh-trị, được cử làm nghị-viên khu thứ năm ở Paris. Ngài vừa mới vào nghị-viên là ngài gánh vác ngay công-việc rất to-tát, được cử vào làm Học-Bộ Tổng-trưởng, Sáng-tạo Bộ Tổng-trưởng và Lục-quân bộ Tổng-trưởng ; rồi làm đến Tổng-lý Nội-các thì ngài tỏ biết bao nhiêu công-lao trong chiến-tranh vừa rồi. Ấy chính trong khi ngài giữ chức thủ-tướng thì quan đại-tướng FOCH được cử vào chức Tổng-trưởng bộ tổng-tham-mưu và quan đại-tướng PÉTAIN vào chức chiến-vụ Thống-đốc.

Tới khi đồng-minh hội-nghị ở Rapallo, ngài đã thu-xếp cho Đồng-Minh ưng-thuận việc giao cho một đại-tướng Pháp thống-nhất cả binh lính Đồng-Minh ; nhưng chính-sách ấy chưa thi-hành, mãi đến khi quan CLÉMENCEAU cầm quyền mới thực-hành, nhờ đó mà những trận khai thế công năm 1918 quân Đồng-Minh đã được thắng trận vẻ-vang biết là nhường nào.

Ngài lại có công to trong sự sắp-đặt việc đánh tầu ngầm của Đức.

Công-trạng ngài đối với quốc-dân to như thế, nên tới kỳ bầu-cử năm 1919, ngài lại được tái-cử.

Năm nay Chính-phủ đặc phái ngài sang Tầu đi cùng với mấy ông BOREL, BONNARD, NADAL GERMAIN-MARTIN để giao-tiếp với các học-giới chính-giới tầu ở Bắc-kinh, mong sau này kết-buộc giây thân-ái hai nước Đại-Pháp với Trung-hoa vậy.

Trong việc phái-bộ này ngài đã làm biểu-lộ cái kiến-thức cao-xa của ngài, thực đáng thay mặt cho văn-minh học-thuật Đại-Pháp vậy.

Khi công-việc ở Trung-hoa đã chu-toàn rồi, quan Toàn-quyền LONG có thỉnh ngài tạt qua sang xứ ta, nên chi ngài cũng chiều lòng mà đời chân sang đất Đông-Pháp này.

Ngài tới Hải-phòng chiều hôm thứ sáu 17 Septembre đi máy lướt (*hydroglisseur*) hiệu *Ricou*, lại chính tay ông Ricou cầm lái. Máy lướt khởi-hành từ Hương-cảng ngày 16 hồi

11 giờ sáng đi thẳng tới eo bể Hải-nam. Đến 4 giờ 45 hôm sau tới Hải-phòng. Trong khi ngài cưỡi máy lướt trên mặt bể, có gặp một cơn bão, lại bị một chiếc xuồng ra định buộc máy lướt thời chẳng may va rách một bên cánh. Cách du-lịch của ngài thực là can-đảm, ít người dám mạo-hiểm vậy.

Tới Hà-nội ngày 18 ngài đến thăm trường Viễn-đông bác-cổ và nhà Bảo-tàng.

Ngày 10 ngài lên Lạng-sơn xem các động Kỳ-lừa đến mãi cửa ải Nam-quan.

Ngày 21 ngài đến thăm các trang Cao-đẳng và tiếp các quan thủ-hiến tại Hà-nội.

Ngày 22 quan Toàn-quyền và ngài đi về Huế.

Trong 4 ngày ở Huế ngài có vào yết-kiến Hoàng-Thượng, đi thăm cung-điện, lại dự lễ khánh-thành đền Kỷ-niệm quân sĩ chết trận và trường « Nữ-học Đồng-Khánh », khai hội Tư-vấn Trung-kỳ và thăm viện Cơ-mật, cung-chiêm các lăng-tẩm và dự yến ở Triều.

Hôm 26 ngài đến Nha-trang rồi đi vào Sài-gòn. Ngài lại đi Nam-vang và đi xem chùa Đế-thiên Đế-thích (Angkor) nữa. Vậy ra ngài du-lịch suốt từ Bắc đến Nam, làm cho cõi Đông-Pháp ta càng thêm danh-giá; mà xem các nơi ngài đến thăm, càng rõ rằng ngài thực là một bậc rất thông-thái, vừa lưu-tâm về đường học-vấn, lại vừa chủ-ý về khoa chính-trị, thế là ngài có ý phù-trì cho cõi Đông-Pháp ta là xứ thuộc-địa rất lớn của Đại-Pháp ở Á-đông, xưa nay ít nhà để-tâm kê-cứu đến ; mà nay bao nhiêu cảnh-vật Đông-Pháp được nhân dịp dâng cho ngài những mối cảm-tình nửa bề mừng-rỡ, nửa bề ân-ái. Kìa khi ngài đến thăm trường Bác-cổ và nhà Bảo-tàng, ngài có khen xứ ta nhiều đồ hay vật lạ, rất bổ-ích cho việc khảo-cổ ; khi đến trang Cao-đẳng, ngài có ngợi khen công đức của quan nguyên Toàn-quyền ta đã tận-tâm khai-hóa ; cho đến khi ngài lên Lạng-sơn, là nơi quan-yếu, bên kia là Tầu, bên này là ta, so-sánh cái tình-thế hiện-trạng hai bên, ngài không ngờ các qui-quan phụng-mệnh sang bảo-hộ ta, đã hết lòng trù-hoạch, sửa-sang cho thành một cõi rất xinh-đẹp bên Á-đông ; do thử ngài lại thấu cái tình tương-ái của người Pháp người Nam đã đồng-tâm đồng-chí tạo-thành công-quả ấy vậy. Ta lại xem mấy lời qui-hóa của ngài đã tỏ ra cho các nhà báo tây và các quan Tổng-đốc ta dự tiệc mừng ngài ở Phủ Toàn-quyền, thời ta lại càng có phận mong nhờ ở ngài lắm. Ngài có hứa rằng về qui-quốc sẽ lo giúp cho Đông-Pháp được một địa vị có giá-trị ở Á-châu này ; mà nhất về việc giáo-dục ngài lại muốn giúp cho khoáng-trương cho tấn-tới hơn nữa. Ngài đã rõ biết xứ ta là một thuộc-địa rất đẹp-đẽ, rất tiện-lợi, của sẵn dân đông, nhân-dân vốn là một nòi-giống chịu thương chịu khó, chăm học chăm làm, một dạ trung-thành với Đại-Pháp, hai vai gánh-vác đỡ anh hiền, chỉ đinh-ninh mong Chánh-phủ đưa-dắt lên con đường tiến-bộ. Cho nên ngài vì một chủ-nghĩa tối cao mà hứa cho ta những điều ta đang mong-mỏi.

Xem thế thì Đông-Pháp ta lại được thêm một vị « phúc-tinh » chiếu mệnh, hân-hạnh biết bao !

Một người có danh-gia, có thế-lực như ngài, nay đã đi qua đến đất nước ta, hỏi-han đến dân-tình ta, chắc sau này ta có thể mong-đợi được nhiều điều ích-lợi vậy.

Bản-chí có lời kính-chúc quan Thủ-tướng PAINLEVÉ du-lịch được vui-thú, về nước được mạnh-khỏe vậy.

∴

Nghề hàng-hải mới nhóm ở nước ta. — Nói về tầu « Bình-chuẩn » của công-ti Bạch-Thái. — Tục-ngữ có câu : « Ở ngòi ra bể », nghĩa bóng là sự-nghiệp gì lúc mới đầu còn nhỏ, sau mở mang ra to-tát, như đương đi trong lòng sông chật-hẹp, bỗng ra ngoài cửa bể mênh-mông, tiền-đồ trước mắt, man-mác tít-mù, chưa biết đi đến đâu là cùng-tận. Như người ta gặp lúc thời-vận hanh-thông, nước nhà đến buổi thái-bình thịnh-vượng, có cái thế bồng-bột cao-thăng, có cái cơ sẵn lên bước lớn, cũng gọi là « ở ngòi ra bể », nghĩa là bước vào một cõi to-tát hơn, được thỏa sức mà vẫy-vùng hoạt-động. Đó là lời tục-ngữ nói theo nghĩa bóng, là nghĩa người ta thường dùng ; nhưng lấy nghĩa đen mà nói thời hiện nay ở nước ta có sự-nghiệp gì là thích-nhiên hợp với câu ấy không ? Thiết-tưởng chỉ có nghề vận-tải bằng hỏa-thuyền vậy. Nghề này cũng là một nghề mới của người mình, từ khi bắt đầu làm đến giờ chỉ mới kinh-

doanh trong một cái trường-sở hẹp-hòi là mấy đường sông lớn nhỏ trong một miền trung-châu xứ Bắc-kỳ mà thôi. Ngày nay mới thấy ngấp-nghé ra tới bể, có ý muốn thừa-phong phá-lãng mà vùng vẫy khoáng-trương, rõ là cái cảnh-tượng « ở ngòi ra bể » vậy. Cảnh này như cảnh mặt trời mới mọc, nước nguồn mới ra, thật là đáng vui mừng cho hậu-vận nghề hằng-hải ở nước ta.

Xét ra nghề hằng-hải là một nghề xưa nay nước ta chưa có bao giờ, vì nghề buôn mành buôn vạn cũ của mình, chỉ biết dùng những chiếc thuyền buồm, đi len-lỏi ở bên bờ bể, qua tỉnh này sang tỉnh khác, không gọi là một sự-nghiệp hằng-hải được. Trong khoảng mười năm gần đây ở Bắc-kỳ ta mới xuất-hiện ra được hai nhà buôn tầu, thời từ trước tới nay cũng chỉ có tầu chạy trong các đường sông Bắc-kỳ mà thôi. Đến bây giờ hai nhà mới sửa-soạn đặt tầu chạy bể, nhà thì chạy đường Hương-cảng, nhà thì chạy đường Sài-gòn. Thế là nghề hằng-hải mới nhóm ở nước ta vậy. Thế là người mình đã thoát khỏi nơi ngòi-lạch mà ra tới chốn bể khơi vậy. Đáng mong-mỏi thay!

Trong hai nhà ấy có công-ti Bạch Thái-Bưởi là to lớn hơn nhất. Ông Bưởi khởi-thủy buôn tầu thế nào, trong báo này trước đã có một bài tự-thuật rất tường, nay không cần phải nhắc lại làm gì (N. P., số 29). Bài đó kết-luận có ước-ao một câu rằng : « Sự-nghiệp buôn tầu của ông mới có mười năm mà phát-đạt như vậy, thời có lẽ từ trước đến nay ông còn là ở ngòi, từ nay về sau ông mới thật ra bể vậy ». Như trên kia đã nói câu ước ấy ngày nay đã thành sự thực rồi. Vậy nay ta tiếp-tục bài trước mà thuật qua lại cái đoạn thứ nhì trong sự-nghiệp ông Bưởi, là đoạn « ở ngòi ra bể » ấy, cho đồng-nhân được biết, tưởng cũng không phải là vô-ích vậy.

Ta còn nhớ năm ngoái trong xưởng ông ở Hải-phòng đương chế một chiếc tầu mới đặt tên là tầu *Binh-chuẩn*. Bấy giờ giữa lúc chiến-tranh, những vật-liệu và máy-móc bên Âu-Mĩ không đem sang được, sắt gang không đủ, đanh đóng không có, sự chế-tạo khó-khăn biết dường nào! Nhiều các xưởng máy khác vì thiếu đồ dùng phải đóng cửa, thế mà xưởng ông Bưởi không những vẫn làm việc, không những vẫn sửa được các máy cũ, mà lại chế thêm ra tầu mới, khiến ai cũng phải lấy làm lạ. Nhưng được như vậy cũng chỉ là bởi lòng kiên-nhẫn của ông, bởi tài ứng-dụng biến-báo của những tay đốc công trong xưởng ông. Xem như một việc chế đanh đóng tầu thời đủ biết. Thứ đanh đóng máy (*rivets*) xưa nay vẫn phải mua tự bên Tây, bên này không làm được. Hồi chiến-tranh thời đanh bên Tây không sang nữa. Như các xưởng khác thời đành chịu đình việc chế-tạo lại, đợi bao giờ có đanh sang sẽ làm. Nhưng xưởng ông đã bắt đầu làm tầu *Binh-chuẩn*, nếu đình công lại để đợi đanh sang thì không biết bao giờ xong. Ông bèn không ngại công, không sợ phí, bàn với các tay đốc-công giỏi trong xưởng ông nghĩ chế hẳn ra một cái máy làm đanh, bắt chước các kiểu máy khác mà gia-giảm châm-chước, cốt làm được việc thôi, không cần tinh-xảo lắm. Nghĩ mãi sau phải được, chế được thành-thân máy, máy làm thành-thân đanh, đanh dùng được đủ việc; có lẽ chưa được hết sức hoàn-toàn như các máy Âu-Mĩ, nhưng miễn lợi-dụng được trong khi cần-cấp, rồi càng dùng càng sửa-sang cho tốt thêm lên. Ấy là lược-cử một việc làm đanh, còn làm cho thành-thân cái tầu còn nhiều nỗi khó-khăn lắm nữa, nhưng ông Bưởi cùng các tay giúp việc ông cũng dùng một cát thủ-đoạn ứng-biến ấy mà làm thanh-thoát được cả. Đến ngày 7 tháng 9 tây năm 1919 thì cái vỏ tầu đã thành, ngày ấy làm lễ hạ-thủy ở Hải-phòng trước xưởng máy công-ti Bạch-thái, khi xuống nước nhanh-nhẹ mà vững-vàng, êm-đềm mà nghiêm-chỉnh, người đến xem rất đông, ai nấy đều vui vẻ, các báo Tây Nam hồi bấy giờ đã tự-thuật tường lắm.

Từ lễ hạ-thủy ấy thời công-việc chế-tạo cho thành thân tầu, u-ám trong xưởng máy, người ngoài không được biết. Bởi thế nên có người ngờ rằng tầu *Binh-chuẩn* làm giữa đương khi chiến-tranh, có lẽ hãy còn cẩu-thả, chưa biết có chạy được không. Những người nào có bụng ngờ như vậy, thời

ngày 26 tháng 8 tây vừa rồi đã được giải-ngộ vậy. Lệ thường các tầu chạy bể trước khi đem ra chạy phải đệ ra một hội-đồng các tay chuyên-môn khám xét, hễ máy-móc đâu vào đấy, mọi phần đều chỉnh-bị, không có đâu hư-hỏng, không chỗ nào thiếu-thốn, thời bấy giờ mới ban cho giấy phép được chở người chở hàng; lệ ấy các chánh-phủ đặt ra là để bảo-hộ cho sinh-mệnh tài-sản người ta, sợ các chủ tầu cẩu-thả mà để hại đến khách đi tầu. Vậy ngày 26 tháng 8 công-ti Bạch-thái đã đệ tầu *Bình-chuẩn* ra một hội-đồng những phái-viên của sở « Hải-thuyền trước-bạ » (*Inscription maritime*) ở Hải-phòng để khám xét, hội-đồng khám xong, bắt tầu chạy thử, lấy làm tốt cả, đã thuận trước-bạ và ban giấy phép chạy. Lại các tầu bể thường phải vào phần một hội «Hằng-hải bảo-hiểm» (*assurances maritimes*), để phòng khi gặp sự nguy-hiểm, đã có hội bồi-thường cho khỏi thiệt-hại. Nhưng hội bảo-hiểm nào cũng vậy, trước khi nhận một chiếc tầu mới phải phái người kiểm-xét kỹ xem tầu có vô-ti không mới chịu nhận. Nghe như ông Bạch Thái-Bưởi cũng đã xin vào phần bảo-hiểm cho tầu *Bình-chuẩn* và công-ti bảo-hiểm đã có phái người đến xét, công-nhận tầu chế-tạo trúng-cách, thuận cho vào Hội. — Xét như trên thời đủ rõ chứng-cớ rằng tầu *Bình-chuẩn* thật đã hợp tư-cách các tầu bể, không còn chút nghi-ngờ vậy.

Ngày 29 Août tầu bắt đầu chạy chuyến thứ nhất từ Hải-phòng về Sài-gòn, có ghé Bến-thủy, Tourane, Qui-nhơn để lấy hàng. Ý công-ti Bạch-Thái định mở đường Hải-phòng Sài-gòn mỗi tháng chạy hai chuyến đi, hai chuyến về, để tiện cho các đồng-bào ta ngoài Bắc trong Nam vào ra buôn bán càng ngày càng đông. Ta chắc rằng từ nay đã có một đường tầu như vậy, của người An-nam chủ-trương, khác nào như cái giây thân-ái đã giàng buộc kẻ Nam người Bắc, giúp cho tình đồng-bào mỗi ngày một thân-mật, đường giao-thông mỗi ngày một tiện-lợi, như vậy thời không những ích-lợi riêng cho công-ti Bạch-thái, mà lại ích-lợi chung cho cuộc Nam Bắc tương-thân nữa. Nên mong mỏi lắm.

Ngày 1er Septembre, tầu đến Bến-thủy để cất hàng. Các qui-quan, các chủ-hiệu tây to ở đó (như là chủ nhà máy cưa, nhà máy diêm, nhà Lapicque, Thương-chánh, Kiểm-lâm, nhà rượu) cùng các ông Tây-thương khác đều xuống tầu xem. Các bạn đồng-bang và các chủ hiệu khách cũng xuống đông. Ai nấy đều lấy làm kinh-dị mà cảm-phục rằng một xưởng máy An-nam, thuần tay người An-nam, mà chế được một chiếc tầu đẹp-đẽ vững-vàng như thế; ai cũng khen và mừng cho công-ti Bạch-Thái vậy.

Tầu *Bình-chuẩn* ở Bến-thủy ăn hàng xong thì chạy Tourane, vì đấy cũng có hàng xếp. Đến Tourane ngày 4 Septembre. Sáng ngày 5 Septembre, nhân Hoàng-Thượng và quan Khâm-sứ Kinh ở Hàn, hai ngài đều quá bước xuống xem tầu đương đỗ bến. Viên Đại-lý coi tầu có thay mặt công-ti cảm-tạ hai ngài đã chiếu-cố đến công-ti như vậy, thời Hoàng-Thượng ngài có ban khen ông Bạch Thái-Bưởi một cách ân-cần lắm. Thật là vẻ-vang cho ông vậy.

Tầu đi đến đâu còn đáp ở đó để lấy hàng, nên đến ngày 17 Septembre, 8 giờ sáng mới tới Sài-gòn. Được tin rằng các bạn đồng-bang ở Sài-gòn và Chợ-lớn xuống xem đông lắm, các chủ bảo-quản An-nam bằng pháp-văn và quốc-văn đều có mặt vui-vẻ cả. Lại được quan Thống-đốc Nam-kỳ, quan năm Chẩu, các quan tây và các ông nghị-viên đều xuống xem đông lắm, các ngài đồng-thanh khen ngợi công-ti Bạch-thái và mừng cho công-nghệ thương-nghiệp an-nam đã đến ngày phát-đạt. — Nghe đâu các bạn buôn-bán công-nghệ trong Nam-kỳ muốn tỏ lòng mến phục ông Bưởi định chế một cái biển đồng đề mấy chữ: « *Au « Bình-chuẩn » le premier bateau annamite à Saigon* » để tặng tầu *Bình-chuẩn* làm kỷ-niệm-vật, cái thịnh-tình ấy đủ làm cho ông Bưởi cảm-động vậy. Ngày 24 Septembre, tầu ở Saigon ra. Thế là tầu *Bình-chuẩn* đã chạy được chuyến thứ nhất, bình-an trót-lọt, tuy có chậm một chút, nhưng là vì lần đầu, đi đến đâu cũng đỗ lâu, vừa để cất hàng, vừa để cho đồng-nhân xuống xem cho biết tầu.

Xét tầu *Bình-chuẩn* có mấy cái đặc-sắc như sau này: (chiếu theo trong sổ của sở « Hải-thuyền trước-bạ » ở Hải-phòng): Trường: 7m.50 — khoát (ở giữa): 7m.20 — Trọng-tải: 600 tấn — 3 mỏ neo. — 2 nồi lửa (một nồi chính, một nồi phụ, đựng được 8m3 nước, diện-tích đốt lửa là 114m2 45). — 1 cái máy động-cơ kiểu *Compound*, sức mạnh là 450 mã-lực — một chân vịt — tốc-độ là 8 hải-lý (*nœuds*).

Giá khách đi tầu thời: từ Hải-phòng đến Tourane, người Tây 20$ một người, người bản-quốc đi ngoài boong 8$00, đi trong phòng 15$; — từ Hải-phòng đến Sài-gòn.

người Tây 60$, người bản-quốc ngoài boong 20$, trong phòng 30$, — rẻ hơn giá các tầu tây tới non nửa vậy.

Ngoài chiếc *Bình-chuẩn*, công-ti Bạch-Thái lại còn một chiếc *Nguyễn-Trãi* nữa cũng chạy bể, đi đường Hải phòng — Tourane. Chiếc này nguyên là tầu *Hùng-an* cũ của Khách, ông Bưởi mua được, cho cải-trang đi và đặt tên An-nam. Ông lại mới mua được hiệu khách *Triều-hưng* ở Tourane là một sở vận-tải cũ, có cầu trên bến, thật là tiện cho tầu đỗ.

Thế là nghề chế tầu và nghề hằng-hải đã nhóm thành ở nước ta, mà người phất cờ đầu là ông Bạch Thái-Bưởi vậy. Ông nay đã « ở ngồi ra bể », mong cho sự-nghiệp ông sau này, tiền-đồ ông trước mắt, rồi cũng sẽ được mênh-mông to-tát như mặt bể khơi vậy.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

1. — *Les origines de la langue annamite, 1er fascicule : Malais et annamite.* 越語起原攷. Par le Père Souvignet. — Hanoi Imprimerie d'Extrême-Orient, 1920.

Cố-Thi (P. Souvignet) ở Phủ-Lý là một người rất thâm-hiểu tiếng an-nam ta, mới xuất-bản một tập sách khảo về cội-rễ tiếng An-nam. Tập này mới là tập thứ nhất một bộ sách to lắm hiện đương in chưa xong. Khảo về cội-rễ tiếng an-nam, thật là một vấn-đề khó thay! Vì tiếng an-nam xưa nay không có kinh-điển gì, nước ta vốn không có một thứ chữ riêng, nên không có sách-vở gì bằng quốc-âm từ hai ba trăm năm trước còn lại, như thế thì lấy gì làm chứng-cớ rằng tiếng ta từ xưa đến nay thay-đổi thế nào, và trong sự thay-đổi ấy đã chịu ảnh-hưởng những tiếng ngoài thế nào. Hiện nay chỉ có một quyển sách là còn thể xét được tình-trạng tiếng ta vào khoảng ba trăm năm về trước : là sách « Tự điển » của cố Alexande de Rhodes là người sang giảng đạo nước ta từ đời Lê và là người đã sáng-lập ra chữ quốc-ngữ. Nhưng trước sách ấy không còn có di-tích gì về tiếng ta đời trước cả, đó cũng là một sự ngăn-trở cho những nhà khảo-cứu muốn xét về lịch-sử tiếng an-nam vậy.

Cố-Thi trong sách này phần nhiều là lấy hiện-trạng tiếng annam mà so-sánh với tiếng nói các dân-tộc chung quanh, chớ không phải là khảo-cứu theo phương-diện lịch-sử. Cứ ý-kiến thông-thường của người ta thời ai cũng cho tiếng ta là phần nhiều do tiếng tầu chữ tầu mà ra, chẳng qua là một chi-lưu của giòng tầu mà thôi. Nay tác-giả xét ra tiếng tầu chỉ có một phần, mà không phải là phần gốc trong tiếng ta. Ngoại-giả, còn nhiều các thứ tiếng khác hỗn-hợp lại mà thành ra tiếng ta, thứ nhất là tiếng mã-lai (*malais*), rồi đến những tiếng tày (*thai*), tiếng mên (*khmer*), tiếng *tagal*, v. v. và nhiều các tiếng khác ở Ấn-độ và Nam-dương quần-đảo (*dialectes indonésiens*). Theo ý tác-giả thời « tiếng an-nam là một tiếng gốc ấn-độ hay mã-lai mà có ghép tiếng tầu vào sau » (*l'annamite est une langue à fond hindou ou malais avec superposition de chinois*) đó là cái tôn-chỉ của tác-giả. Tác-giả bên bằng-chứng các tiếng ngoài mà đem đối-chiếu so-sánh với tiếng ta, tuy nhiều tiếng so-sánh hết lắm, chắc là hai tiếng có quan-hệ với nhau không sai, nhưng cũng có lắm tiếng so-sánh còn khi cưỡng. Song ta phải biết rằng trong những môn học về từ-nguyên này không bao giờ có cái tỉ-lệ chắc-chắn được ; và cội-rễ tiếng ta xưa nay chưa có mấy người nghiên-cứu, không thể sao phán-đoán cho đích-sác vậy.

Nay Cố-Thi đã dụng-công khảo-cứu rộng như vậy, ta cũng nên biết công cho người ; và nếu người gỡ được mảnh-mối cội-rễ tiếng ta thật rõ-ràng đích-đáng, thời bọn ta cũng nên cám ơn người, vì đã giúp ta biết được cái nguồn-gốc xa-xôi của quốc-âm ta vậy.

Tập đầu so-sánh tiếng ta với tiếng mã-lai ; còn 12 tập nữa mới thành sách.

* * *

2. — *Semaine religieuse du Tonkin. Thánh-giáo tuần-báo Bắc-kỳ.* — In tại nhà in Ngô Tử-Hạ, Hà nội. Mỗi tháng ra hai kỳ. Giá đồng niên 2$, nửa năm 1$, mỗi số 0$10.

Thánh-giáo tuần-báo Bắc-kỳ là một tập tạp-chí của nhà Trung mới xuất-bản tại Hà-nội, số đầu ra ngày 15 Juillet 1920. Ngày nay phong-trào làm báo làm sách đương thịnh-hành trong nước, các bổn-đạo Thiên-chúa-giáo cũng phải có một tập báo riêng để truyền dạy những điều bổn-đạo cần phải biết về tôn-giáo. Chắc đó là chủ-ý nhà Trung đã phát

hành ra tập tạp-chí này. Tạp-chí để riêng cho các bổn-đạo, nên trong chỉ thuần giảng về việc tôn-giáo, mà giáo-lý thời mầu-nhiệm, cho nên người ngoài xem có lẽ cũng khó. Thiết-tưởng Thiên-chúa-giáo là một đạo rất hay trong thế-giới, các nước văn-minh phần nhiều theo cả, những giáo-lý huyền-diệu các bổn-đạo nên biết đã cố-nhiên rồi, nhưng cũng nên để cho người ngoài biết thiệp-liệp qua những điều cốt-yếu. Nay Nhà Trung đã mở ra tạp-chí này, nên mở rộng phạm-vi cho không những người bổn-đạo xem được, mà người ngoài cũng có thể đọc được, như thế thời lại càng ích-lợi biết bao. Vả ngày nay đương buổi quốc-dân chăm về đường phổ-thông giáo-dục, trong tạp-chí cũng nên để một phần giảng về các khoa-học phổ-thông giúp cho sự giáo-dục trong nước, vì dẫu đối với bổn-đạo phần đạo là quan-trọng mà phần đời cũng không phải đáng khinh. Tập *Thánh-giáo tuần-báo* muốn cho được lưu-hành trong xã-hội thời phải nên tổ-chức như thế mới thật là có giá-trị vậy.

Trong mấy số đầu, có mấy bài của cố Chính Linh hay. Nhưng thứ nhất là trong số 3, có một mục đề là « Minh-giáo xích-độc », lời-lẽ thông-thoát, ý-tứ sâu-xa, không những người bổn đạo mà người ngoài đọc cũng có ti-ích. Mục này đặt theo thể xích-độc, giả-thiết một người học-trò ở học Hà-nội viết thơ về linh-mục hỏi-han những nghĩa-lý về đạo, linh-mục trả lời lại, giảng-giải rõ-ràng, chứng-dẫn cả các kinh truyện cũ của ta, đọc kỹ cũng có cái đạo-vị thâm-trầm vậy. Mục này ký tên là Nghiêm-Gia, tức là biệt-hiệu của Cố Huệ, ở Phú-nghĩa (Sơn-tây). Cố là một người rất thông hiểu tiếng ta và chữ hán, nên giọng văn đã hệt với giọng ta lắm, tưởng người Tây ít người nhập-diệu được tiếng ta như thế.

*
* *

3. — *Việt-Nam sử-lược. Quyển thứ nhì: Nam-Bắc phân-tranh thời-đại. Cận-kim thời-đại.* Của ông Trần Trọng-Kim soạn — Có 300 trang, bản đồ, biểu kê lịch-triều niên-hiệu. — In và bán tại nhà báo « Trung Bắc tân-văn ». Giá 1 $ 00.

Ông Trần Trọng-Kim là thanh tra các trường sơ-học Bắc-kỳ, đã xuất-bản quyển thứ nhất *Việt-Nam sử-lược*, nay lại tiếp-tục quyển thứ nhì, trước sau ngót ba trăm tờ, trải qua hơn ba nghìn năm, kể hết sự-nghiệp của giống nòi từ khi lập-quốc cho đến thời-đại nay, khi bắc-thuộc, khi độc-lập, khi Nam Bắc phân-tranh, khi cơ-đồ hợp-nhất, đọc một lượt đủ biết công-đức tổ-tôn mấy mươi đời khó-nhọc mới đề-tạo được ra cõi Nam-bang này.

Quốc-sử trong một nước cũng như gia-phả trong một nhà. Người có bụng mến nhà không gì trọng bằng quyển gia-phả của nhà mình. Người có lòng yêu-nước cũng phải trân-trọng quyển « gia-phả » trong nước là bộ quốc-sử. Nay ông Trần Trọng-Kim đã khảo cứu các sử cũ, bằng-chứng các sách mới chung-đúc cả cái « gia-phả » nước nhà vào, trong hai quyển sách, biên-chép kỹ-càng, bàn-bạc đích-đáng, để cống-hiến cho quốc-dân ta, thời thiết-tưởng người trong nước ai đã biết cầm quyển sách đọc cũng phải có bộ sử này trên tay vậy. — Ở đời cạnh-tranh cải-biến này, người minh nên sợ nhất là gì? Là sợ vong-bản vậy. Muốn khỏi quên gốc, phải đọc quốc-sử.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Biên-bản kỳ hội-đồng tòa trị-sự ngày 10 Septembre 1920. — Ngày thứ sáu 10 Septembre 1920, 8 giờ rưỡi tối, tòa trị-sự hội Khai-trí nhân có giấy đạt quan Chánh Hội-trưởng họp hội-đồng tại nhà Hội Trí-trí, phố hàng Quạt.

Chương-trình các việc bàn: Quyết-nghị việc xây nhà hội-quán, và định có nên giao việc ấy cho ông Aviat không.

Có mặt: Ông Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Trần Văn-Thông, Choulet, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Phạm Duy-Tốn, Đào Văn-Sử, Trần Trọng-Kim, Mai Du-Lân.

Có giấy cáo: Ông Nguyễn Hữu-Thu.

Vắng mặt: Ông Bùi Đình-Tá, Đỗ-Thận.

Tham-dự Hội-đồng: Ông Aviat.

Quan Chánh Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu khai hội-đồng, đọc cái điện xin cáo của ông Nguyễn Hữu-Thu, điện rằng: « Nhạc-mẫu tôi mất, xin miễn-chấp cho không lên được. Món tiền một nghìn bạc tôi hứa quyên vào Hội nay mai sẽ nộp cho ông Thủ-quĩ Phúc. Tôi hết sức xin các ngài nên quyết-định làm nhà có gác. Sự sinh-hoạt của Hội Khai-trí là ở sự gắng-sức của bọn ta, v. v... ».

Quan Chánh Hội-trưởng nói rằng ý ông Thu muốn cố xin làm nhà có gác, nhưng tòa trị-sự trước đã công-nhận cái bản-đồ được giải nhất rồi bản-đồ ấy chỉ vẽ có một từng, nhưng đã tính sẵn để sau này có thể nâng lên từng nữa, để theo đó mà làm nhà, thời không thể định lại được nữa. Vả tiền công của Hội hiện bây giờ cũng còn thiếu nhiều lắm, làm một tầng chưa chắc đã đủ, còn lấy gì mà làm hai tầng. Song quan Hội-trưởng cũng có lời cám ơn ông Thu đã có bụng sốt-sắc đến việc Hội, và xin hội-đồng bàn ngay đến việc đã định trong chương-trình.

Quan Hội-trưởng trước nhất giới-thiệu cho các hội-viên biết ông quan tư AVIAT là quan pháo thủ về hưu, lại mới có chân vào Hội ta, hiện-nay làm lĩnh-trưng xây nhà cửa, công việc đã thạo lắm, Hội có nhờ ông xem lại các kiểu nhà và sổ dự-toán giá-ngạch, và ông xin nếu Hội bằng lòng thời cho ông nhận lĩnh-trưng xây nhà luôn thể cũng được.

Đoạn, quan Hội-trưởng mời ông AVIAT nói. Ông nói rằng ông đã xét kỹ cái bản-đồ được thưởng của ông Đỗ Văn-Y và sổ dự-toán giá-ngạch mà Hội đã công-nhận, nhận ra có một vài điều ông muốn trình cho hội-đồng biết. Trước nhất xét bản-đồ. Đã không định làm nhà có gác thời cái lối hai mái chồng nhau coi nặng-nề lắm. Nếu làm nhà ở giữa một cái vườn rộng thời có lẽ lối ấy đẹp thật, nhưng làm ngay trên bờ hè giữa chỗ thước-thợ hai phố thời chắc là khó coi lắm. Vả lại còn có một sự bất-tiện nữa, là hai mái chồng nhau, thời trần ở trong tất phần ngoài hiên thấp phần trong phòng cao, coi lại xấu lắm. Nay ông nghĩ có một cách chữa được hai sự bất-tiện ấy, là thay mái bằng gác sân, thời bề ngoài nhà không nặng-nề mà bề trong trần được bằng-phẳng, lại được thêm tiện-lợi về sau là khi nào nâng lên tầng nữa thời gác sân bây giờ tức là sàn gác về sau, không phải phá-phách chi cả. Ông vừa nói vừa bày cái kiểu vẽ, dựng hẳn một cái hình nhà bằng giấy cho đồng-nhân xem, ai cũng hiểu rõ cả. — Cả hội-đồng ưng lời ông nói là phải và cám ơn ông đã khéo sắp đặt như thế.

Xong rồi ông xét đến sổ dự-toán giá-ngạch (*devis*), ông nói rằng các giá định trong dự-toán nhiều chỗ chưa được đúng. Trong dự-toán ước tổng-cộng là 20.000$, ông tính ra muốn làm theo như kiểu cũ thời phải tới 22.000$, và làm như kiểu mới ông vừa bày như lúc này thì phải 24.000$, nghĩa là làm gác sân không phải làm mái. Vả trong dự-toán chỉ tính lát gạch thường mà thôi, nhưng một nhà hội-quán là chỗ nhiều người đi lại, lát gạch thường thì xấu lắm, ít ra cũng phải lát gạch hoa hai ba sắc mới coi được; lại trên trần cũng phải trang-sức cho dễ coi, chớ để trần không không được; vả ngoài sân cũng phải lát gạch nữa (trong dự-toán chưa tính). Vậy ông tính ra tổng-cộng phải 25.000$ mới đủ, ông nói tính thế là vừa phải mà thôi, chớ không có gì quá.

Ông nói đoạn rồi thời quan Hội-trưởng cám ơn ông và mời ông ra ngoài một lát để cho hội-đồng bàn-bạc được tự-do.

Ông AVIAT đã ra ngoài rồi, quan Hội-trưởng mới nói rằng việc dựng nhà hội-quán không thể trì-hoãn được lâu nữa, cần-cấp phải làm ngay, vì Hội không có nhà thời Hội đến tan mất. Nay có ông AVIAT này là người thạo nghề, lại có danh-giá cẩn-thận, ông muốn xin nhận khoán là 25.000$ làm được nhà ngay lập-tức. Nếu Hội ưng thuận thời cách ấy cũng tiện, vì cứ việc giao cả cho ông AVIAT không cần phải nhờ đến tay tạo tác kỹ-sư coi-sóc nữa. Vậy quan Hội-trưởng hỏi ý các hội-viên có ưng như thế hay không, cứ bình-tĩnh mà nói.

Hội-đồng bàn một lúc rồi quyết-nghị rằng việc đã cần-cấp mà ông AVIAT lại là người cẩn-thận biết việc, vả tòa trị-sự đã có ủy-quyền của Hội để xử-định mọi việc, thời cứ việc giao-khoán cho ông ấy lĩnh việc làm nhà, món tiền khoán là 25.000$ xét ra cũng không lấy gì làm quá, cả hội-đồng ưng thuận như thế.

Quan Hội-trưởng lại nói thêm rằng nếu sau này có giao cho ông AVIAT làm thời Hội cũng phải đặt một hội-đồng để giám-đốc công việc.

Bàn xong rồi, cho gọi ông AVIAT vào. Quan Hội-trưởng báo cho ông biết rằng hội-đồng ưng nhận cho ông làm theo như cách-thức đã bàn trên, và bảo ông phải vẽ lại cái kiểu nhà theo cách mới, làm lại dự toán giá-ngạch, để hội xét rồi sẽ làm tờ hợp đồng.

Mười rưỡi hội đồng tan.

(Vì việc quyết-định phiên hội-đồng này quan-trọng nên đã làm biên-bản bằng chữ tây, đưa các hội-viên ký, để lưu bút-lục).

Hội-viên mới. — Những ông lược kể sau này đã đăng tên vào báo từ số 35, không có ai dị-nghị, nay được nhận vào Hội bắt đầu từ ngày 1er Octobre 1920:

Vào chân chủ-trì: Ông Bùi Huy-Định — Đặng Đình-Ngọc — Đặng Ngọc-Hiền — Đỗ Lịnh-Huy — Nguyễn Hữu-Trí — Nguyễn Tất-Nhuận — Nguyễn Văn-Giáp — Nguyễn Văn-Liên — Nguyễn Văn-Mỹ — Nguyễn Văn-Nguyên — Tô Văn-Lượng — Trần Phênh — Từ Bộ-Thực — Vũ Văn-Hòa — Viên Văn Khôi.

Vào thường hội-viên: Ông Cao Công-Bồn — Nguyễn Văn-Áo — Vũ Cần.

Đơn xin vào Hội. — Hội mới nhận được đơn xin vào Hội của mấy ông kê tên sau này, trong hạn hai tháng ai có dị-nghị xin viết thơ về cho Hội biết:

Xin vào chân chủ-trì: Ông Hoàng Quang-Chấn, employé des Tanneries de l'Indochine, Hanoi — Ngô Ngọc-Trần, làm thục-sư làng La-phù, tổng Yên-lũng, phủ Hoài đức, Hà đông — Nguyễn Văn Oanh, lý-hào làng Tả Thanh-oai, huyện Thanh oai, Hà-đông.

Xin vào hội-viên: Ông Tạ Duy-Sán, làm ruộng ở làng La-phù, tổng Yên-lũng, phủ Hoài-đức, Hà-đông.

Quan Toàn-quyền Long sắp về hội-thương bên Đại-Pháp

Kỳ này bản-chí có in cái ảnh của quan Toàn-quyền LONG, vì bức tranh vẽ trong số 31 trước chưa được hệt lắm.

Nay bản-chí mới được tin rằng đến đầu tháng mười-một tây, sau khi hội-đồng chính-phủ, thời ngài sẽ về hội-thương bên Đại-Pháp, để cùng quan Thuộc-địa-bộ giải quyết các vấn-đề thuộc về Đông-Pháp ta. Ngài sẽ ở bên Pháp một vài tháng, rồi lại trở lại đây.

Từ khi quan Toàn-quyền LONG sang trọng-nhậm bên này, ngài vẫn giữ một chính-sách khai-hóa như quan SARRAUT trước. Không những ngài bảo-tồn công-nghiệp quan SARRAUT, mà ngài lại khoáng-trương thêm ra nữa. Ngài ở đây chưa đầy một năm mà về đường giáo-dục lập trường Thương-nghiệp Đông-Pháp, về đường chính-trị mở hội Tư-vấn Trung-kỳ, đủ biết ngài không phải không chú-ý đến dân ta vậy. Lại gần đây, muốn giải-quyết vấn-đề tiền-tệ là một vấn-đề rất quan-trọng, và rất khó-khăn, ngài đặt ra một hội-đồng gồm cả các dân-đẳng trong nước, vừa người tây vừa người ta, để nghiên-cứu cho thật sác-đáng, khỏi thiệt hại đến lợi-quyền dân, thời thật là tỏ ra một người rất ân-cần đến sự lợi-bệnh trong dân-gian, và không hay ưa những cách chuyên-chế độc-đoán vậy.

Nay các việc Đông-Pháp ngài đã tường-tất cả, ngài lại về Đại-Pháp để hội-thương với quan SARRAUT về cái phương-châm chính-trị sau này, thời chắc khi ngài trở lại đây, đường chính-trị trong nước ta sẽ khởi-sắc hơn xưa và dân ta sẽ được mong nhờ lắm.

Bản-chí xin thay mặt quốc-dân mà ước-ao rằng Chánh-phủ Đại-Pháp cứ một lòng tin-nhiệm quan Toàn-quyền LONG và để cho ngài thống-trị cõi này trong lâu năm vậy.

N. P.

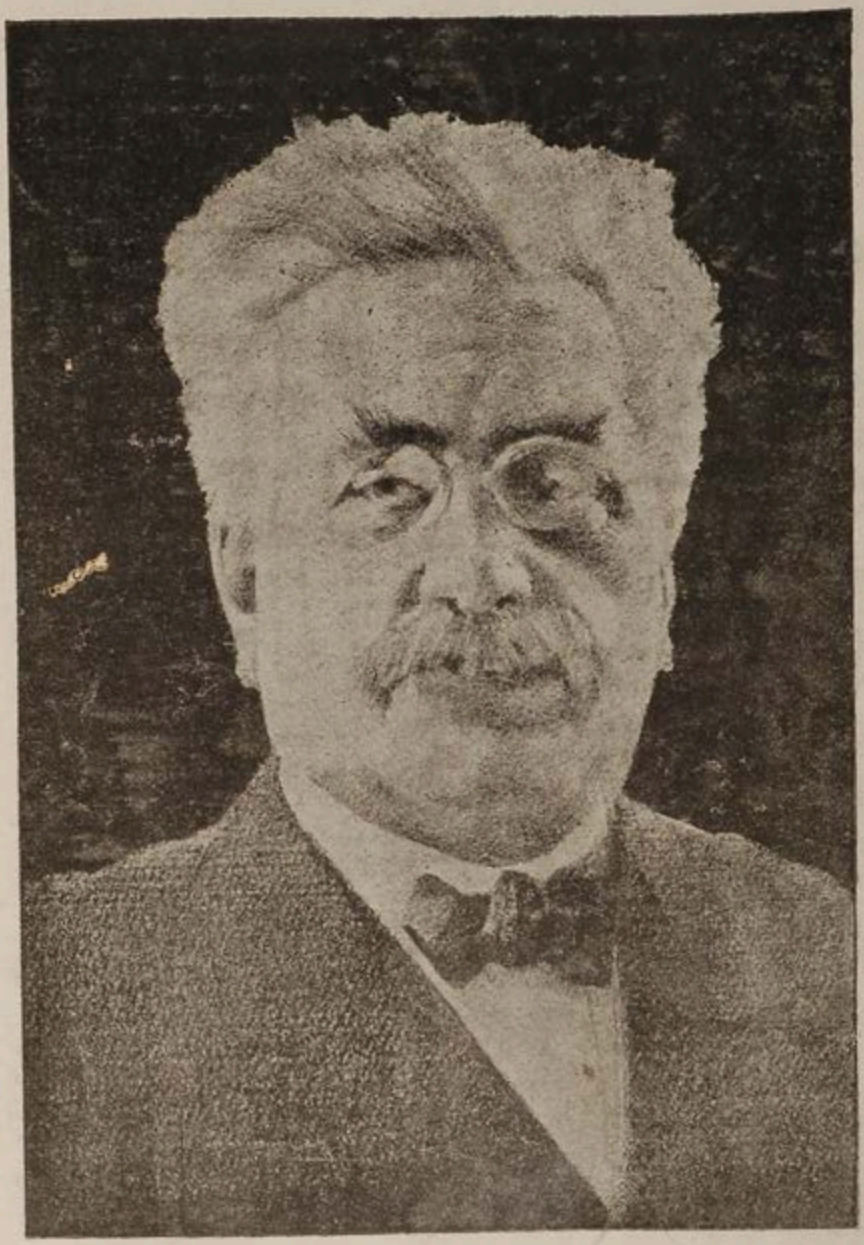

大法總統眉盧凌大人肖像

Quan Giám-quốc Đại-Pháp MILLERAND